BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TOÁN 3

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ HUY KHOÁI (Tổng Chủ biên)
LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – BÙI BÁ MẠNH

TOÁN 3

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ tư)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Gửi các em học sinh lớp 3!

Trong sách *Toán 3*, các em sẽ gặp các nhân vật và một số biểu tượng chỉ dẫn như sau:

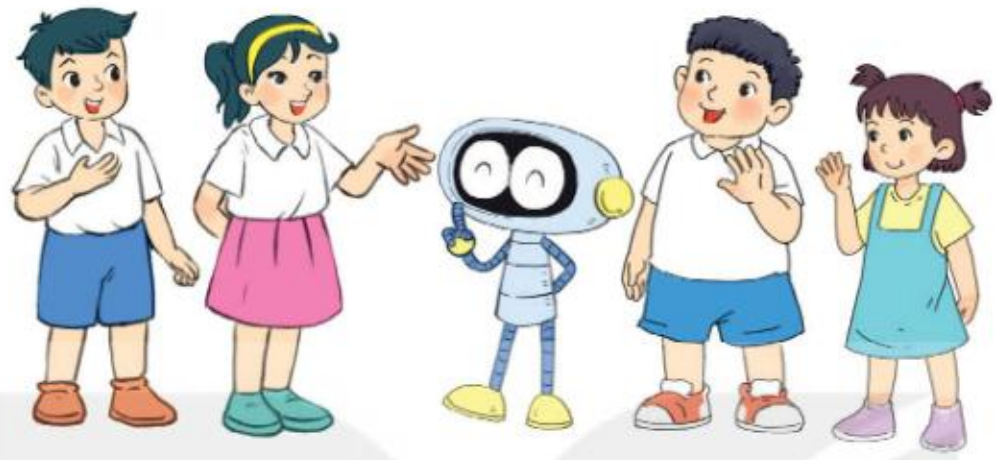

Nam *Mai* *Rô-bốt* *Việt* *Mi*

Khám phá	Tìm hiểu kiến thức mới.
Hoạt động	Làm bài tập để thực hành kiến thức.
Trò chơi	Vừa học vừa chơi, củng cố kiến thức đã học.
Luyện tập	Ôn tập, vận dụng kiến thức đã học qua các bài tập và trò chơi.
Số ?	Tìm số thích hợp.
>; <; = ?	Tìm dấu >; <; = thích hợp.
Đ, S ?	Câu nào đúng? Câu nào sai?

Cùng với hướng dẫn của các thầy cô giáo, những biểu tượng này giúp các em nhận biết được các hoạt động học tập cần thực hiện trong mỗi bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em yêu quý!

Sách *Toán 3* được biên soạn dành riêng cho các em. Cuốn sách này giúp các em không chỉ có được những kiến thức, kĩ năng toán học cơ bản mà còn tìm thấy toán học trong cuộc sống hằng ngày qua những trò chơi, hoạt động gắn với thực tiễn.

Sách *Toán 3* được viết thật dễ hiểu, các ví dụ hay bài tập là những tình huống thực tiễn gần gũi, gắn với hình ảnh sinh động, hấp dẫn giúp các em phát triển năng lực toán học và cảm nhận được niềm vui học toán.

Để học tốt môn Toán, các em hãy làm theo hướng dẫn của thầy cô, tham gia phát biểu xây dựng bài. Đặc biệt, các em hãy tích cực trao đổi, thảo luận nhóm trong các hoạt động và trò chơi. Làm được điều đó, các em sẽ nuôi dưỡng được tình yêu với toán học và hình thành một thái độ học tập tích cực không chỉ với môn Toán mà cả với các môn học khác.

Hi vọng cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành thân thiết, gắn bó với các em trong suốt năm học.

Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công!

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

Chủ đề	Nội dung	Trang
1	ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG	6
	Bài 1. Ôn tập các số đến 1 000	6
	Bài 2. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1 000	9
	Bài 3. Tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ	11
	Bài 4. Ôn tập bảng nhân 2; 5, bảng chia 2; 5	14
	Bài 5. Bảng nhân 3, bảng chia 3	16
	Bài 6. Bảng nhân 4, bảng chia 4	19
	Bài 7. Ôn tập hình học và đo lường	21
	Bài 8. Luyện tập chung	24
2	BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA	28
	Bài 9. Bảng nhân 6, bảng chia 6	28
	Bài 10. Bảng nhân 7, bảng chia 7	31
	Bài 11. Bảng nhân 8, bảng chia 8	33
	Bài 12. Bảng nhân 9, bảng chia 9	36
	Bài 13. Tìm thành phần trong phép nhân, phép chia	39
	Bài 14. Một phần mấy	42
	Bài 15. Luyện tập chung	46
3	LÀM QUEN VỚI HÌNH PHẲNG, HÌNH KHỐI	49
	Bài 16. Điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng	49
	Bài 17. Hình tròn. Tâm, bán kính, đường kính của hình tròn	52
	Bài 18. Góc, góc vuông, góc không vuông	54
	Bài 19. Hình tam giác, hình tứ giác. Hình chữ nhật, hình vuông	56
	Bài 20. Thực hành vẽ góc vuông, vẽ đường tròn, hình vuông, hình chữ nhật và vẽ trang trí	61
	Bài 21. Khối lập phương, khối hộp chữ nhật	63
	Bài 22. Luyện tập chung	65

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề	Nội dung	Trang
4	PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100	67
	Bài 23. Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số	67
	Bài 24. Gấp một số lên một số lần	70
	Bài 25. Phép chia hết, phép chia có dư	72
	Bài 26. Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số	75
	Bài 27. Giảm một số đi một số lần	79
	Bài 28. Bài toán giải bằng hai bước tính	81
	Bài 29. Luyện tập chung	83
5	MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH, NHIỆT ĐỘ	85
	Bài 30. Mi-li-mét	85
	Bài 31. Gam	87
	Bài 32. Mi-li-lít	89
	Bài 33. Nhiệt độ. Đơn vị đo nhiệt độ	91
	Bài 34. Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị mi-li-mét, gam, mi-li-lít, độ C	93
	Bài 35. Luyện tập chung	95
6	PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000	97
	Bài 36. Nhân số có ba chữ số với số có một chữ số	97
	Bài 37. Chia số có ba chữ số cho số có một chữ số	99
	Bài 38. Biểu thức số. Tính giá trị của biểu thức số	104
	Bài 39. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé	109
	Bài 40. Luyện tập chung	111
7	ÔN TẬP HỌC KÌ 1	113
	Bài 41. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100, 1 000	113
	Bài 42. Ôn tập biểu thức số	116
	Bài 43. Ôn tập hình học và đo lường	118
	Bài 44. Ôn tập chung	120
	Một số thuật ngữ dùng trong sách	122

Chủ đề 1

ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 1

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 1 000

1 Nêu số và cách đọc số.

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	3	4	134	một trăm ba mươi tư
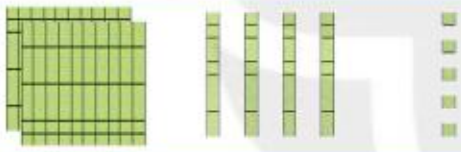	2	4	5	?	?
	3	0	7	?	?
	?	?	?	?	hai trăm bảy mươi mốt

2 Số ?

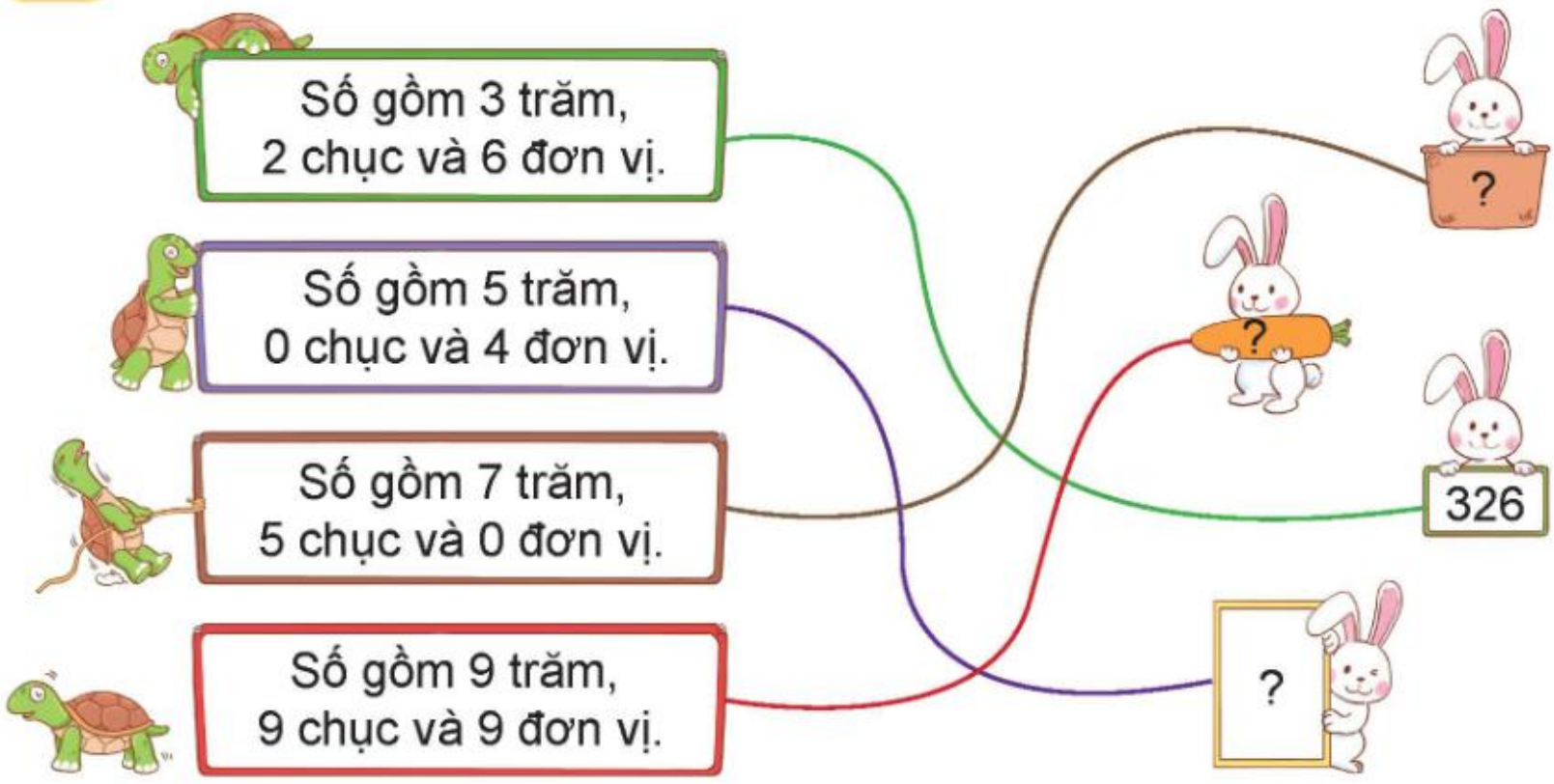

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 a) Số ?

Số	Số trăm	Số chục	Số đơn vị
437	4	3	7
222	?	?	?
305	?	?	?

Số	Số trăm	Số chục	Số đơn vị
598	?	?	?
620	?	?	?
700	?	?	?

b) Viết các số 385, 538, 444, 307, 640 thành tổng các trăm, chục và đơn vị.

Mẫu: 385 = 300 + 80 + 5.

4 Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
41	42	43
?	426	?
?	880	?
?	999	?
35	?	?
?	?	326

5 a) Số ?

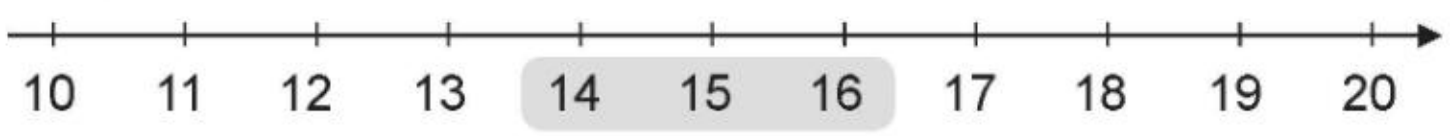

Mẫu: Số liền trước của 15 là 14, số liền sau của 15 là 16. Ta có: 14, 15, 16 là ba số liên tiếp; 16, 15, 14 là ba số liên tiếp.

- Số liền trước của 19 là ?, số liền sau của 19 là ?.

Ta có: 18, 19, ? là ba số liên tiếp; 20, 19, ? là ba số liên tiếp.

b) Tìm số ở ô có dấu "?" để được ba số liên tiếp.

- 210 211 ?
- 210 ? 208

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 >; <; = ?

a) 505 ? 550

399 ? 401

100 ? 90 + 9

b) 400 + 70 + 5 ? 475

738 ? 700 + 30 + 7

50 + 1 ? 50 – 1

2 Số ?

a)

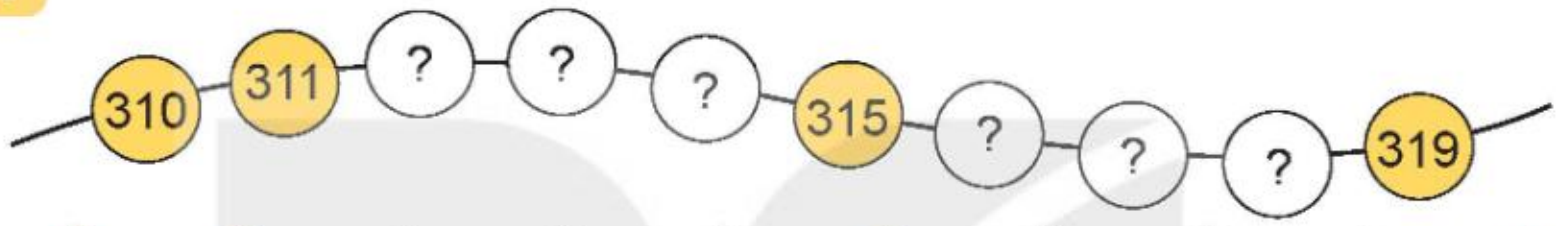

b)

3 Sắp xếp các số 531, 513, 315, 351 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.

4 Số ?

Ba con lợn có cân nặng lần lượt là 99 kg, 110 kg và 101 kg. Biết lợn trắng nặng nhất và lợn đen nhẹ hơn lợn khoang.

- Con lợn trắng cân nặng ? kg.
- Con lợn đen cân nặng ? kg.
- Con lợn khoang cân nặng ? kg.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1 000

1 Tính nhẩm.

a)	b)	c)	d)
50 + 40	500 + 400	80 + 20	300 + 700
90 – 50	900 – 500	100 – 80	1 000 – 700
90 – 40	900 – 400	100 – 20	1 000 – 300

2 Đặt tính rồi tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 84 \\ +\ 16 \\ \hline 100 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 100 \\ -\ 37 \\ \hline 63 \end{array}$$

48 + 52	75 + 25	100 – 26	100 – 45

3 Đặt tính rồi tính.

35 + 48	146 + 29	77 – 59	394 – 158

4 Số ?

Số hạng	30	18	66	59	130
Số hạng	16	25	28	13	80
Tổng	46	?	?	?	?

5 Con trâu cân nặng 650 kg, con nghé cân nặng 150 kg. Hỏi:

a) Con trâu và con nghé cân nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

b) Con trâu nặng hơn con nghé bao nhiêu ki-lô-gam?

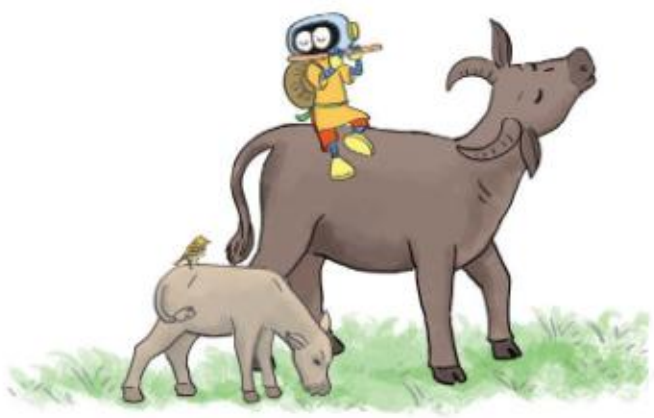

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Số ?

Số bị trừ	1 000	563	210	100	216
Số trừ	200	137	60	26	132
Hiệu	800	?	?	?	?

2 Số ?

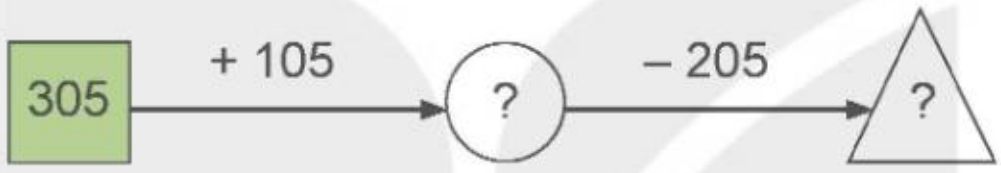

3 a) Những chum nào ghi phép tính có kết quả lớn hơn 150?

b) Những chum nào ghi phép tính có kết quả bằng nhau?

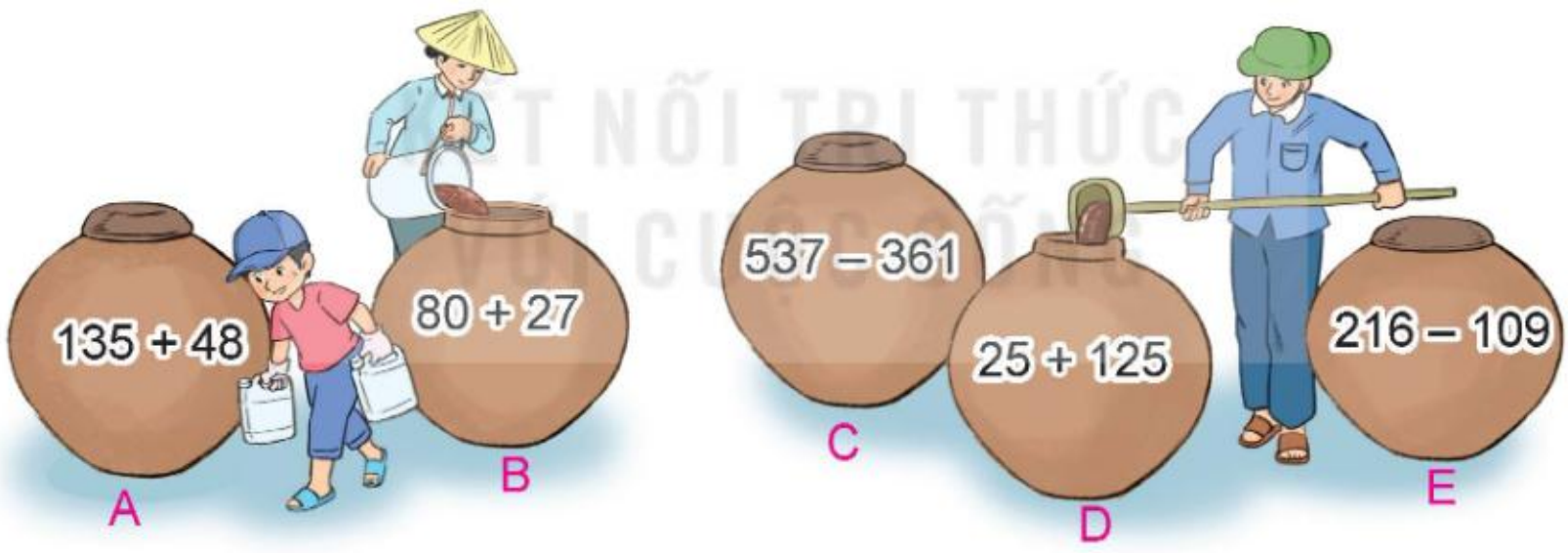

4 Ở một trường học, khối lớp Ba có 142 học sinh, khối lớp Bốn có ít hơn khối lớp Ba 18 học sinh. Hỏi:

a) Khối lớp Bốn có bao nhiêu học sinh?

b) Cả hai khối lớp có bao nhiêu học sinh?

Bài 3

TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

Khám phá

Tìm số hạng trong một tổng

Một túi có 14 quả táo gồm táo xanh và táo đỏ, trong đó có 10 quả táo xanh. Hỏi có bao nhiêu quả táo đỏ?

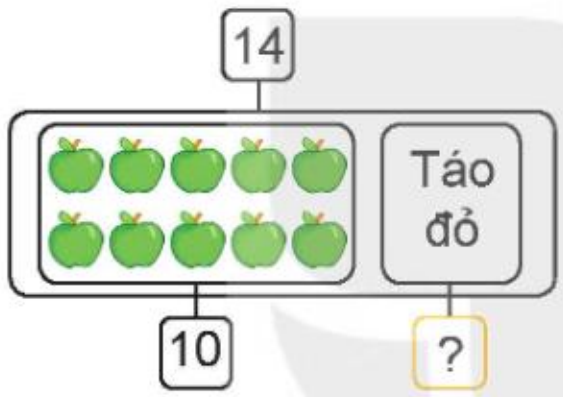

- Số táo đỏ bằng tổng số táo trừ đi số táo xanh.
- Số táo đỏ là:

14 – 10 = 4 (quả).

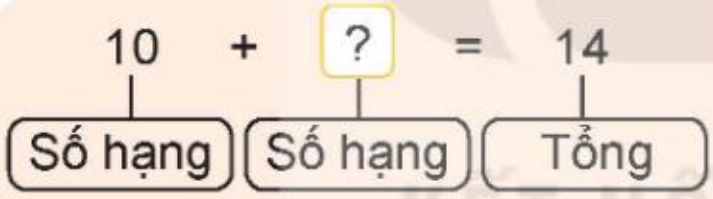

Muốn tìm một số hạng, ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

Hoạt động

1 Tìm số hạng (theo mẫu).

Mẫu: ? + 10 = 26

26 – 10 = 16.

a) ? + 20 = 35

b) ? + 15 = 25

c) 14 + ? = 28

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Số ?

Số hạng	18	?	21	?	60
Số hạng	12	16	?	18	?
Tổng	30	38	54	40	170

3 Hai bến có tất cả 65 thuyền để chở khách đi tham quan, trong đó bến thứ nhất có 40 thuyền. Hỏi bến thứ hai có bao nhiêu thuyền?

Tìm số bị trừ, số trừ

a) Tìm số bị trừ

Việt có một số viên bi. Việt đã cho bạn 5 viên, còn lại 3 viên bi. Hỏi lúc đầu Việt có bao nhiêu viên bi?

Số bi có: ?

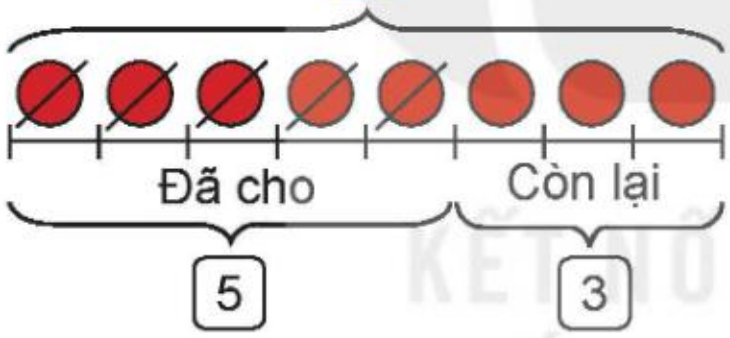

- Số bi lúc đầu Việt có bằng tổng số bi còn lại và số bi đã cho.
- Số bi Việt có là:

3 + 5 = 8 (viên).

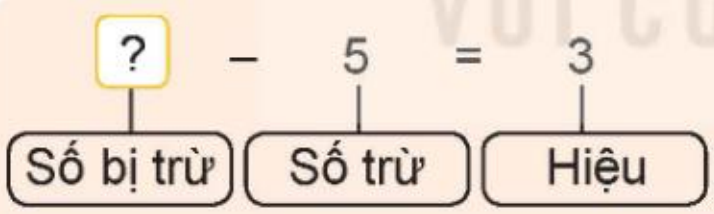

Muốn tìm số bị trừ, ta lấy hiệu cộng với số trừ.

b) Tìm số trừ

Nam có 8 viên bi, Nam cho bạn một số bi và còn lại 3 viên. Hỏi Nam đã cho bạn mấy viên bi?

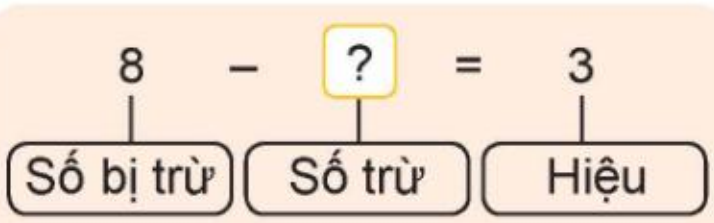

Nam đã cho bạn số viên bi là:

8 – 3 = 5 (viên).

Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 a) Tìm số bị trừ (theo mẫu).

Mẫu: ? – 10 = 30
30 + 10 = 40.

? – 20 = 40
? – 12 = 25
? – 18 = 42

b) Tìm số trừ (theo mẫu).

Mẫu: 30 – ? = 20
30 – 20 = 10.

50 – ? = 10
35 – ? = 15
51 – ? = 18

2 Số ?

Số bị trừ	70	?	34	?	64
Số trừ	20	14	?	26	?
Hiệu	50	25	12	18	37

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Chọn câu trả lời đúng.

a) Biết số trừ là 36, hiệu là 25, số bị trừ là:

A. 51 B. 11 C. 61

b) Biết số bị trừ là 52, hiệu là 28, số trừ là:

A. 80 B. 34 C. 24

2 Lúc đầu có 64 con vịt ở trên bờ. Lúc sau có một số con vịt xuống ao bơi lội, số vịt còn lại ở trên bờ là 24 con. Hỏi có bao nhiêu con vịt xuống ao?

Bài 4

ÔN TẬP BẢNG NHÂN 2; 5, BẢNG CHIA 2; 5

Ôn tập bảng nhân 2, bảng chia 2

1 Số ?

a)

Thừa số	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Thừa số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tích	2	4	?	?	?	?	?	?	?	20

b)

Số bị chia	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
Số chia	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Thương	1	2	?	?	?	?	?	?	?	10

2 Nêu các số còn thiếu.

a) 2 | 4 | 6 | ? | ? | ? | 14 | ? | ? | 20

b) 20 | 18 | 16 | ? | ? | 10 | ? | ? | ? | 2

3 Số ?

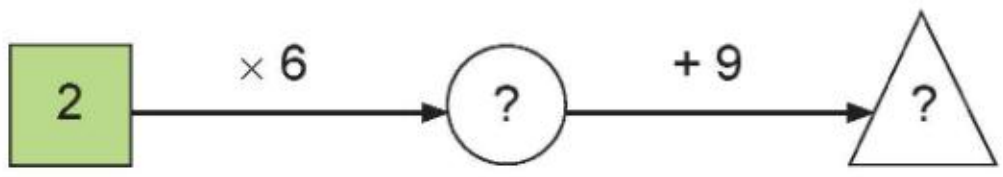

4 Có 18 học sinh ngồi vào các bàn học, mỗi bàn 2 bạn. Hỏi có bao nhiêu bàn học như vậy?

5 Trong ngày hội đấu vật đầu xuân có 10 cặp đô vật tham gia thi đấu. Hỏi có bao nhiêu đô vật tham gia thi đấu?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

Ôn tập bảng nhân 5, bảng chia 5

1 Số ?

a)

Thừa số	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
Thừa số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tích	5	10	?	?	?	?	?	?	?	50

b)

Số bị chia	50	45	40	35	30	25	20	15	10	5
Số chia	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
Thương	10	9	?	?	?	?	?	?	?	1

2 Rô-bốt sẽ hái hết những quả bưởi rồi cho vào các sọt (như hình vẽ). Hỏi:

a) Sọt nào sẽ có nhiều bưởi nhất?

b) Sọt nào sẽ có ít bưởi nhất?

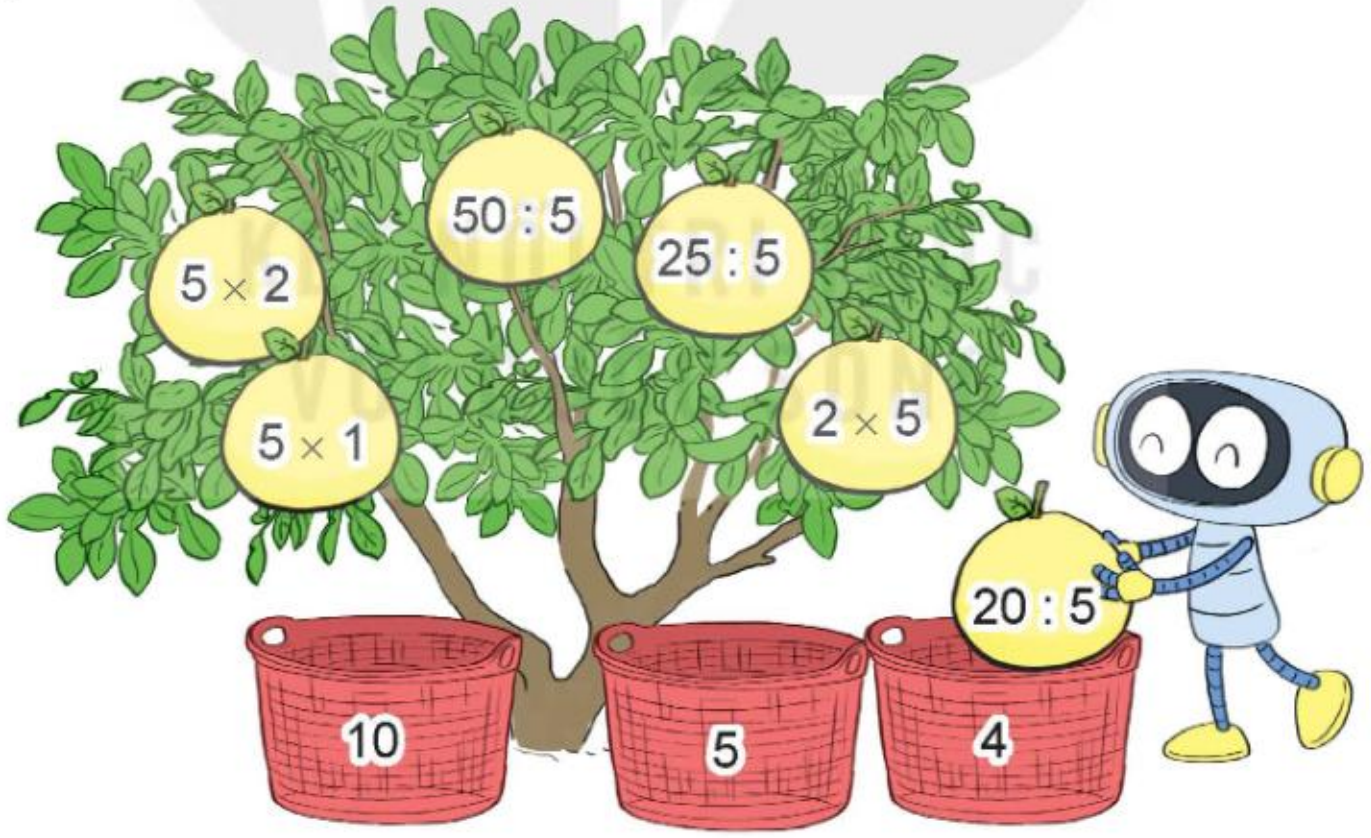

3 >; <; = ?

a) 40 : 5 ? 7 b) 45 : 5 ? 10 c) 5 × 2 ? 50 : 5

4 Cửa hàng có 50 kg gạo nếp. Người ta chia đều số gạo nếp đó vào 5 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

Bài 5

BẢNG NHÂN 3, BẢNG CHIA 3

Khám phá

Bảng nhân 3

a)

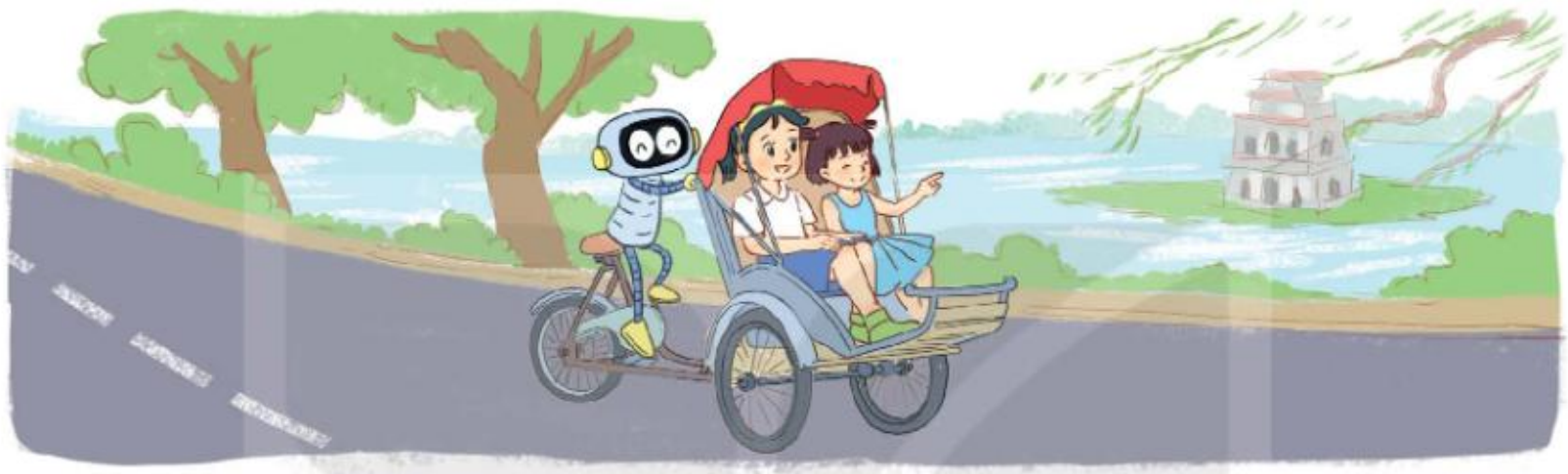

Mỗi xe xích lô có 3 bánh xe. Hỏi 4 xe xích lô có bao nhiêu bánh xe?

$3 \times 4 = ?$

$3 + 3 + 3 + 3 = 12$

$3 \times 4 = 12$

b) Hoàn thành bảng nhân 3.

Bảng nhân 3
$3 \times 1 = 3$
$3 \times 2 = 6$
$3 \times 3 = ?$
$3 \times 4 = ?$
$3 \times 5 = ?$
$3 \times 6 = ?$
$3 \times 7 = ?$
$3 \times 8 = ?$
$3 \times 9 = ?$
$3 \times 10 = 30$

Thêm 3 vào kết quả của 3×2 ta được kết quả của 3×3.

Hoạt động

1 Số ?

Thừa số	3	3	3	3	3	3
Thừa số	2	3	5	7	9	10
Tích	6	?	?	?	?	?

2 Nêu các số còn thiếu.

a) 3 6 9 ? ? 18 ? 24 ? 30

b) 30 27 24 ? ? 15 ? 9 ? 3

3 Mỗi bàn đấu cờ vua có 3 người. Hỏi 6 bàn đấu cờ vua như vậy có bao nhiêu người?

Khám phá

Bảng chia 3

a)

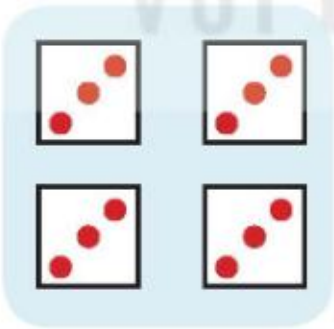

$3 \times 4 = 12$ → $12 : 3 = 4$

b) Từ bảng nhân 3, hoàn thành bảng chia 3.

Bảng chia 3
3 : 3 = 1
6 : 3 = 2
9 : 3 = ?
12 : 3 = ?
15 : 3 = ?
18 : 3 = ?
21 : 3 = ?
24 : 3 = ?
27 : 3 = ?
30 : 3 = 10

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Số ?

Số bị chia	6	12	15	21	24	30
Số chia	3	3	3	3	3	3
Thương	2	?	?	?	?	?

2 Chọn kết quả cho mỗi phép tính.

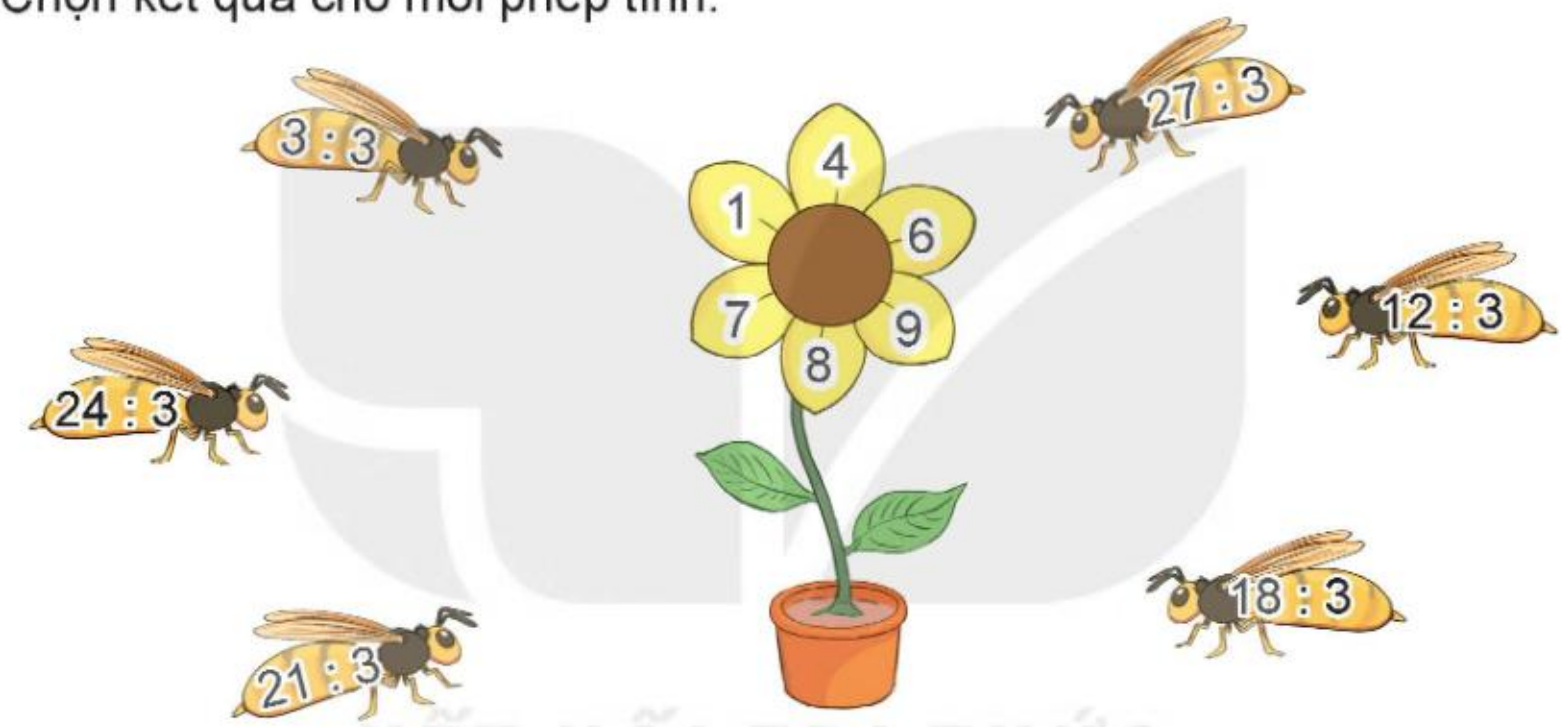

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?

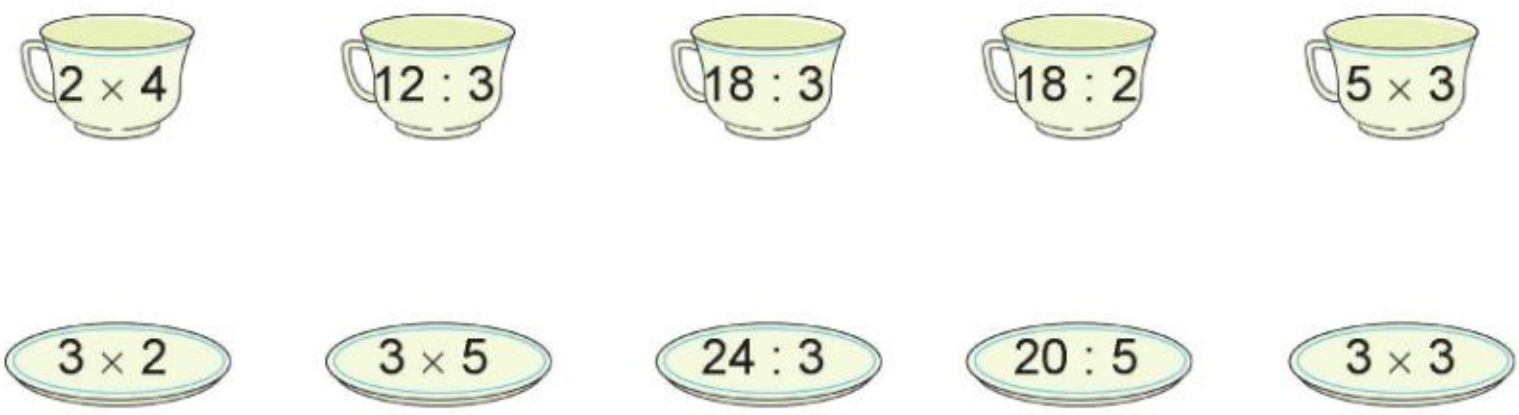

2 Chia đều 30 que tính thành 3 bó. Hỏi mỗi bó có bao nhiêu que tính?

Bài 6

BẢNG NHÂN 4, BẢNG CHIA 4

Khám phá

Bảng nhân 4

a)

Mỗi chong chóng có 4 cánh. Hỏi 5 chong chóng có bao nhiêu cánh?

$4 \times 5 = ?$

$4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 20$

$4 \times 5 = 20$

b) Hoàn thành bảng nhân 4.

Bảng nhân 4
$4 \times 1 = 4$
$4 \times 2 = 8$
$4 \times 3 = ?$
$4 \times 4 = ?$
$4 \times 5 = ?$
$4 \times 6 = ?$
$4 \times 7 = ?$
$4 \times 8 = ?$
$4 \times 9 = ?$
$4 \times 10 = 40$

Thêm 4 vào kết quả của 4×2 ta được kết quả của 4×3.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hoạt động

1 Số ?

×	4	4	4	4	4	4
	2	3	5	7	9	10
	8	?	?	?	?	?

2 Nêu các số còn thiếu.

a) 4 | 8 | 12 | ? | ? | 24 | ? | 32 | ? | 40

b) 40 | 36 | 32 | ? | ? | 20 | ? | 12 | ? | 4

3 Mỗi ô tô con có 4 bánh xe. Hỏi 8 ô tô như vậy có bao nhiêu bánh xe?

khám phá

Bảng chia 4

a)

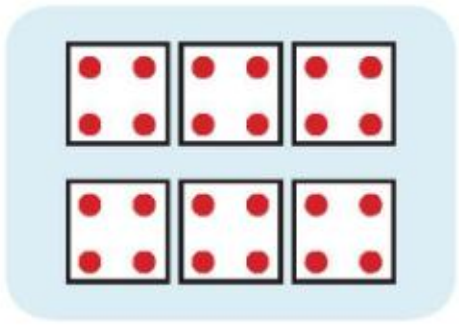

$4 \times 6 = 24$ → $24 : 4 = 6$

b) Từ bảng nhân 4, hoàn thành bảng chia 4.

Bảng chia 4
4 : 4 = 1
8 : 4 = 2
12 : 4 = ?
16 : 4 = ?
20 : 4 = ?
24 : 4 = ?
28 : 4 = ?
32 : 4 = ?
36 : 4 = ?
40 : 4 = 10

hoạt động

1 Số ?

:	28	12	36	24	32	20
4	4	4	4	4	4	4
	7	?	?	?	?	?

2 Toa tàu nào ghi phép tính có kết quả lớn nhất?

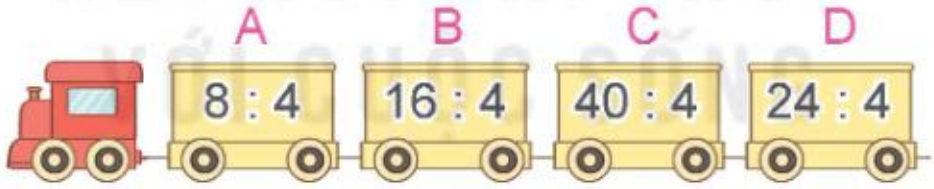

luyện tập

1 Số ?

a) 4 —×5→ ?; 20 —:4→ ?

b) 4 —×4→ ?; 16 —:4→ ?

c) 4 —×6→ ?; 24 —:4→ ?

2 Có 24 chiếc bánh chia vào các hộp, mỗi hộp 4 chiếc bánh. Hỏi được bao nhiêu hộp bánh như vậy?

Bài 7

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

luyện tập

Ôn tập hình học

1 a) Mỗi đồ vật dưới đây có dạng hình khối gì?

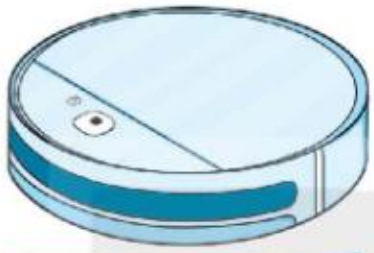

Rô-bốt hút bụi

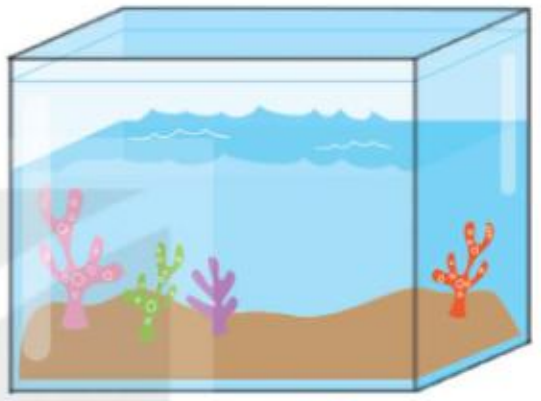

Bể cá

Khối ru-bích

Quả địa cầu

b) Chọn hình thích hợp đặt vào dấu "?".

A.

B.

C.

D.

2 Nêu tên ba điểm thẳng hàng có trong hình bên.

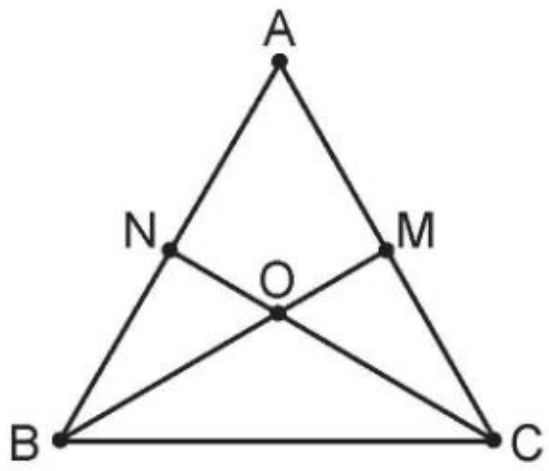

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3 Con ốc sên bò đến cây chuối theo đường gấp khúc ABCD. Tính độ dài quãng đường ốc sên phải bò.

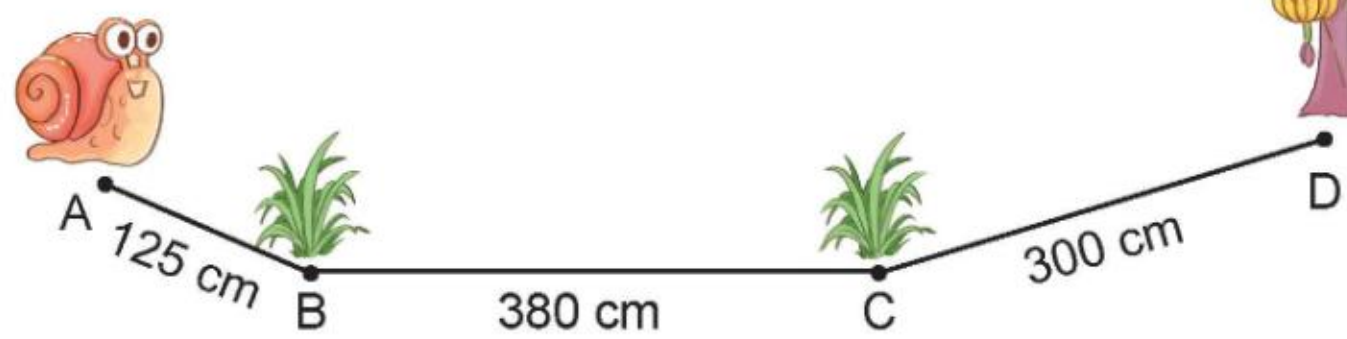

4 Vẽ hình (theo mẫu).

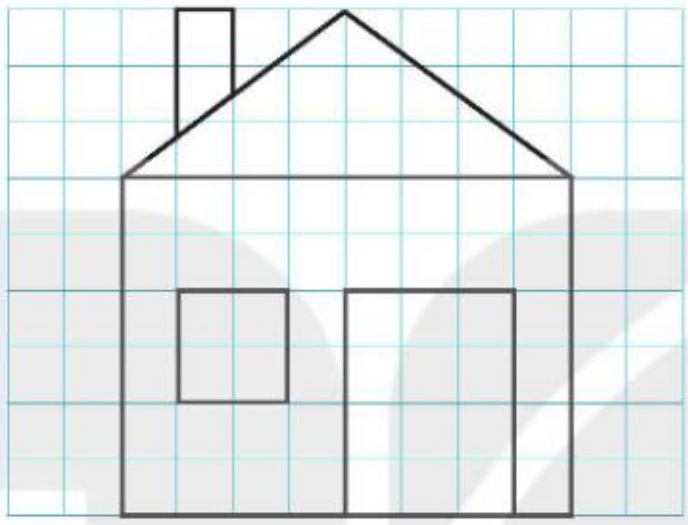

5 Chọn câu trả lời đúng.

Trong hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?

A. 3 hình B. 4 hình

C. 5 hình D. 6 hình

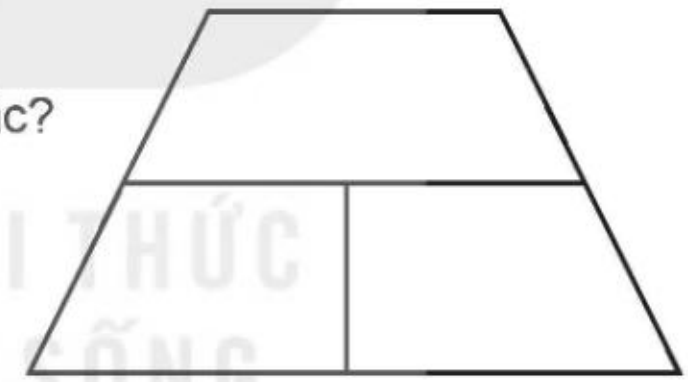

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

Ôn tập đo lường

1 Số ?

a)

- Quả mít cân nặng ? kg.
- Quả dưa hấu cân nặng ? kg.
- Quả mít nặng hơn quả dưa hấu ? kg.

b) Hai can dưới đây chứa đầy dầu.

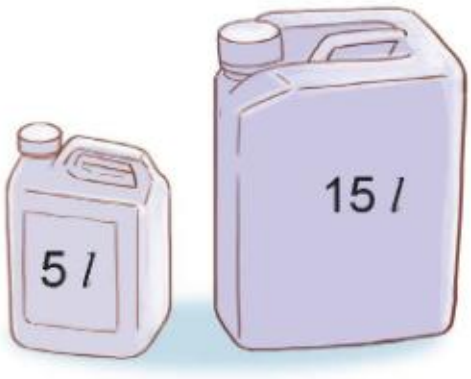

Cả hai can có ? *l* dầu.

2 Chọn câu trả lời đúng.

a) Đồng hồ bên đổ chuông lúc:

A. 3 giờ 30 phút B. 6 giờ 3 phút

C. 6 giờ 15 phút D. 3 giờ 6 phút

b) Nếu ngày 4 tháng 10 là thứ Ba thì ngày 10 tháng 10 là:

A. Chủ nhật B. Thứ Hai C. Thứ Ba D. Thứ Tư

3 Mỗi tuần gia đình cô Hoa ăn hết 5 kg gạo. Cô Hoa mua về 20 kg gạo. Hỏi gia đình cô Hoa ăn trong mấy tuần thì hết số gạo đó?

4 Tìm hai đồng hồ chỉ cùng giờ vào buổi chiều hoặc buổi tối.

A

B

C

D

M

N

P

Q

5 Đố bạn!

Có một can 3 *l* và một can 5 *l*. Chỉ dùng hai cái can đó, làm thế nào lấy được 1 *l* nước từ bể nước?

Bài 8

LUYỆN TẬP CHUNG

1 a) Cân nặng của mỗi con vật được cho dưới đây. Viết tên các con vật theo thứ tự cân nặng từ bé đến lớn.

Gấu trắng Bắc Cực: 250 kg

Hổ: 167 kg

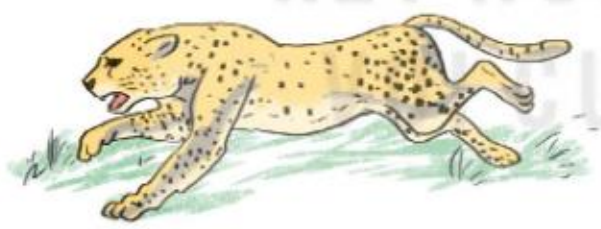

Báo: 86 kg

Sư tử: 155 kg

b) Viết các số 356, 432, 728, 669 thành tổng các trăm, chục và đơn vị (theo mẫu).

Mẫu: 356 = 300 + 50 + 6.

2 Đặt tính rồi tính.

a) 64 + 73 326 + 58 132 + 597

b) 157 – 85 965 – 549 828 – 786

3 Trường Tiểu học Quang Trung có 563 học sinh, Trường Tiểu học Lê Lợi có nhiều hơn Trường Tiểu học Quang Trung 29 học sinh. Hỏi Trường Tiểu học Lê Lợi có bao nhiêu học sinh?

4 Số ?

a)

Số hạng	35	46	?
Số hạng	27	?	18
Tổng	?	75	52

b)

Số bị trừ	93	81	?
Số trừ	64	?	23
Hiệu	?	34	49

5 Số ?

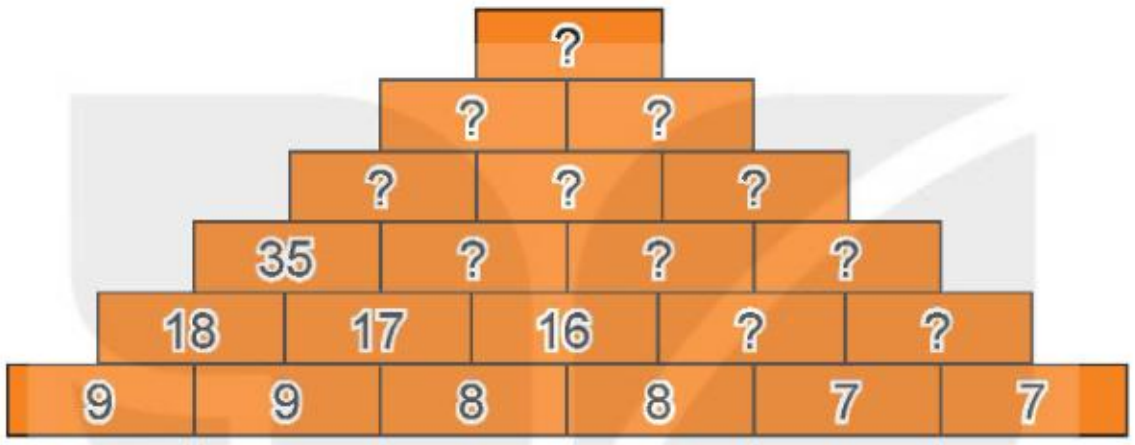

luyện tập

1 Tính nhẩm.

a) 2×1 3×1 4×1 5×1

b) $2 : 1$ $3 : 1$ $4 : 1$ $5 : 1$

Nhận xét: • Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.
• Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.

2 Tính (theo mẫu).

Mẫu: $1 \times 2 = ?$
$1 \times 2 = 1 + 1 = 2$
$1 \times 2 = 2$

1×3 1×4
1×6 1×5

Nhận xét: Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?

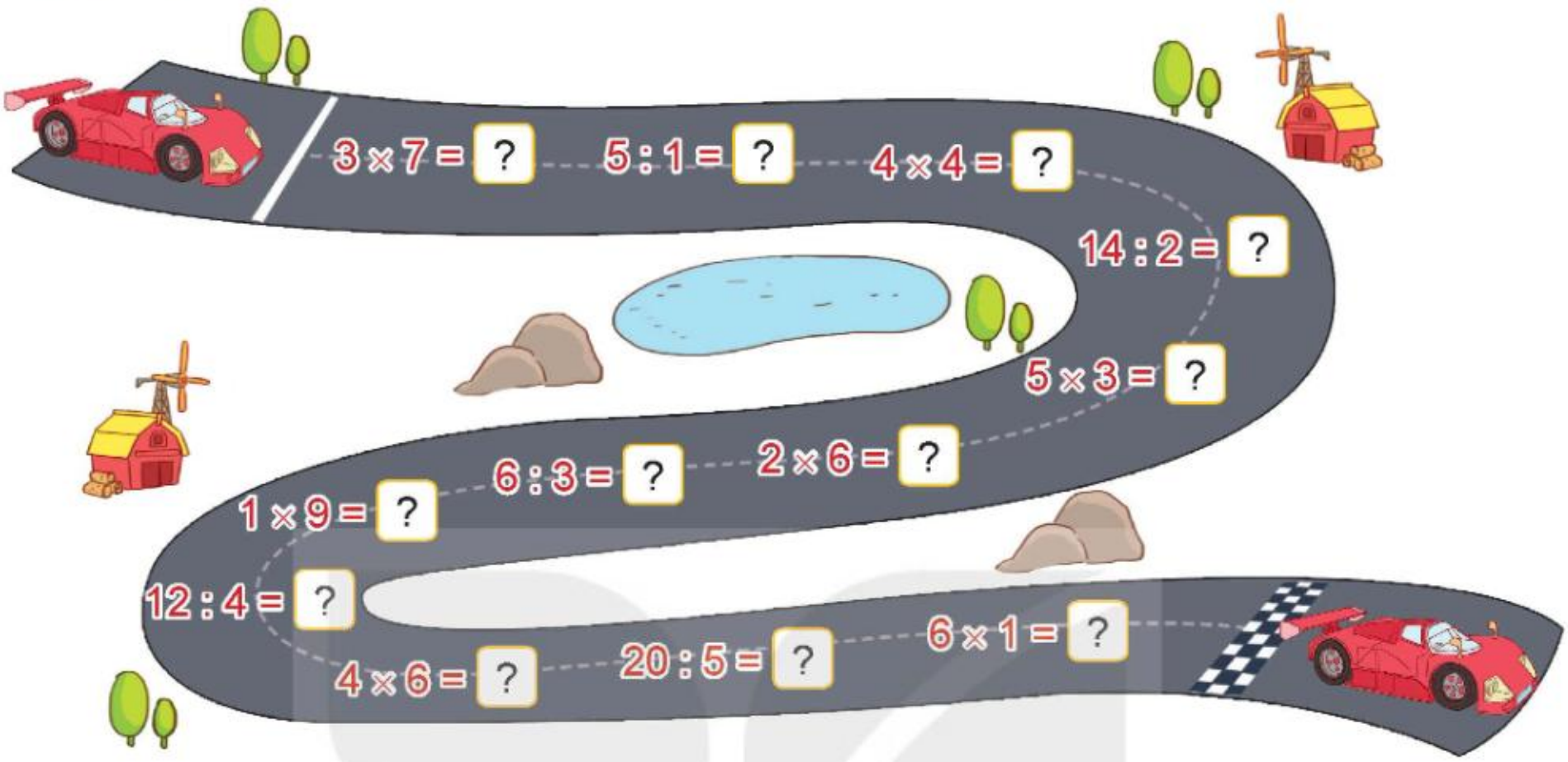

4 Số ?

a) $4 \times$? $= 8$

$12 :$? $= 3$

$3 \times$? $= 18$

$25 :$? $= 5$

b)

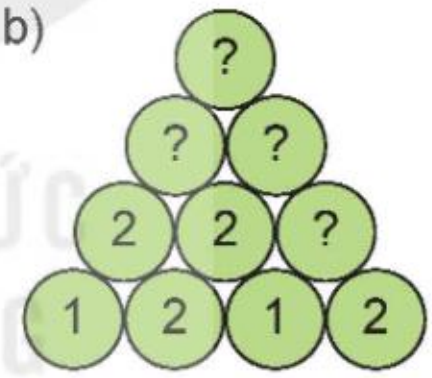

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 a) Tính (theo mẫu).

Mẫu: $0 \times 2 = ?$

$0 \times 2 = 0 + 0 = 0$

$0 \times 2 = 0$

0×3

0×4

0×5

Nhận xét: Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0.

b) Tính nhẩm.

0×6	0×7	0×8	0×9
$0 : 6$	$0 : 7$	$0 : 8$	$0 : 9$

Nhận xét: Số 0 chia cho số nào khác 0 cũng bằng 0.

2 Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?

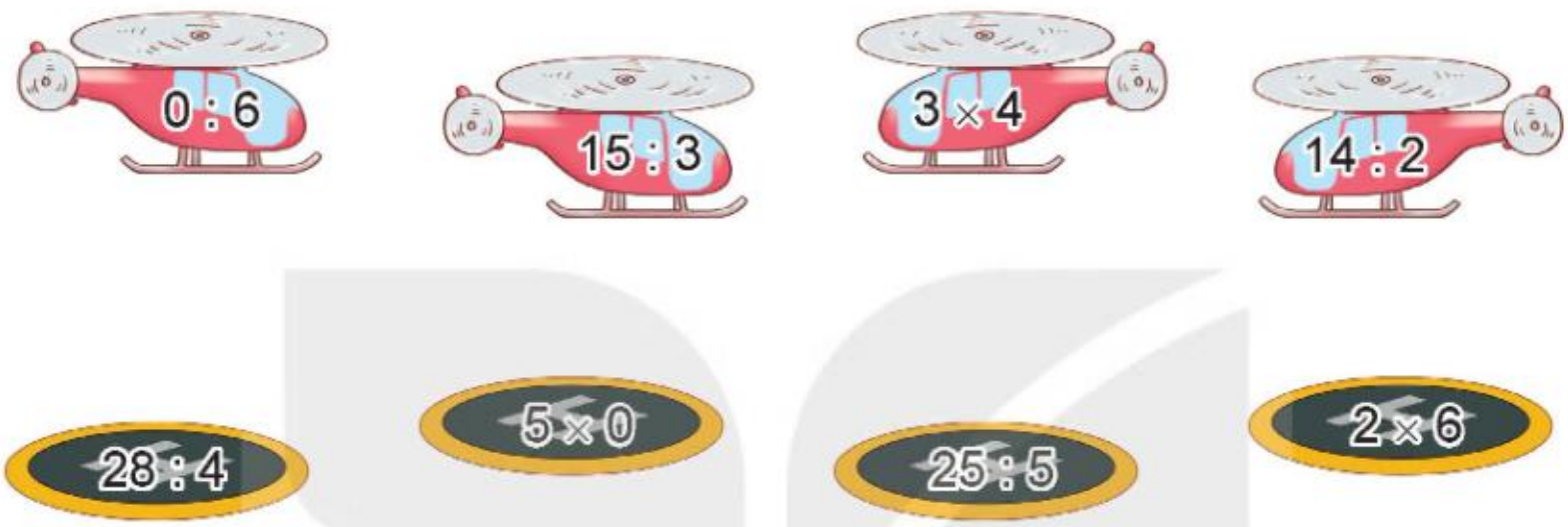

3 Tổ Một có 8 bạn, mỗi bạn góp 5 quyển vở để giúp đỡ các bạn vùng bị lũ lụt. Hỏi tổ Một góp được bao nhiêu quyển vở?

4 Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE.

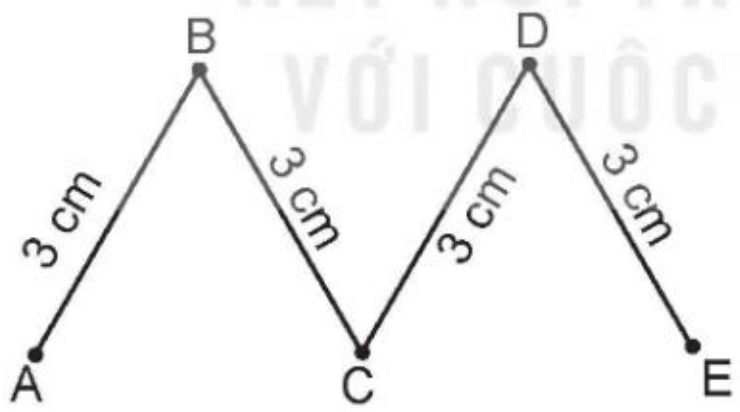

5 Số ?

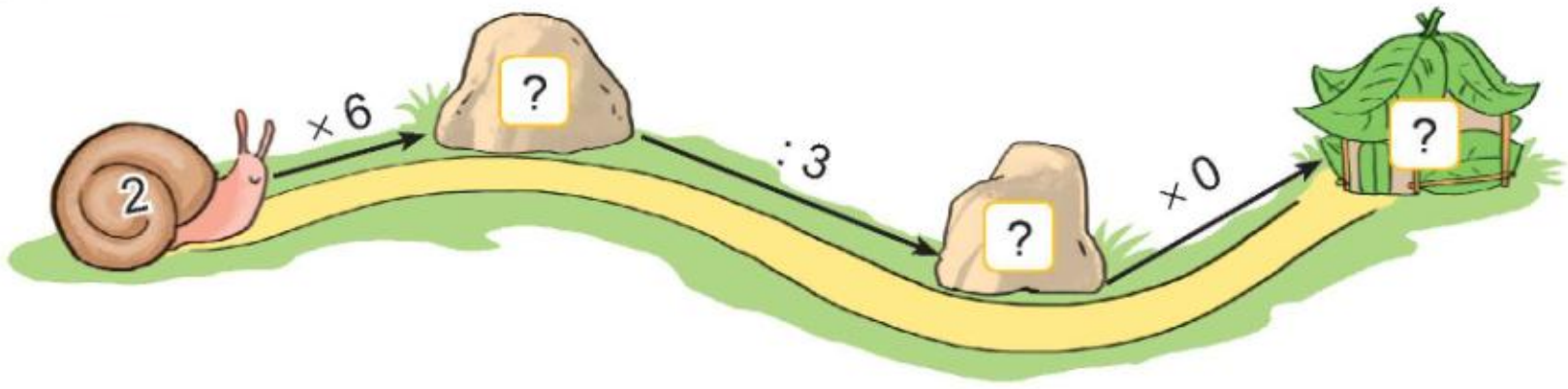

Chủ đề 2

BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

Bài 9

BẢNG NHÂN 6, BẢNG CHIA 6

Khám phá

a)

Mỗi con bọ rùa có 6 chấm ở cánh. Hỏi 4 con bọ rùa như vậy có bao nhiêu chấm ở cánh?

$6 \times 4 = ?$

$6 + 6 + 6 + 6 = 24$

$6 \times 4 = 24$ → $24 : 6 = 4$

b) Hoàn thành bảng nhân 6, bảng chia 6.

Thêm 6 vào kết quả của 6×2 ta được kết quả của 6×3.

Bảng nhân 6	→	Bảng chia 6
$6 \times 1 = 6$		$6 : 6 = 1$
$6 \times 2 = 12$		$12 : 6 = 2$
$6 \times 3 = ?$		$18 : 6 = ?$
$6 \times 4 = ?$		$24 : 6 = ?$
$6 \times 5 = ?$		$30 : 6 = ?$
$6 \times 6 = ?$		$36 : 6 = ?$
$6 \times 7 = ?$		$42 : 6 = ?$
$6 \times 8 = ?$		$48 : 6 = ?$
$6 \times 9 = ?$		$54 : 6 = ?$
$6 \times 10 = 60$		$60 : 6 = 10$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính nhẩm.

a) 6×1
6×4
6×6

b) $12 : 6$
$18 : 6$
$48 : 6$

c) 6×5
$30 : 6$
$30 : 5$

2 Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?

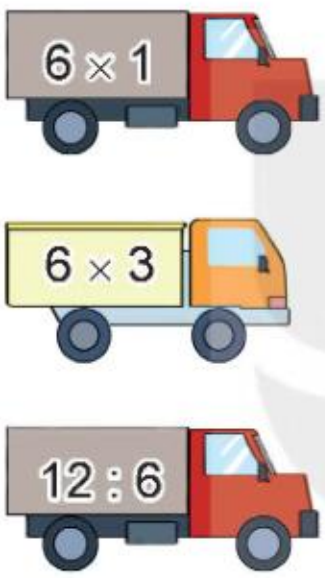

2×9

4×2

$36 : 6$

5×6

$6 : 3$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Nêu các số còn thiếu.

a) 6, 12, 18, ?, ?, 36, ?, 48, ?, 60

b) 60, 54, 48, ?, ?, 30, ?, 18, ?, 6

2 Số ?

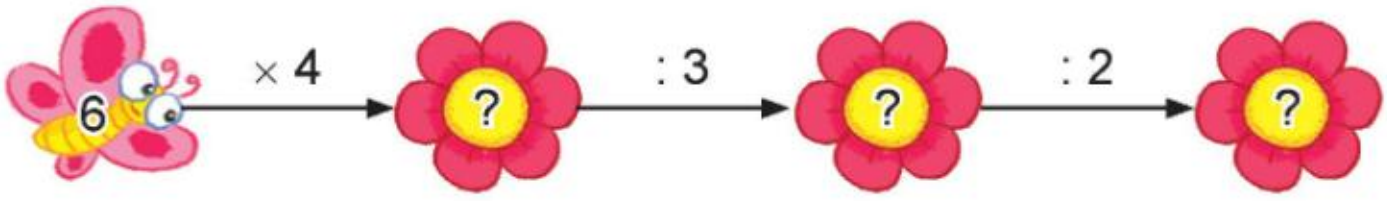

3 Số ?

a)

Thừa số	6	6	6	6	6	6
Thừa số	2	4	6	3	5	7
Tích	12	?	?	?	?	?

b)

Số bị chia	18	30	42	60	54	48
Số chia	6	6	6	6	6	6
Thương	3	?	?	?	?	?

4 Số ?

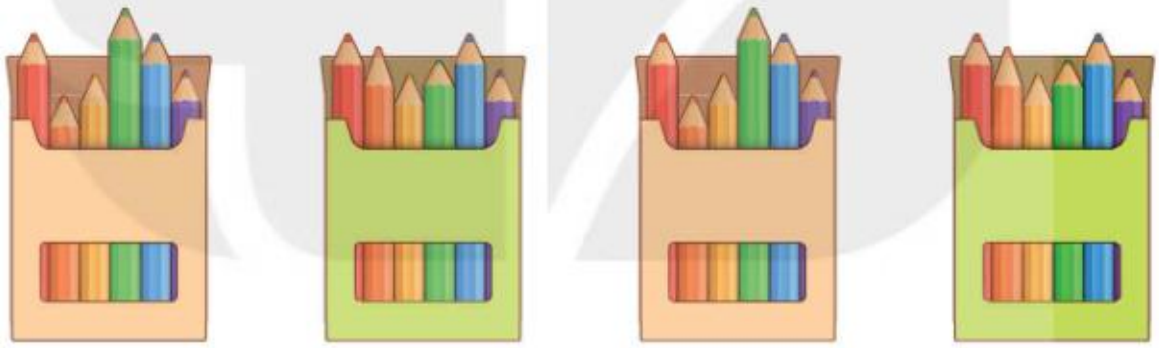

a) Mỗi hộp có ? chiếc bút chì màu.

b) Số bút chì màu ở 4 hộp là: ? × ? = ? (chiếc).

5 Một thanh gỗ dài 60 cm được cưa thành 6 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn gỗ đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài 10

BẢNG NHÂN 7, BẢNG CHIA 7

khám phá

a)

Mỗi đội chơi kéo co có 7 bạn. Hỏi 2 đội chơi kéo co có bao nhiêu bạn?

$7 \times 2 = ?$

$7 + 7 = 14$

$7 \times 2 = 14 \rightarrow 14 : 7 = 2$

b) Hoàn thành bảng nhân 7, bảng chia 7.

Bảng nhân 7	→	Bảng chia 7
$7 \times 1 = 7$		$7 : 7 = 1$
$7 \times 2 = 14$		$14 : 7 = 2$
$7 \times 3 = ?$		$21 : 7 = ?$
$7 \times 4 = ?$		$28 : 7 = ?$
$7 \times 5 = ?$		$35 : 7 = ?$
$7 \times 6 = ?$		$42 : 7 = ?$
$7 \times 7 = ?$		$49 : 7 = ?$
$7 \times 8 = ?$		$56 : 7 = ?$
$7 \times 9 = ?$		$63 : 7 = ?$
$7 \times 10 = 70$		$70 : 7 = 10$

Thêm 7 vào kết quả của 7×2 ta được kết quả của 7×3.

hoạt động

1 Số ?

a) $7 \xrightarrow{\times 5} ?$ $\quad 7 \xrightarrow{\times 6} ?$ $\quad 7 \xrightarrow{\times 9} ?$

b) $35 \xrightarrow{:7} ?$ $\quad 42 \xrightarrow{:7} ?$ $\quad 63 \xrightarrow{:7} ?$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Rô-bốt lấy các quả bóng ghi phép tính có kết quả bé hơn 28. Hỏi Rô-bốt lấy được bao nhiêu quả bóng như vậy?

3 Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Bố của Mai đi công tác 4 tuần lễ. Hỏi bố của Mai đi công tác bao nhiêu ngày?

luyện tập

1 Nêu các số còn thiếu.

a) 7, 14, 21, ?, 35, 42, ?, 56, ?, 70

b) 70, 63, 56, ?, ?, 35, ?, 21, ?, 7

2 Số ?

a)

×	7	7	7	7	7	7
	1	3	5	7	8	6
	7	?	?	?	?	?

b)

:	14	21	35	42	70	56
	7	7	7	7	7	7
	2	?	?	?	?	?

3 Có 42 cái cốc xếp đều vào 7 hộp. Hỏi mỗi hộp có mấy cái cốc?

4 >; <; = ?

a) 7×5 ? 7×4 $\quad$ 7×2 ? 2×7 $\quad$ 7×8 ? 7×9

b) $42 : 7$? $42 : 6$ $\quad$ $21 : 7$? $6 : 2$ $\quad$ $56 : 7$? $49 : 7$

Bài 11

BẢNG NHÂN 8, BẢNG CHIA 8

Khám phá

a)

$8 \times 2 = ?$

$8 + 8 = 16$

$8 \times 2 = 16$ → $16 : 8 = 2$

b) Hoàn thành bảng nhân 8, bảng chia 8.

Bảng nhân 8	→	Bảng chia 8
$8 \times 1 = 8$		$8 : 8 = 1$
$8 \times 2 = 16$		$16 : 8 = 2$
$8 \times 3 = ?$		$24 : 8 = ?$
$8 \times 4 = ?$		$32 : 8 = ?$
$8 \times 5 = ?$		$40 : 8 = ?$
$8 \times 6 = ?$		$48 : 8 = ?$
$8 \times 7 = ?$		$56 : 8 = ?$
$8 \times 8 = ?$		$64 : 8 = ?$
$8 \times 9 = ?$		$72 : 8 = ?$
$8 \times 10 = 80$		$80 : 8 = 10$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Số ?

a)

Thừa số	8	8	8	8	8	8
Thừa số	2	4	6	3	5	7
Tích	16	?	?	?	?	?

b)

Số bị chia	24	32	16	40	56	72
Số chia	8	8	8	8	8	8
Thương	3	?	?	?	?	?

2 Số ?

Mỗi hộp bút có 8 chiếc bút chì màu.

4 hộp bút có bao nhiêu chiếc bút chì màu?	$8 \times 6 =$?
6 hộp bút có bao nhiêu chiếc bút chì màu?	$8 \times 10 =$?
3 hộp bút có bao nhiêu chiếc bút chì màu?	$8 \times 4 =$?
10 hộp bút có bao nhiêu chiếc bút chì màu?	$8 \times 5 =$?
5 hộp bút có bao nhiêu chiếc bút chì màu?	$8 \times 3 =$?

luyện tập

1 Nêu các số còn thiếu.

a) 8, 16, 24, ?, ?, 48, ?, 64, ?, 80

b) 80, 72, 64, ?, 48, ?, 32, ?, ?, 8

2 Số ?

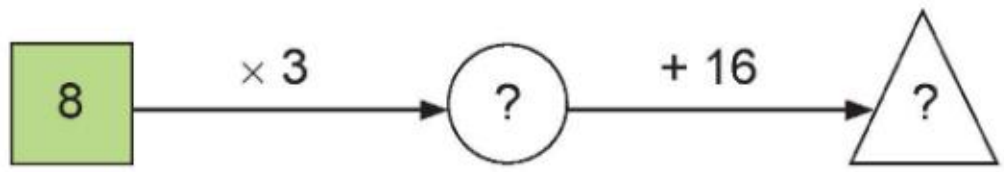

3 Chọn kết quả cho mỗi phép tính.

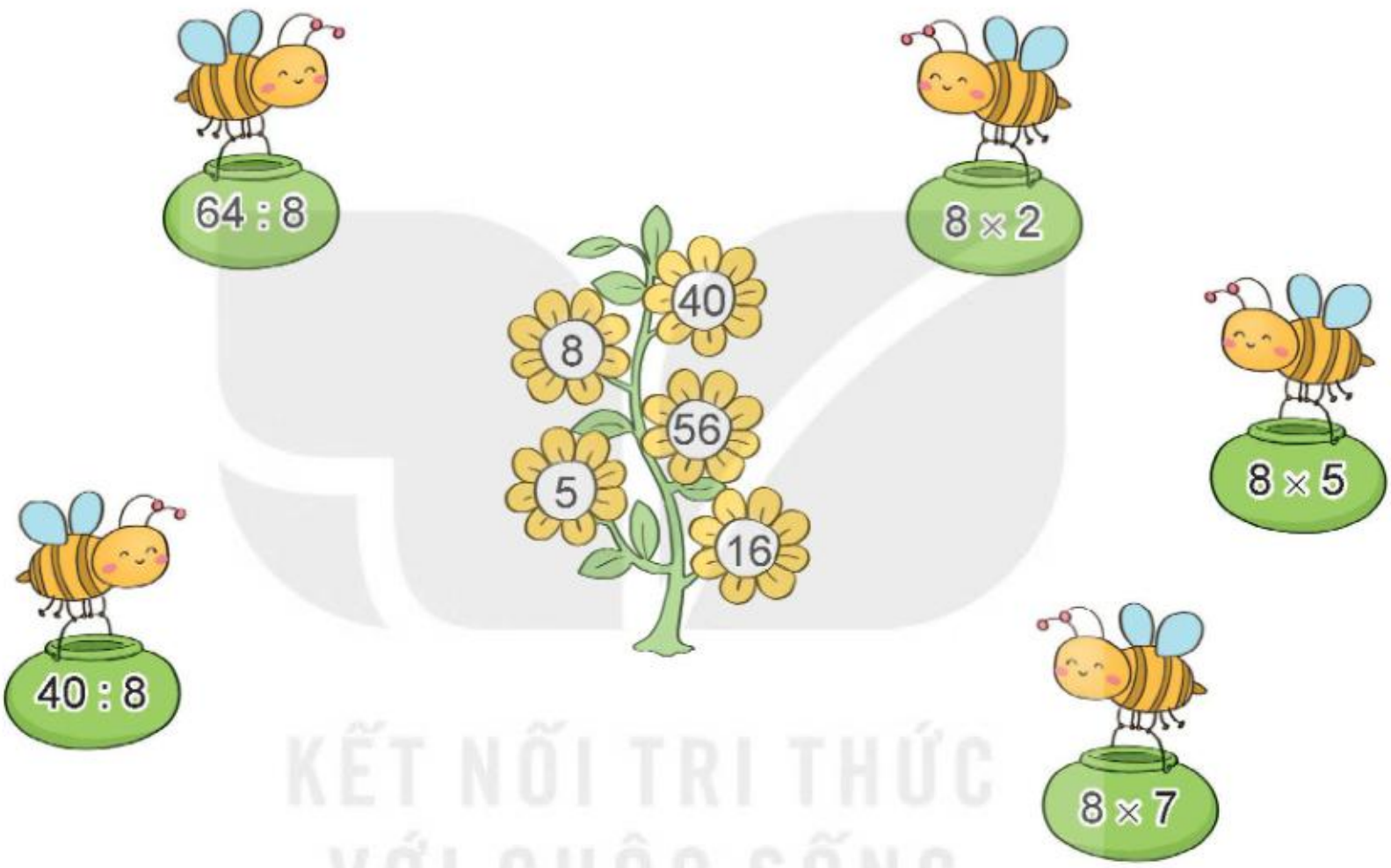

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Mỗi con cua có 8 cái chân và 2 cái càng. Hỏi:

a) 3 con cua có bao nhiêu cái chân?

b) 6 con cua có bao nhiêu cái càng?

Bài 12

BẢNG NHÂN 9, BẢNG CHIA 9

Khám phá

a)

Mỗi đội múa rồng có 9 người. Hỏi 2 đội múa rồng có bao nhiêu người?

$9 \times 2 = ?$

$9 + 9 = 18$

$9 \times 2 = 18$ → $18 : 9 = 2$

b) Hoàn thành bảng nhân 9, bảng chia 9.

Thêm 9 vào kết quả của 9×2 ta được kết quả của 9×3.

Bảng nhân 9	→	Bảng chia 9
$9 \times 1 = 9$		$9 : 9 = 1$
$9 \times 2 = 18$		$18 : 9 = 2$
$9 \times 3 = ?$		$27 : 9 = ?$
$9 \times 4 = ?$		$36 : 9 = ?$
$9 \times 5 = ?$		$45 : 9 = ?$
$9 \times 6 = ?$		$54 : 9 = ?$
$9 \times 7 = ?$		$63 : 9 = ?$
$9 \times 8 = ?$		$72 : 9 = ?$
$9 \times 9 = ?$		$81 : 9 = ?$
$9 \times 10 = 90$		$90 : 9 = 10$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính nhẩm.

a) 9×1	b) 9×2	c) 9×3	d) 9×10
9×4	9×5	9×6	9×0
9×7	9×8	9×9	0×9

2 Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?

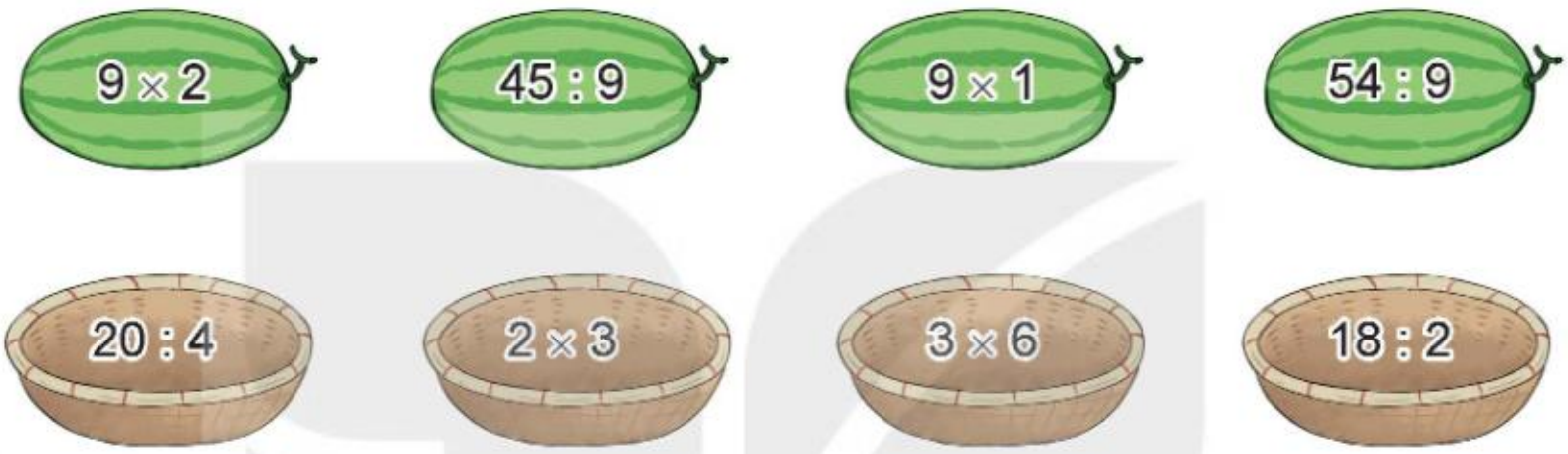

luyện tập

1 Nêu các số còn thiếu.

a)

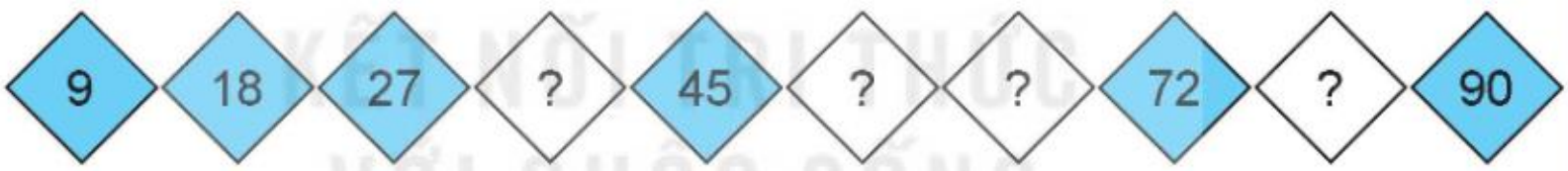

b)

2 Số ?

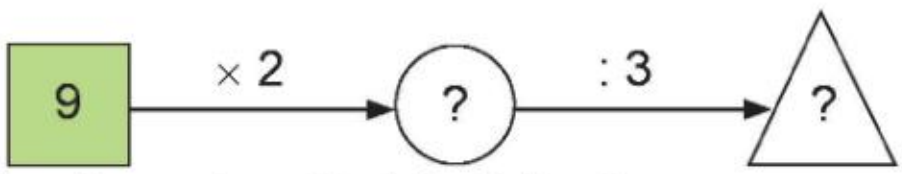

3 Những bông hoa nào ghi phép tính có kết quả:

a) Lớn hơn 10?

b) Bé hơn 10?

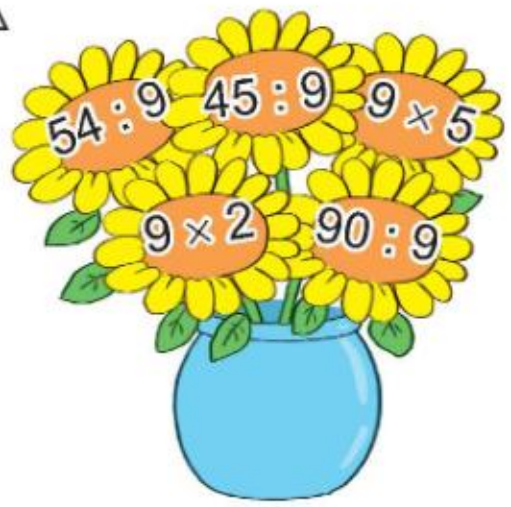

4 Chia đều 45 *l* nước mắm vào 9 cái can. Hỏi mỗi can có bao nhiêu lít nước mắm?

5 Trên mỗi thuyền có 9 người. Hỏi trên 5 thuyền như vậy có bao nhiêu người?

luyện tập

1 a) Giới thiệu bảng nhân, chia:

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90

Mẫu: $4 \times 3 = ?$

- Từ số 4 ở cột 1 theo chiều mũi tên dóng sang phải.
- Từ số 3 ở hàng 1 theo chiều mũi tên dóng xuống.
- Hai mũi tên gặp nhau ở số 12.
- Ta có: $4 \times 3 = 12$.

Mẫu: $42 : 6 = ?$

- Từ số 6 ở cột 1 theo chiều mũi tên dóng sang phải đến số 42.
- Từ số 42 theo chiều mũi tên dóng lên hàng 1 gặp số 7.
- Ta có: $42 : 6 = 7$.

b) Dựa vào bảng nhân, chia hãy tính.

4×6 7×8 $15 : 3$ $40 : 5$

2 Số ?

a)

Thừa số	7	9	8
Thừa số	6	5	7
Tích	42	?	?

b)

Số bị chia	54	48	63
Số chia	6	8	9
Thương	9	?	?

3 Mỗi túi có 9 quả cam. Hỏi 4 túi như vậy có bao nhiêu quả cam?

4 Tìm hai số lớn hơn 1 và có tích là 18.

Bài 13

TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

Tìm thừa số trong một tích

3 ca đựng nước như nhau có tất cả 6 *l* nước. Hỏi mỗi ca đựng mấy lít nước?

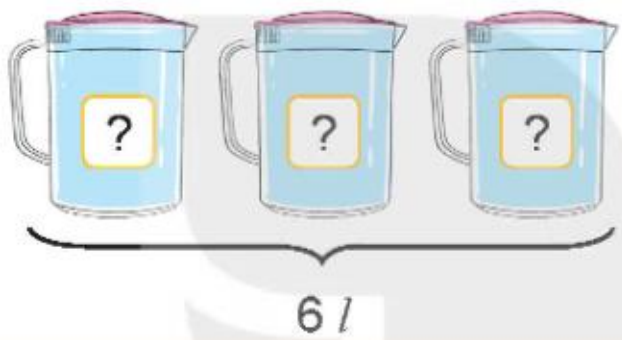

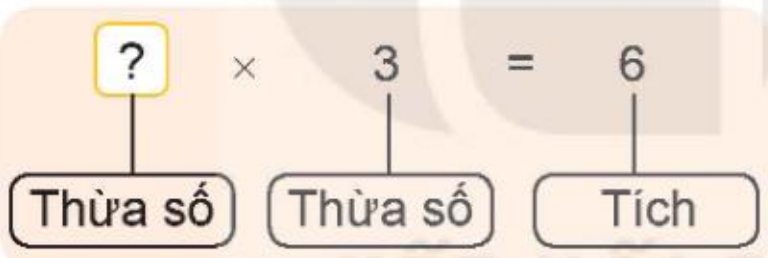

- Số lít nước ở một ca lấy 3 lần được 6 *l*.
- Số lít nước ở một ca là:

6 : 3 = 2 (*l*).

Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 Tìm thừa số (theo mẫu).

Mẫu: ? × 5 = 35

35 : 5 = 7.

a) ? × 4 = 28

b) ? × 3 = 12

c) 6 × ? = 24

2 Số ?

Thừa số	8	?	5	7	?
Thừa số	4	6	?	?	9
Tích	32	18	30	21	36

3 5 ca-bin chở tất cả 30 người. Biết rằng số người ở mỗi ca-bin như nhau. Hỏi mỗi ca-bin chở bao nhiêu người?

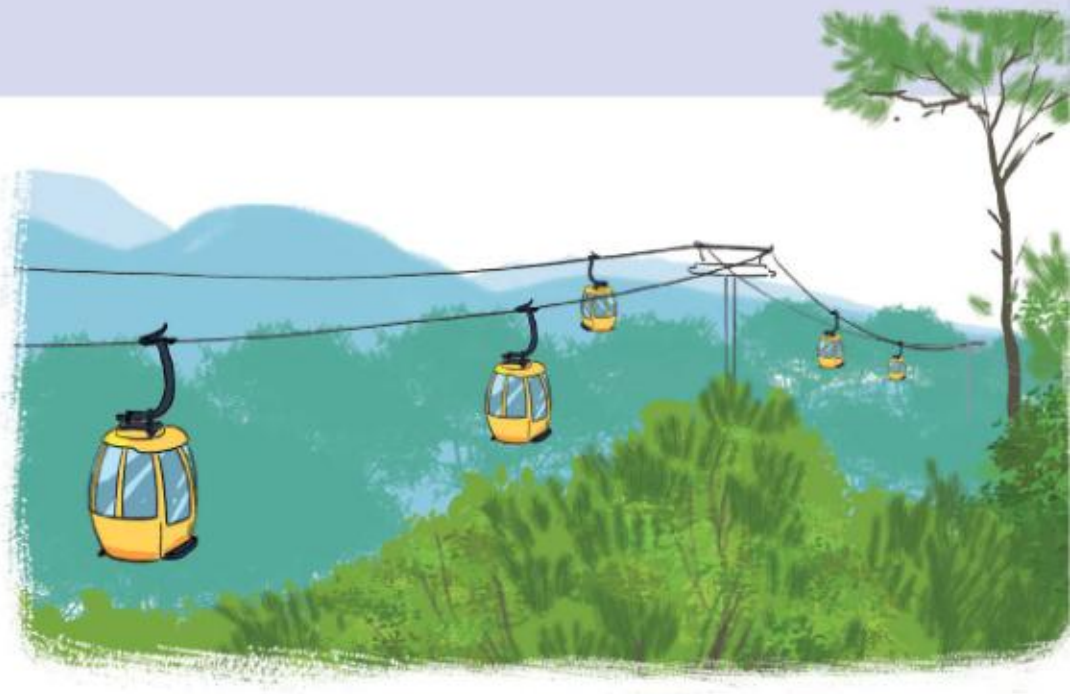

Khám phá

Tìm số bị chia, số chia

a) Tìm số bị chia

Mai mua về một số bông hoa rồi cắm hết vào 3 lọ, mỗi lọ có 5 bông. Hỏi Mai đã mua về bao nhiêu bông hoa?

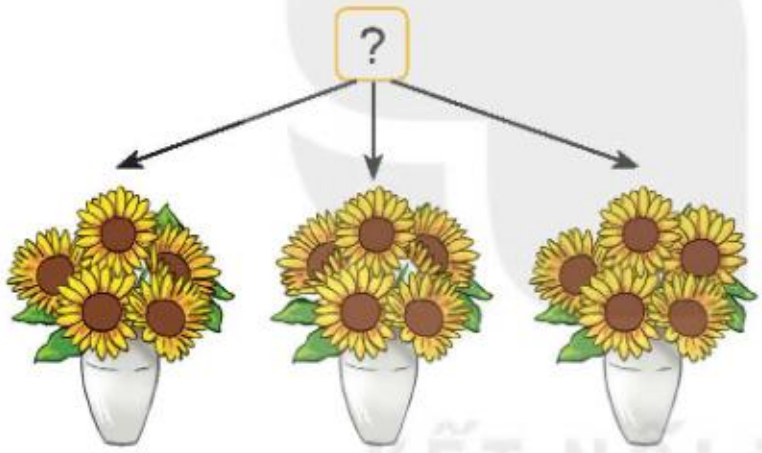

- Số bông hoa cả 3 lọ bằng số bông hoa 1 lọ nhân với 3.
- Số bông hoa cả 3 lọ là:

$5 \times 3 = 15$ (bông).

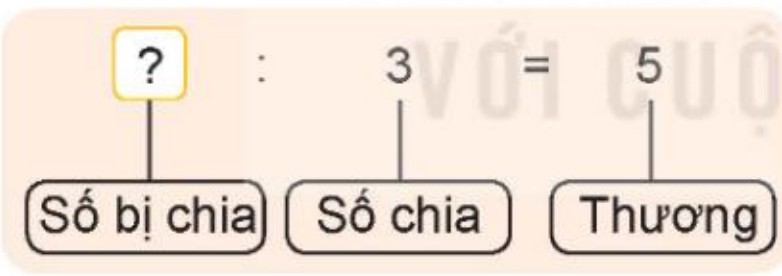

Muốn tìm số bị chia, ta lấy thương nhân với số chia.

b) Tìm số chia

Việt cắm 15 bông hoa vào các lọ, mỗi lọ 5 bông. Hỏi Việt cắm được mấy lọ hoa như vậy?

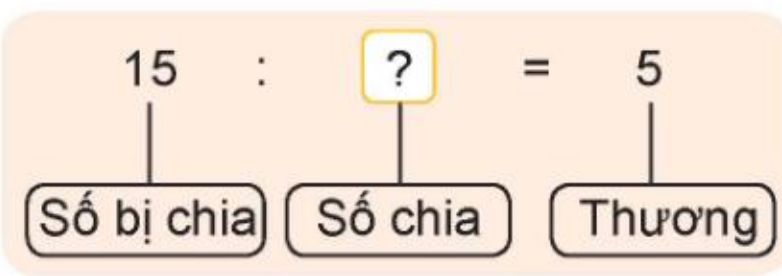

Số lọ hoa cắm được là:

$15 : 5 = 3$ (lọ).

Muốn tìm số chia, ta lấy số bị chia chia cho thương.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 a) Tìm số bị chia (theo mẫu).

Mẫu: ? : 5 = 6

$6 \times 5 = 30$.

? : 6 = 7

? : 4 = 8

? : 3 = 6

b) Tìm số chia (theo mẫu).

Mẫu: 15 : ? = 3

15 : 3 = 5.

24 : ? = 6

40 : ? = 5

28 : ? = 4

2 Số ?

Số bị chia	50	?	24	?	45
Số chia	5	4	?	7	?
Thương	10	7	6	5	9

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Số ?

a) ? $\times 2$ → 8

b) ? : 5 → 6

c) ? : 4 → 7

d) ? $\times 3$ → 30

2 Có 35 quả cam xếp vào các đĩa, mỗi đĩa 5 quả. Hỏi xếp được mấy đĩa cam như vậy?

Bài 14

MỘT PHẦN MẤY

Khám phá

a)

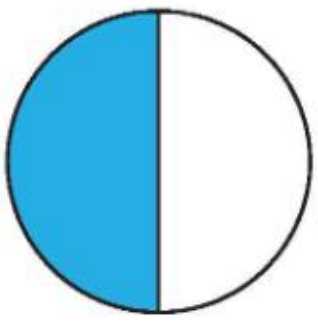

- Chia hình tròn thành 2 phần bằng nhau, tô màu 1 phần.
- Đã tô màu một phần hai hình tròn.
- Một phần hai viết là $\frac{1}{2}$.

b)

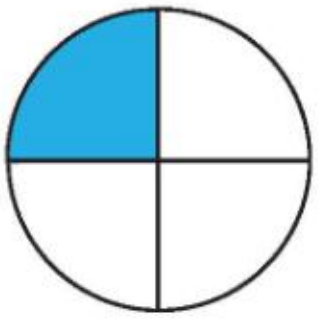

- Chia hình tròn thành 4 phần bằng nhau, tô màu 1 phần.
- Đã tô màu một phần tư hình tròn.
- Một phần tư viết là $\frac{1}{4}$.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Đ, S ?

a)

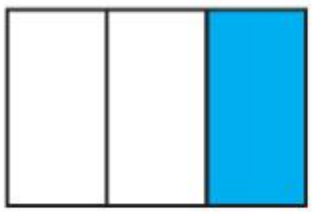

Đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình chữ nhật. ?

b)

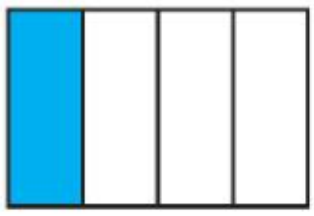

Đã tô màu $\frac{1}{2}$ hình chữ nhật. ?

c)

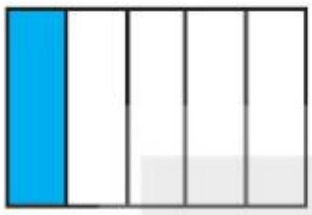

Đã tô màu $\frac{1}{5}$ hình chữ nhật. ?

d)

Đã tô màu $\frac{1}{6}$ hình chữ nhật. ?

2 Chọn cách đọc phù hợp với cách viết một phần mấy ở mỗi hình.

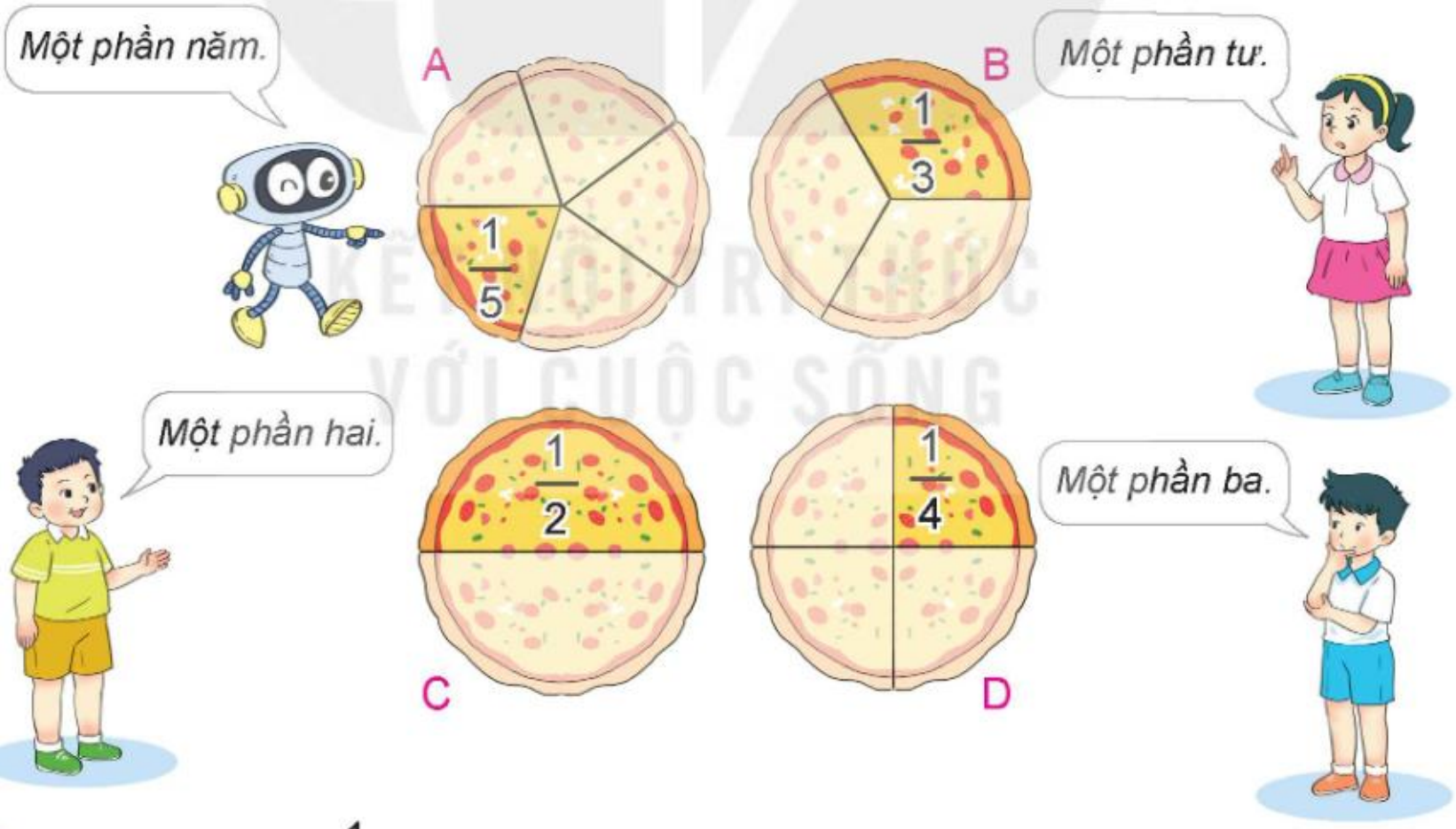

3 Đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số hạt dẻ của hình nào?

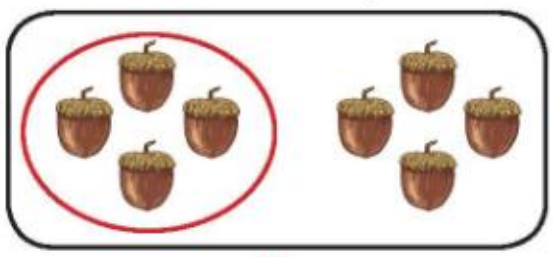

A

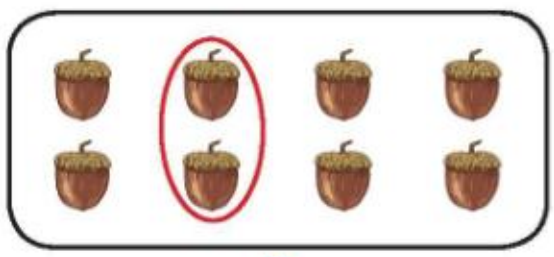

B

luyện tập

1 Đ, S ?

a)

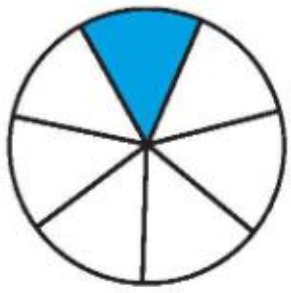

Đã tô màu $\frac{1}{7}$ hình tròn. ?

b)

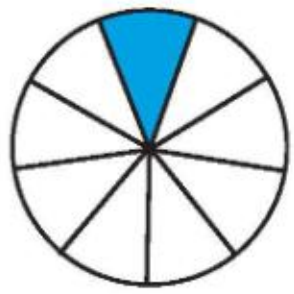

Đã tô màu $\frac{1}{9}$ hình tròn. ?

c)

Đã tô màu $\frac{1}{4}$ hình tròn. ?

d)

Đã tô màu $\frac{1}{8}$ hình tròn. ?

2 Đã tô màu $\frac{1}{8}$ hình nào?

A

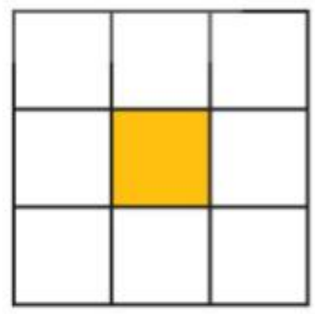

B

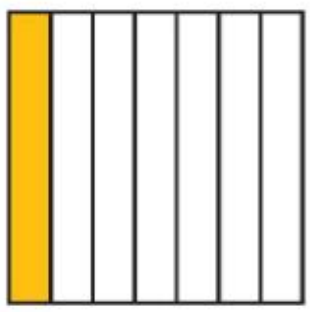

C

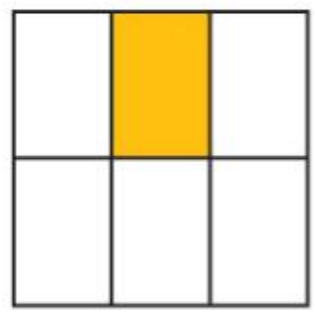

D

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số cây cải bắp của hình nào? Đã khoanh vào $\frac{1}{5}$ số cây xà lách của hình nào?

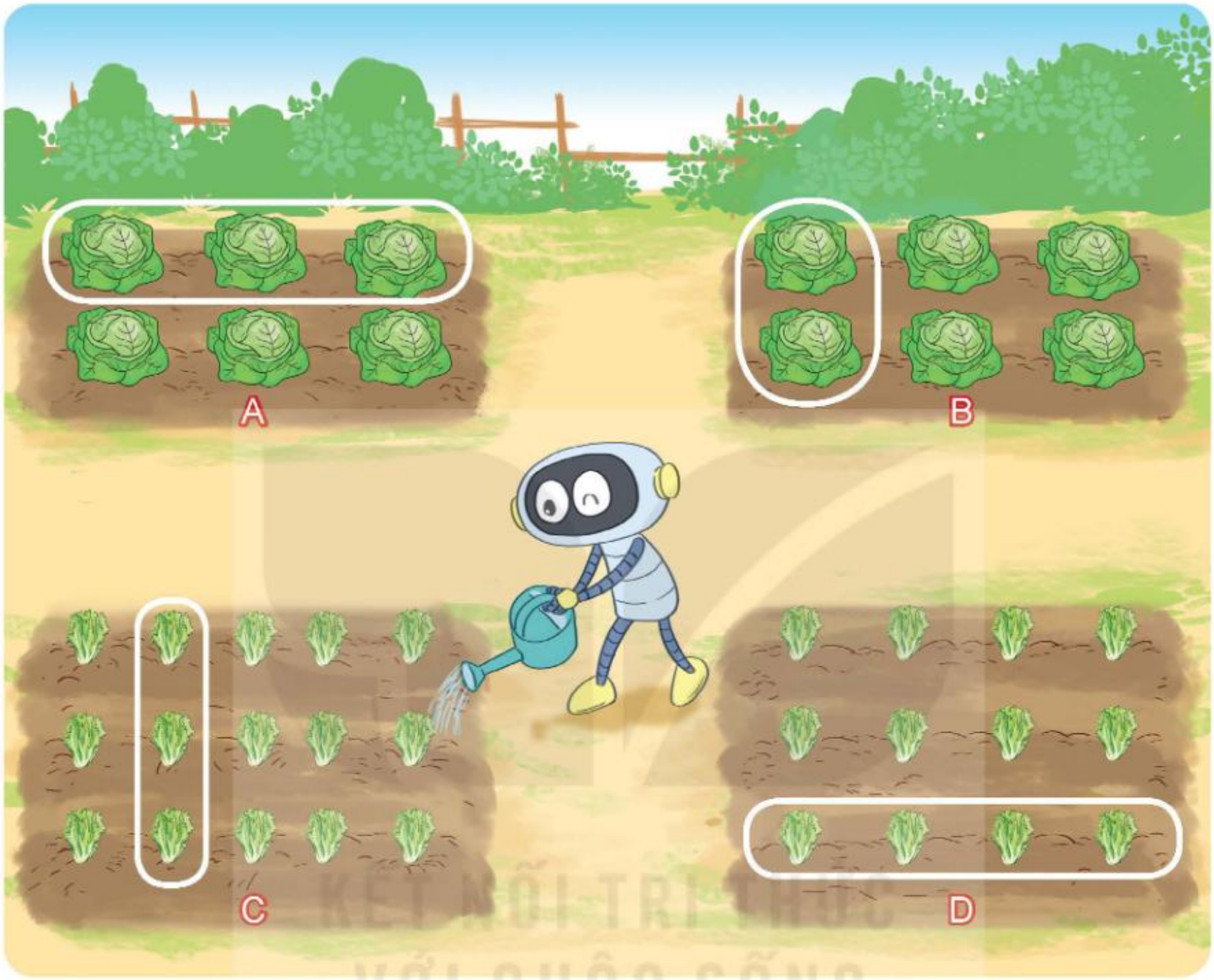

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Số ?

Mẫu:

Chia 6 quả táo thành 2 phần bằng nhau.

$\frac{1}{2}$ số quả táo là 3 quả táo.

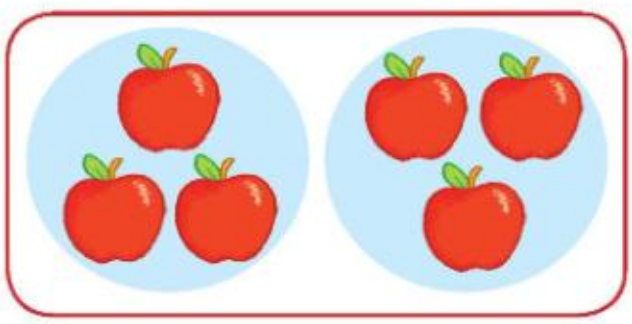

Chia 12 quả cam thành 3 phần bằng nhau.

$\frac{1}{3}$ số quả cam là ? quả cam.

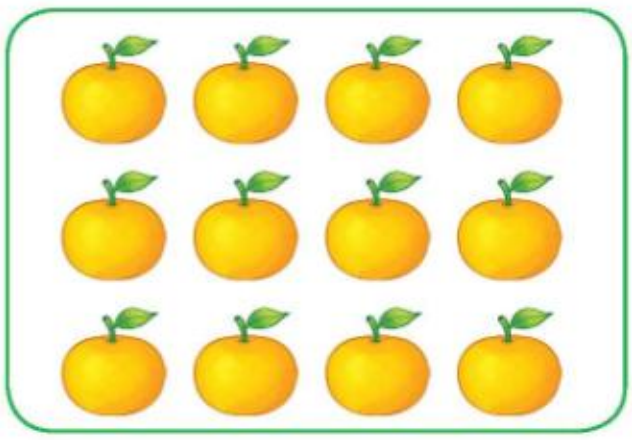

Bài 15

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm.

a) 6×3	7×5	9×4	8×10
b) 8×7	3×9	5×6	4×8

2 Những phép tính nào dưới đây có kết quả bé hơn 8?

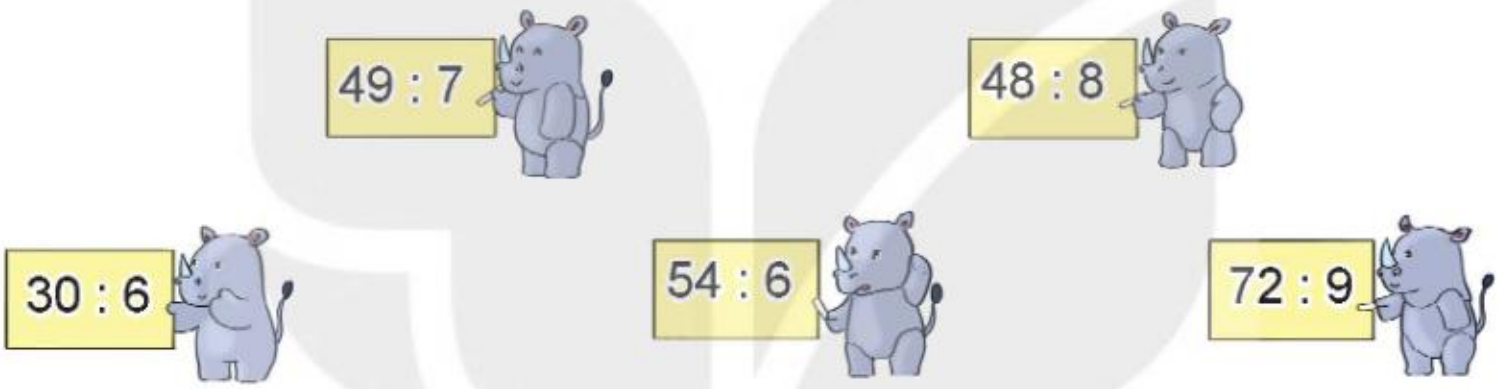

3 Số ?

4 Khi chuẩn bị buổi chúc mừng sinh nhật cho Nam, Việt xếp li vào 5 bàn. Mỗi bàn Việt xếp 6 cái li. Hỏi Việt xếp tất cả bao nhiêu cái li?

5 Số ?

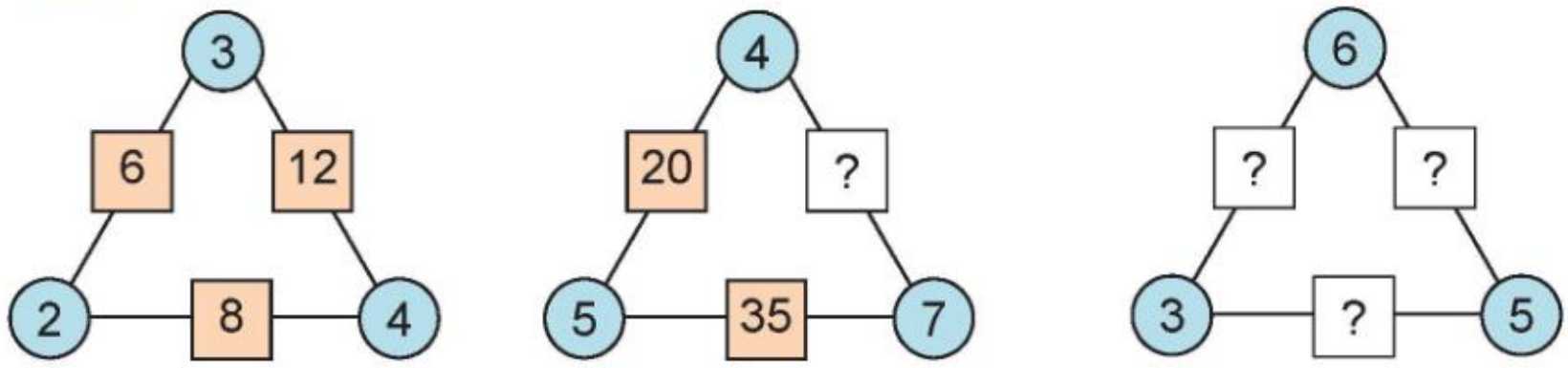

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Tính nhẩm.

6×4	8×5	7×8
4×6	5×8	8×7
$24 : 6$	$40 : 8$	$56 : 7$
$24 : 4$	$40 : 5$	$56 : 8$

2 Mẹ của Mai mua về 45 bông hoa. Mẹ bảo Mai mang hoa cắm hết vào các lọ, mỗi lọ có 9 bông. Hỏi Mai cắm được bao nhiêu lọ hoa như thế?

3 a) Đã tô màu $\frac{1}{5}$ những hình nào?

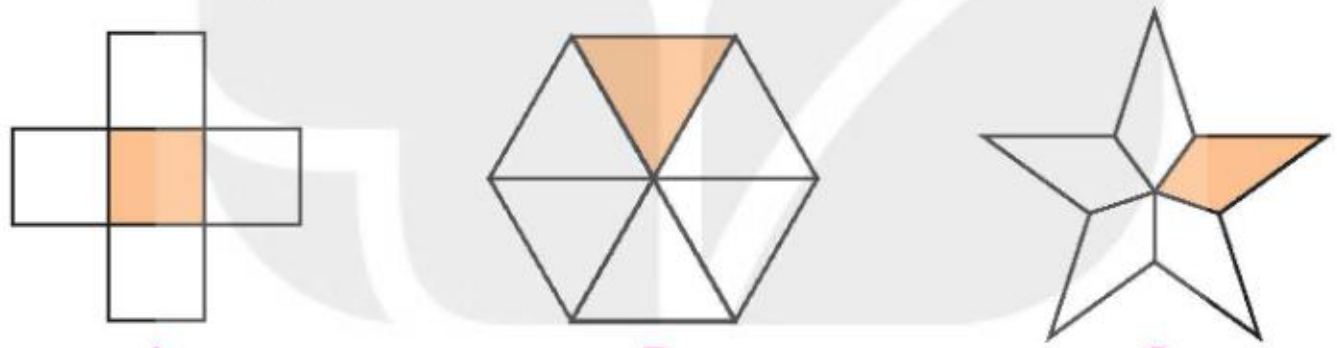

A B C

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Số ?

$\frac{1}{6}$ số con ếch là ? con ếch.

$\frac{1}{9}$ số con ếch là ? con ếch.

trò chơi

CẦU THANG – CẦU TRƯỢT

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô **XUẤT PHÁT**. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm đó. Nêu kết quả phép tính tại ô đi đến, nếu nêu sai kết quả thì phải quay về ô xuất phát trước đó. Khi đến chân cầu thang, em leo lên; khi đến đỉnh cầu trượt, em trượt xuống.
- Trò chơi kết thúc khi có người về **ĐÍCH**.

8×7	$24 : 4$	9×9	$27 : 3$	ĐÍCH
$48 : 6$	7×9	$28 : 7$	6×6	$32 : 8$
9×6	$18 : 2$	3×5	$63 : 9$	4×4
$21 : 3$	8×3	$36 : 4$	7×5	$50 : 5$
4×9	$35 : 7$	5×6	$42 : 6$	6×4
$56 : 8$	3×7	$45 : 9$	2×8	XUẤT PHÁT

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 3

LÀM QUEN VỚI HÌNH PHẲNG, HÌNH KHỐI

Bài 16

ĐIỂM Ở GIỮA, TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

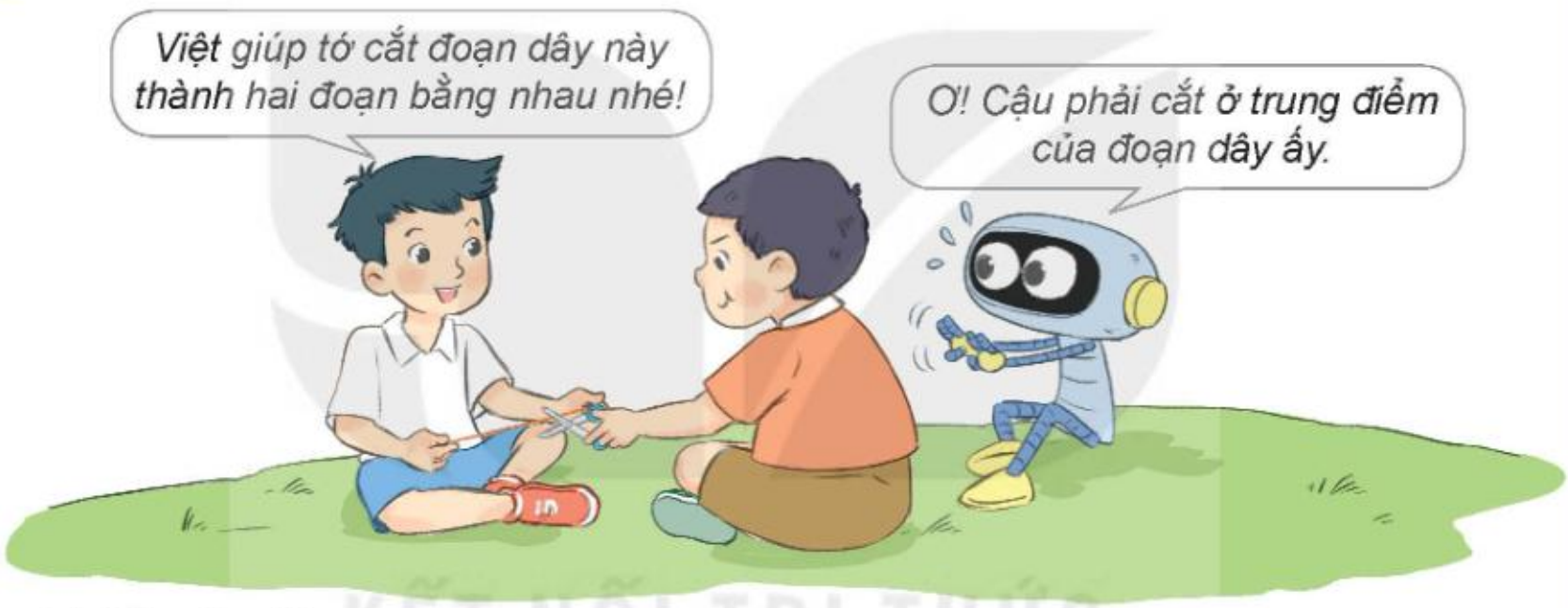

a) Điểm ở giữa

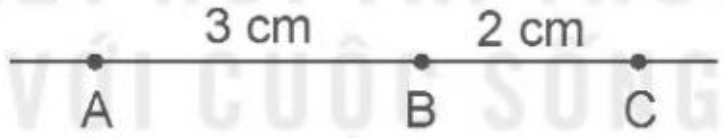

- A, B, C là ba điểm thẳng hàng.
- B là điểm ở giữa hai điểm A và C.

b) Trung điểm của đoạn thẳng

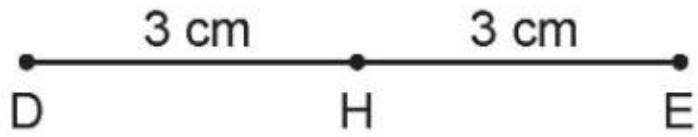

- H là điểm ở giữa hai điểm D và E.
- Độ dài đoạn thẳng DH bằng độ dài đoạn thẳng HE, viết là: DH = HE.
- H được gọi là trung điểm của đoạn thẳng DE.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Đ, S ?

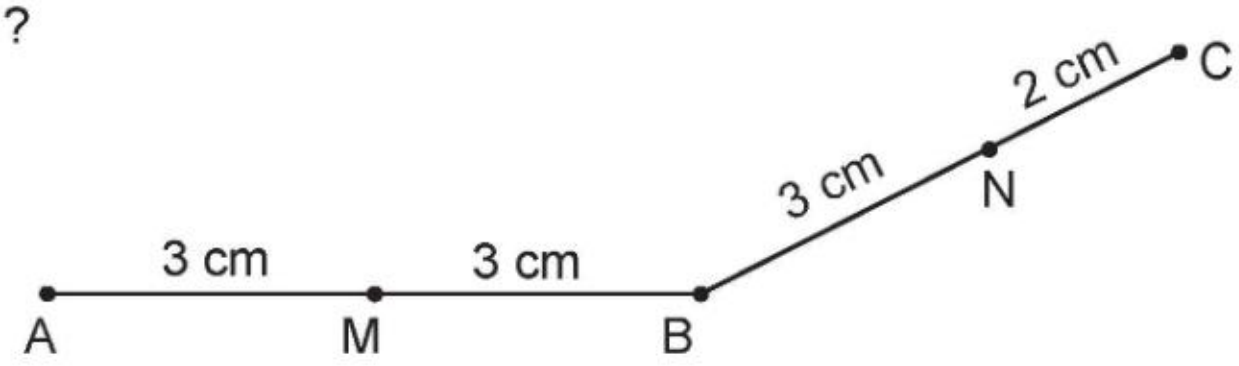

a) M là trung điểm của đoạn thẳng AB. ?

b) N là điểm ở giữa hai điểm B và C. ?

c) N là trung điểm của đoạn thẳng BC. ?

d) B là điểm ở giữa hai điểm M và N. ?

2 Trong hình bên:

a) Tìm ba điểm thẳng hàng.

b) Điểm H ở giữa hai điểm nào?

c) Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng nào?

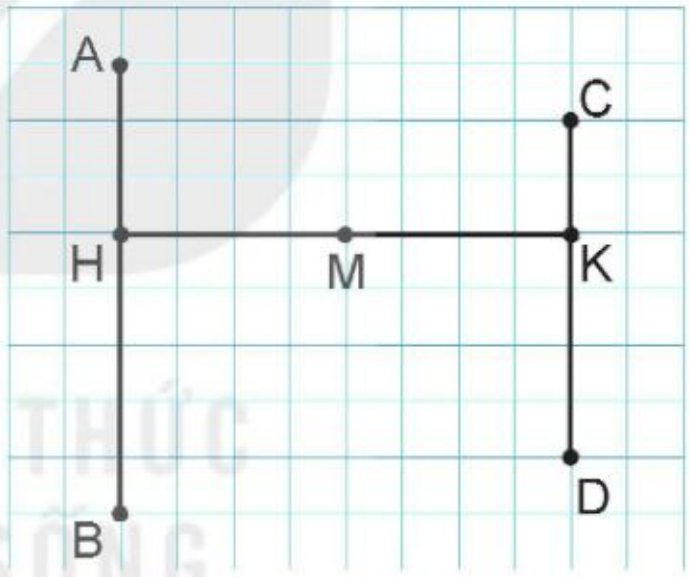

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3 Nêu tên trung điểm của các đoạn thẳng AC, BD trong hình vẽ.

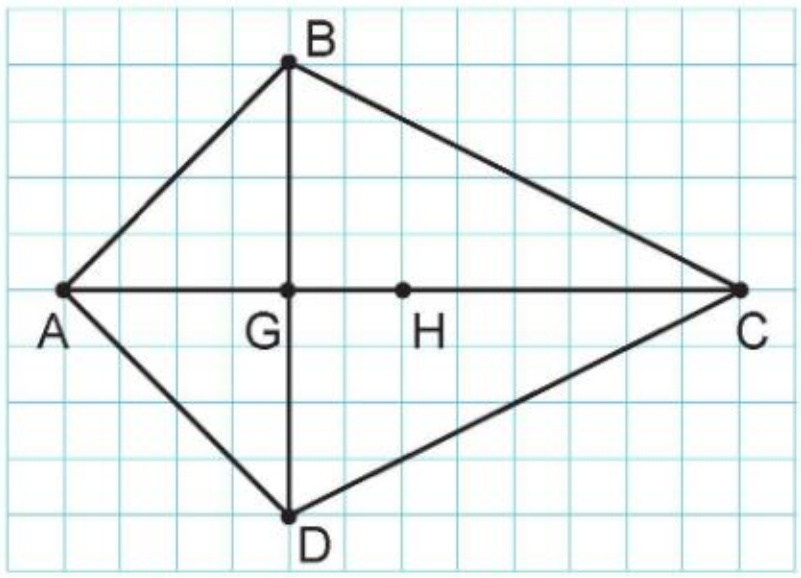

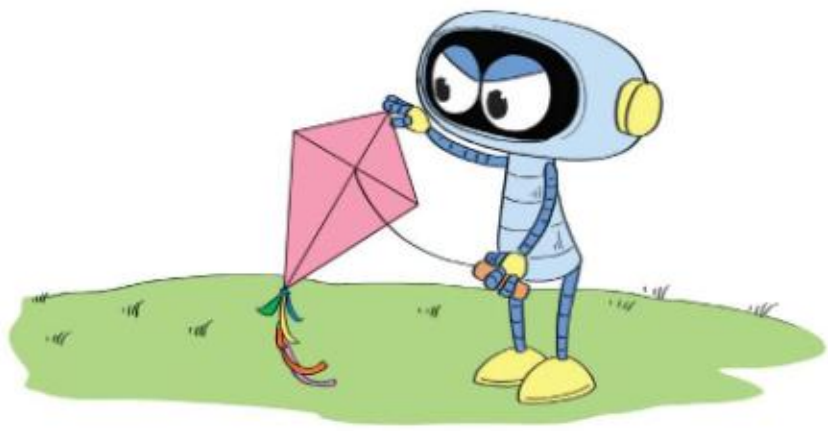

luyện tập

1 Quan sát hình vẽ rồi trả lời câu hỏi.

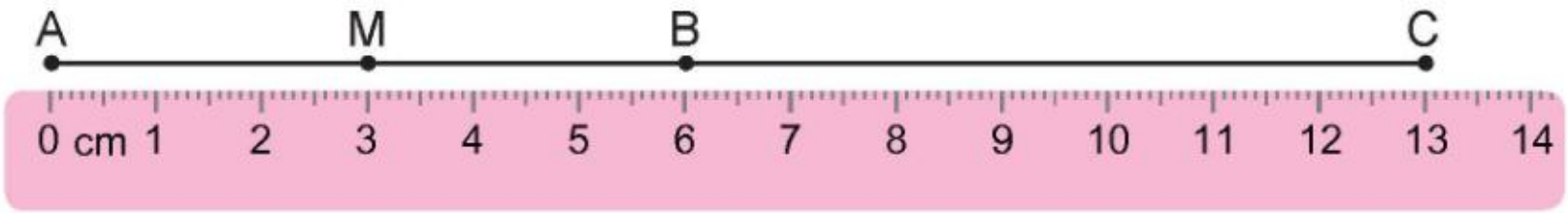

a) Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB hay không?

b) Điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC hay không?

2 Xác định trung điểm của đoạn thẳng MN và đoạn thẳng NP.

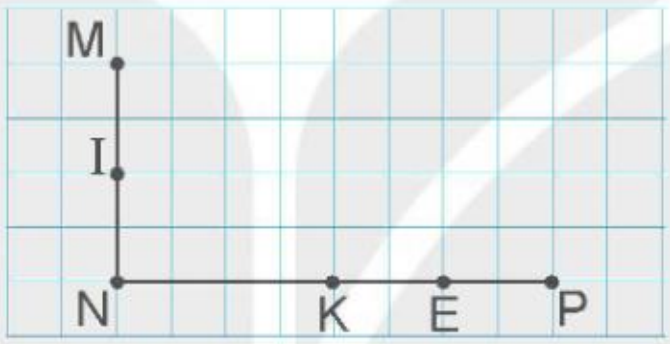

3 Quan sát tranh rồi trả lời.

Cào cào cần nhảy thêm mấy bước để đến trung điểm của đoạn thẳng AB?

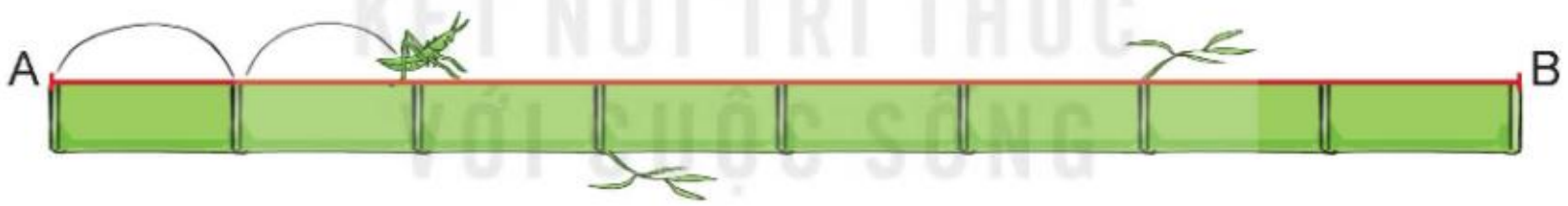

4 Việt có một đoạn dây dài 20 cm. Nếu Việt không dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét thì bạn ấy làm như thế nào để cắt được một đoạn dây có độ dài 10 cm từ đoạn dây ban đầu?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 17

HÌNH TRÒN. TÂM, BÁN KÍNH, ĐƯỜNG KÍNH CỦA HÌNH TRÒN

Khám phá

a)

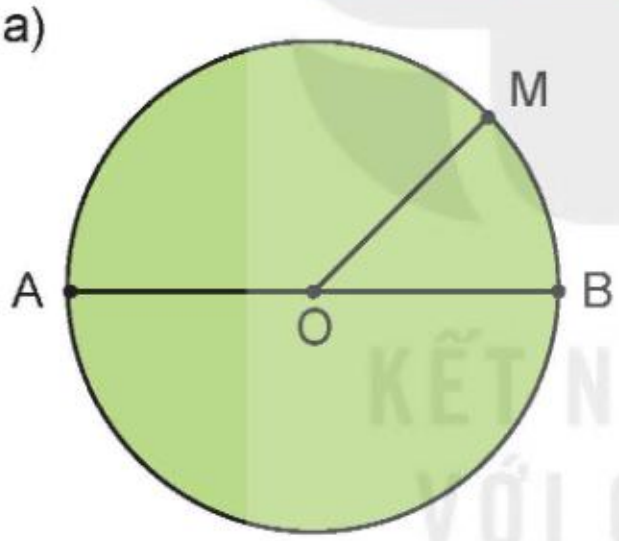

- Hình tròn tâm O, bán kính OM, đường kính AB.
- Tâm O là trung điểm của **đường kính** AB.
- Đường kính dài bằng hai **lần bán kính**.

b) Dùng com pa vẽ đường tròn tâm O.

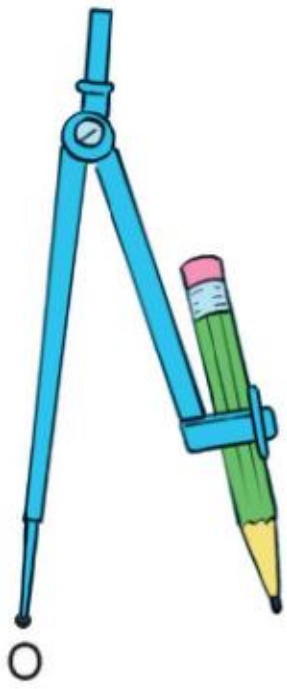

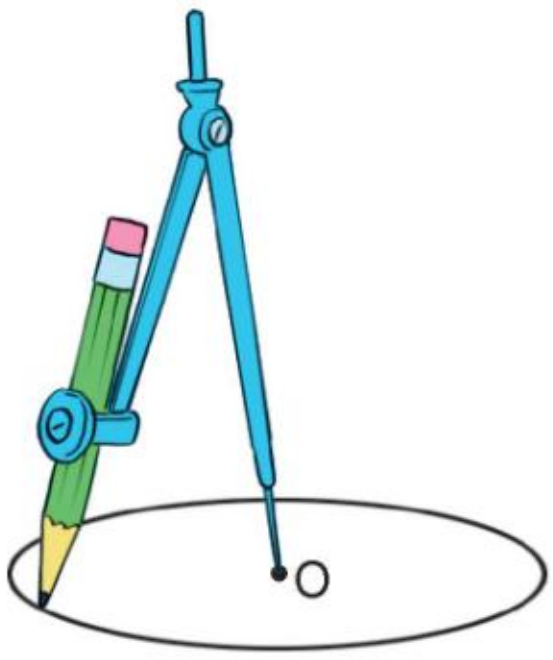

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

Tìm tâm, bán kính, đường kính của mỗi hình tròn.

a)

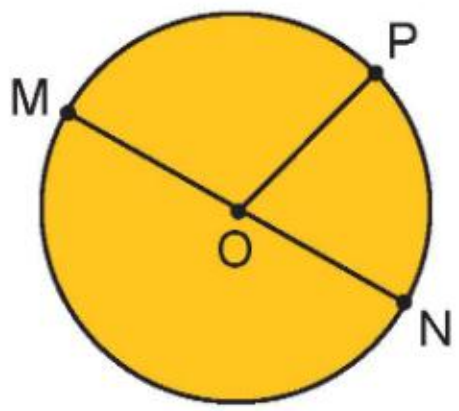

b)

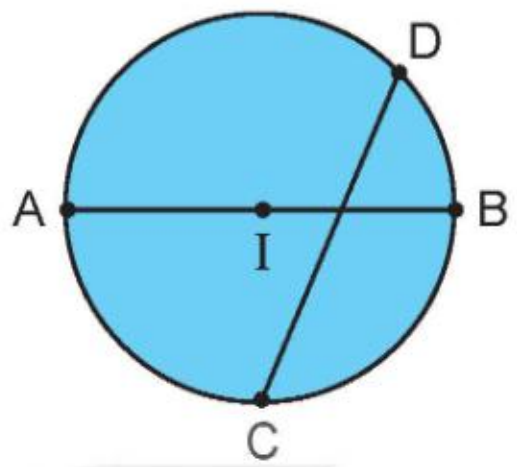

luyện tập

1 a) Vẽ đường tròn tâm O.

b) Vẽ bán kính OA, đường kính CD của đường tròn đó.

2 Trong bức tranh sau, mỗi hình tròn đều có bán kính 7 cm. Bọ ngựa đang ở điểm A bò theo đường gấp khúc ABCD để đến chỗ vòi voi ở điểm D. Hỏi bọ ngựa phải bò bao nhiêu xăng-ti-mét?

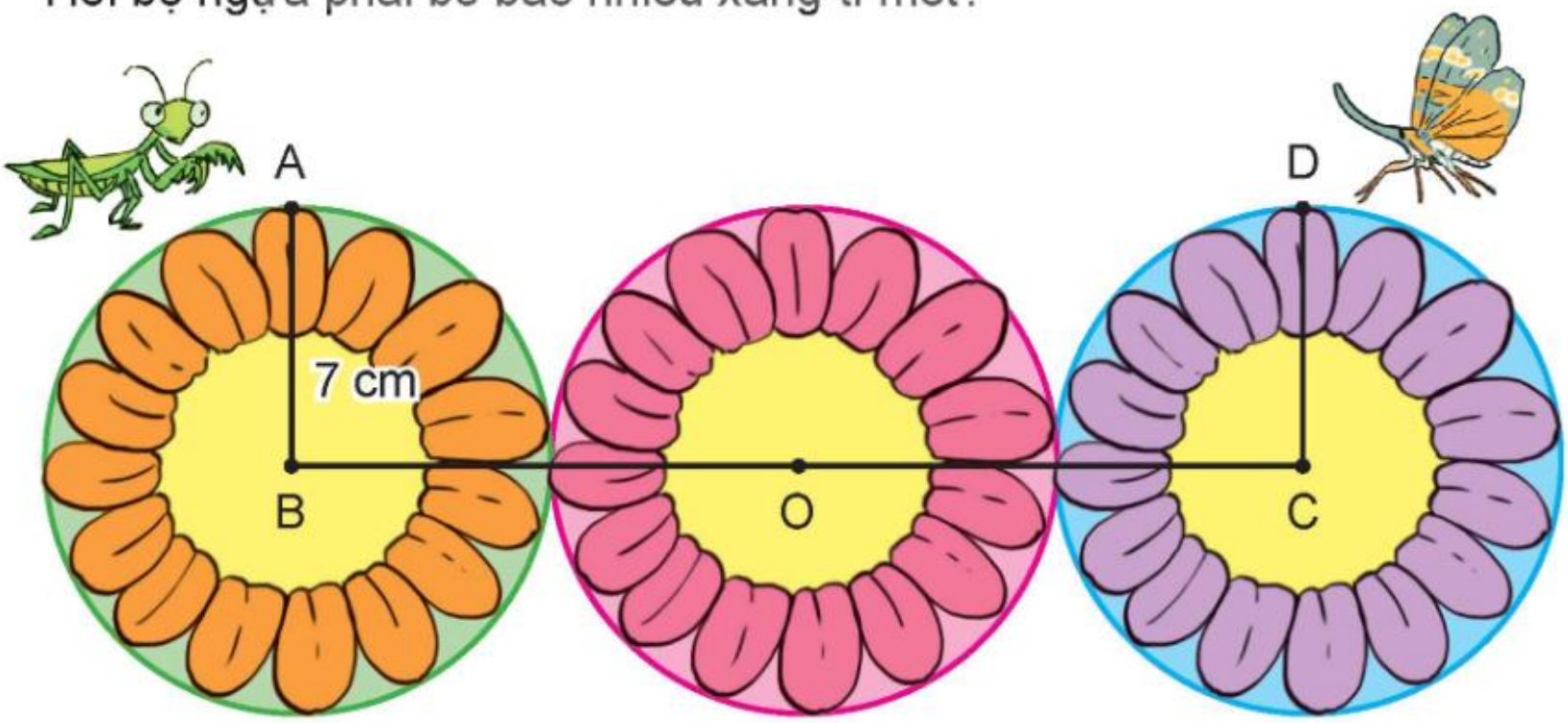

KẾT NỐI TRI THỨC

Bài 18

GÓC, GÓC VUÔNG, GÓC KHÔNG VUÔNG

Khám phá

a) Góc

Hai tay của mỗi bạn cho ta hình ảnh về góc.

b) Góc vuông, góc không vuông

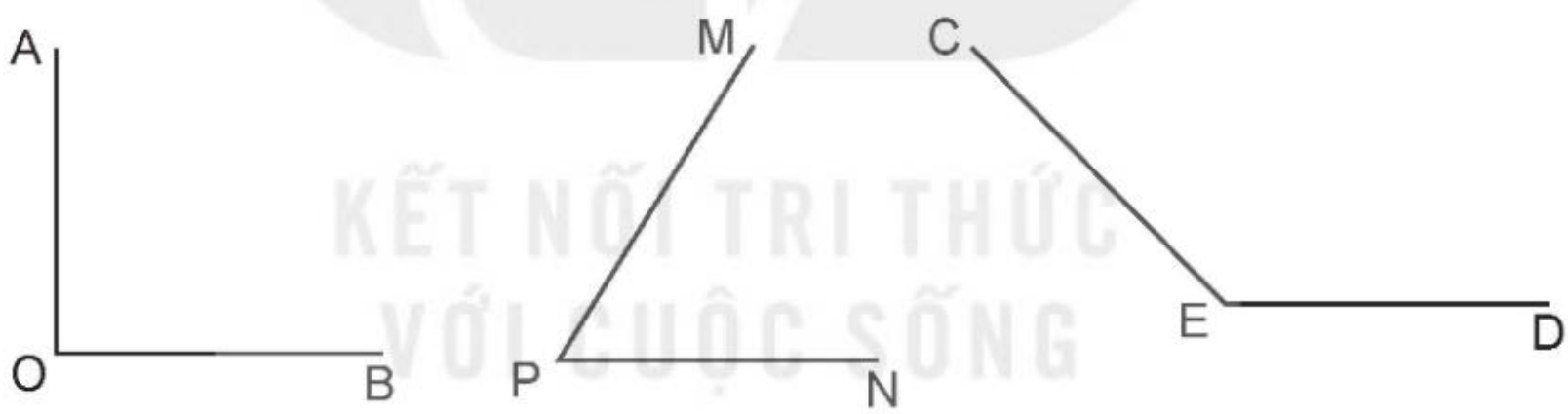

Góc vuông đỉnh O; cạnh OA, OB.	Góc không vuông đỉnh P; cạnh PM, PN.	Góc không vuông đỉnh E; cạnh EC, ED.

c) Ê ke

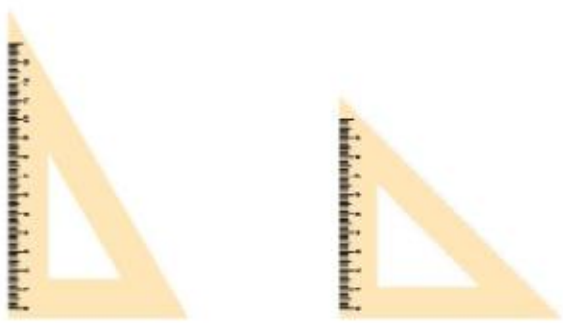

Cái ê ke

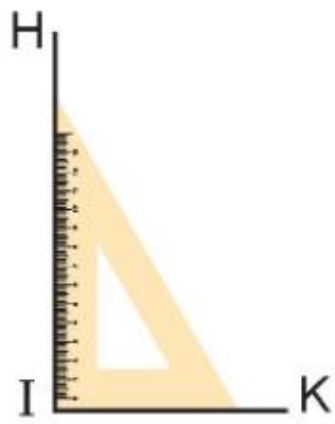

Dùng ê ke để biết góc vuông hay góc không vuông

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

Dùng ê ke, hãy tìm góc vuông, góc không vuông trong các hình dưới đây:

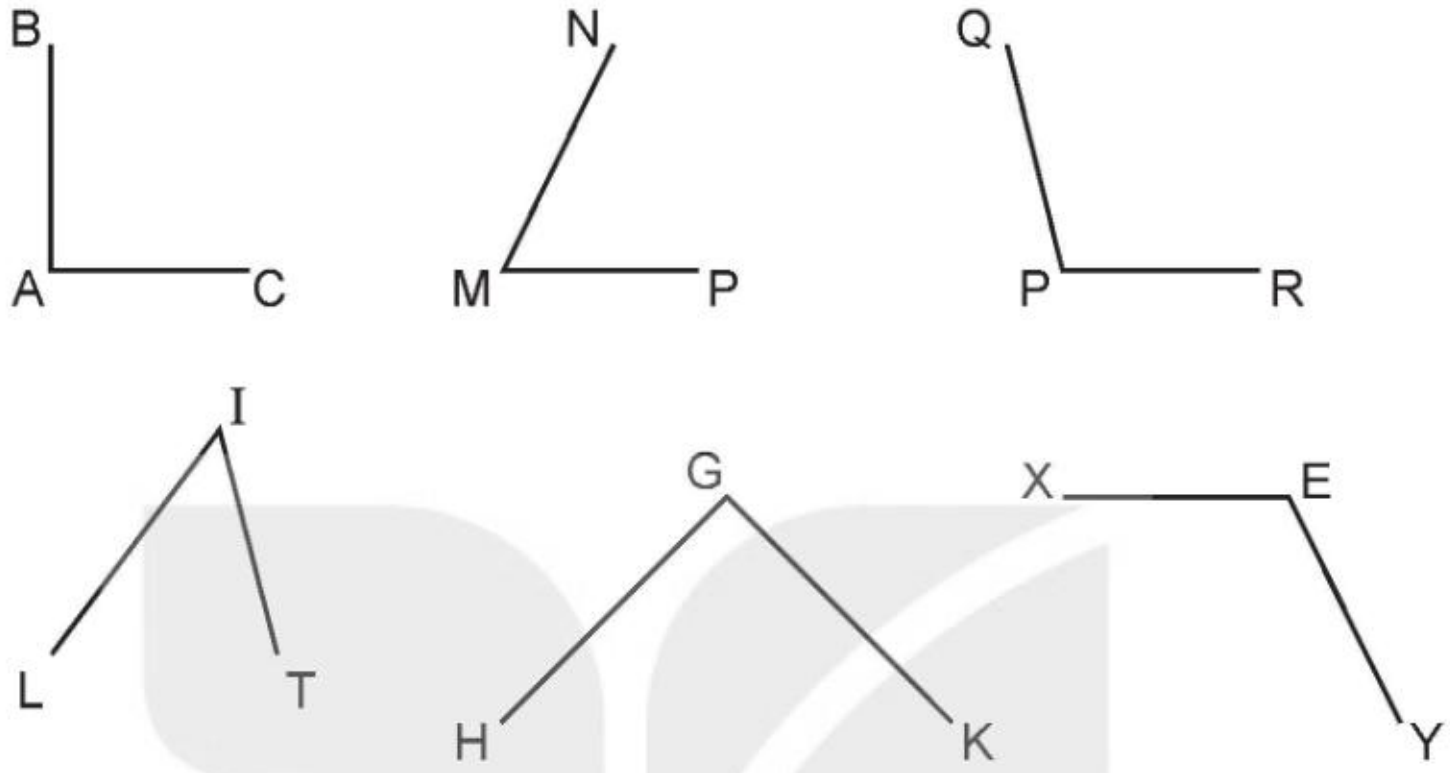

luyện tập

1 Hãy vẽ một góc vuông trên lưới ô vuông.

2 Trong các hình sau, hình nào có nhiều góc vuông nhất?

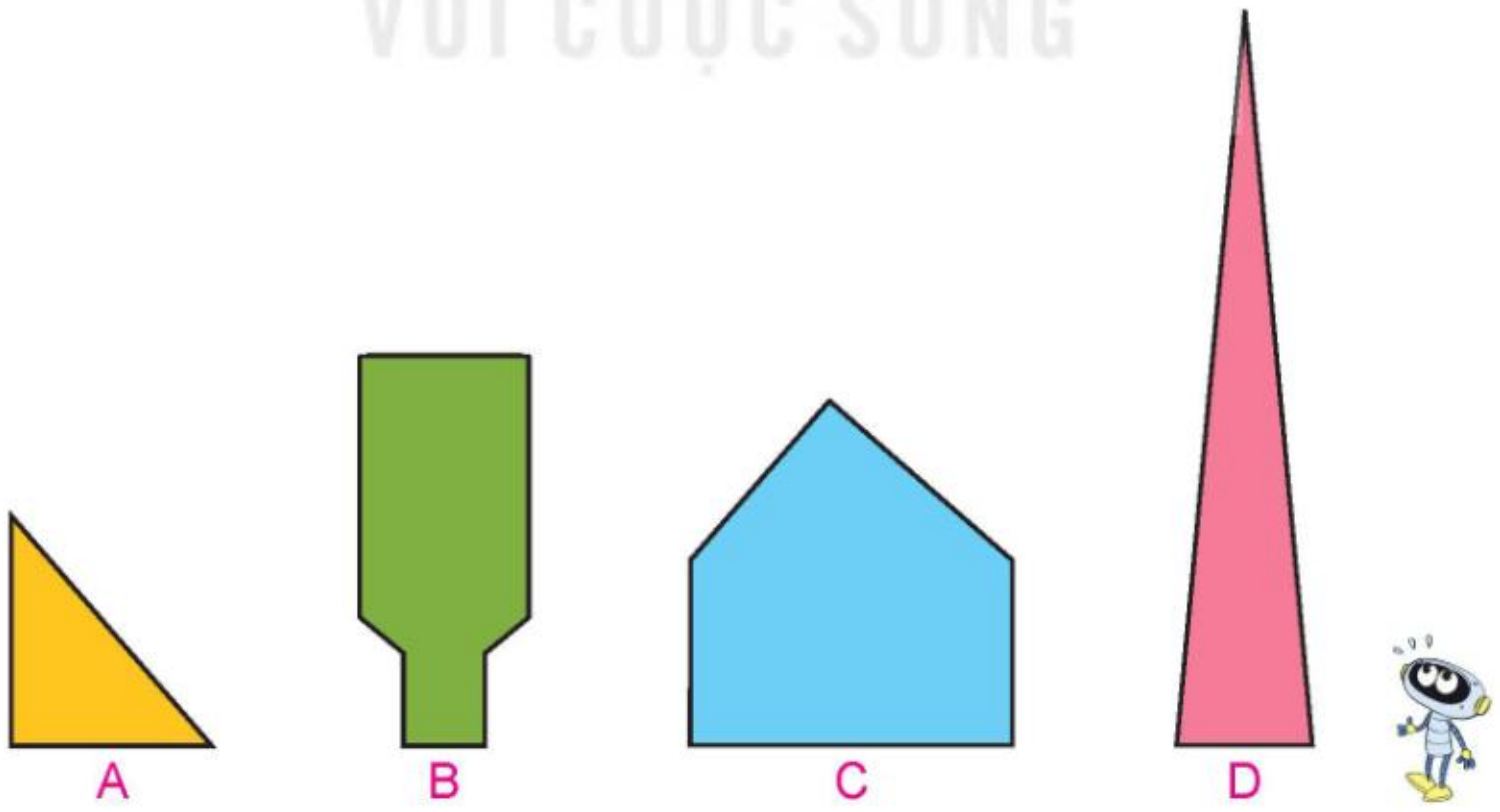

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 19

HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC. HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG

Khám phá

Hình tam giác, hình tứ giác

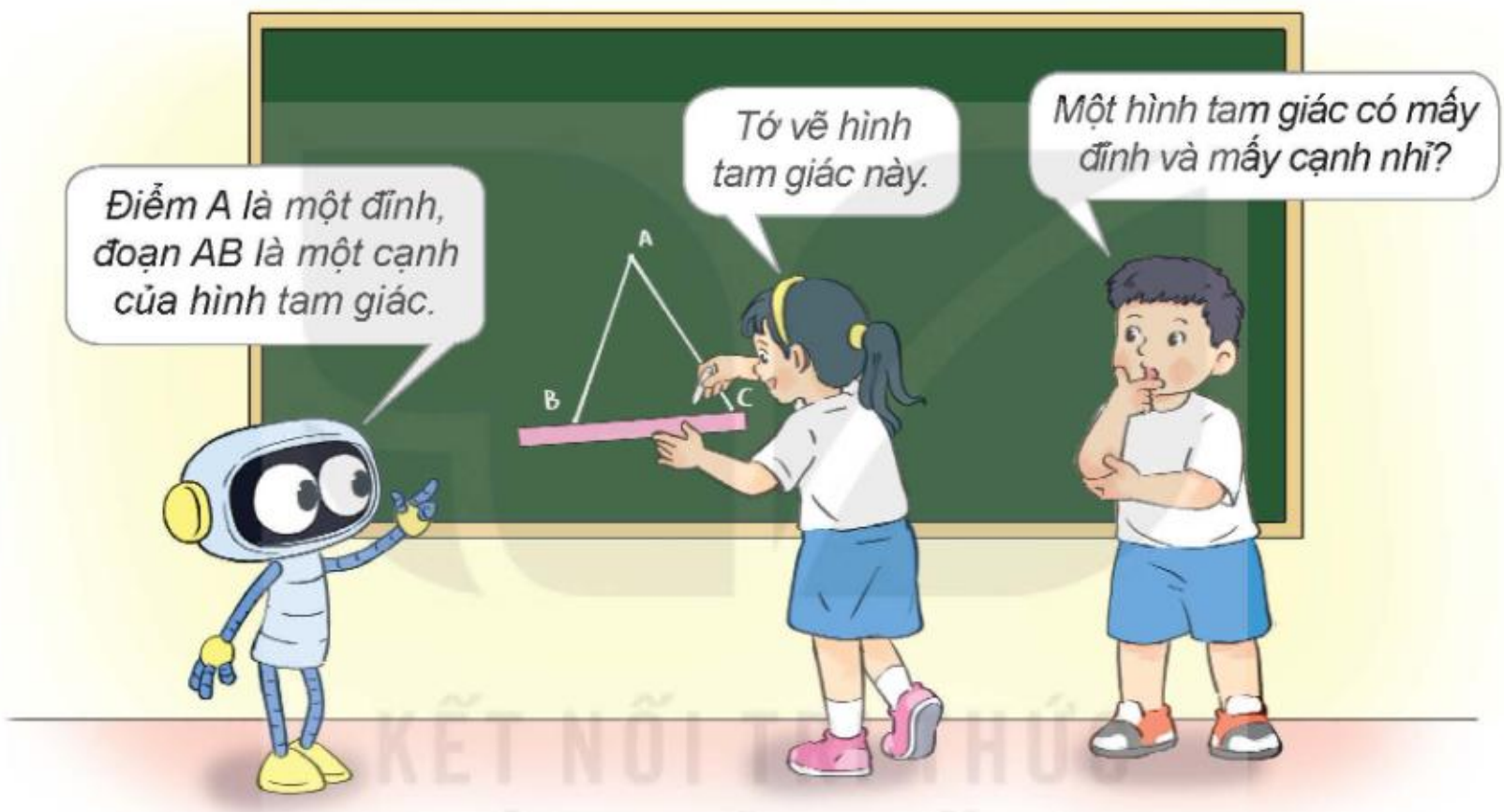

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

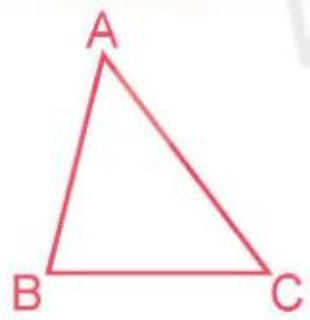

Hình tam giác ABC có:

- 3 đỉnh là: A, B, C;
- 3 cạnh là: AB, BC, CA;
- 3 góc là: góc đỉnh A, góc đỉnh B, góc đỉnh C.

Hình tứ giác MNPQ có:

- 4 đỉnh là: M, N, P, Q;
- 4 cạnh là: MN, NP, PQ, QM;
- 4 góc là: góc đỉnh M, góc đỉnh N, góc đỉnh P, góc đỉnh Q.

- Hình tam giác có 3 đỉnh, 3 cạnh và 3 góc.
- Hình tứ giác có 4 đỉnh, 4 cạnh và 4 góc.

hoạt động

1 Nêu tên các đỉnh và các cạnh của mỗi hình (theo mẫu).

	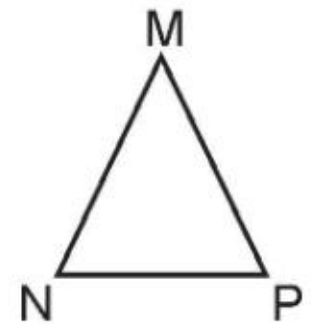 Hình tam giác MNP	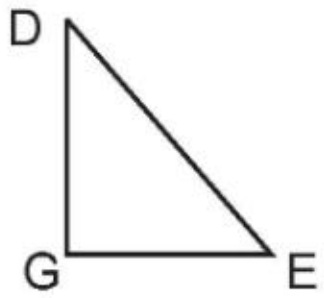 Hình tam giác DEG	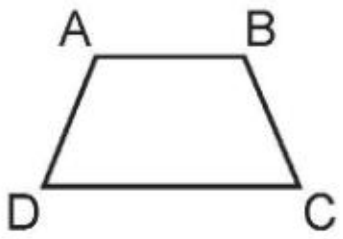 Hình tứ giác ABCD
Các đỉnh	M, N, P	?	?
Các cạnh	MN, NP, PM	?	?

2 Nêu tên các hình tam giác và các hình tứ giác có trong hình dưới đây:

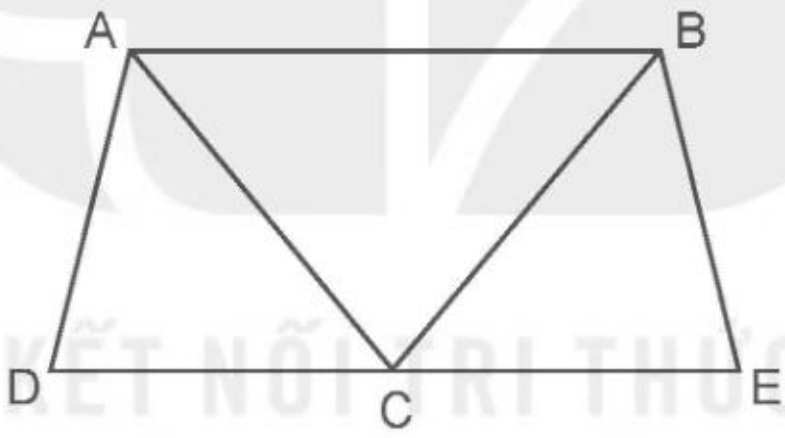

3 Mai đánh dấu một số điểm trên tờ giấy màu (như hình vẽ). Qua hai điểm trong các điểm đã đánh dấu, Mai có thể cắt tờ giấy theo đoạn thẳng nào để được:

a) 2 hình tứ giác?

b) 1 hình tam giác và 1 hình tứ giác?

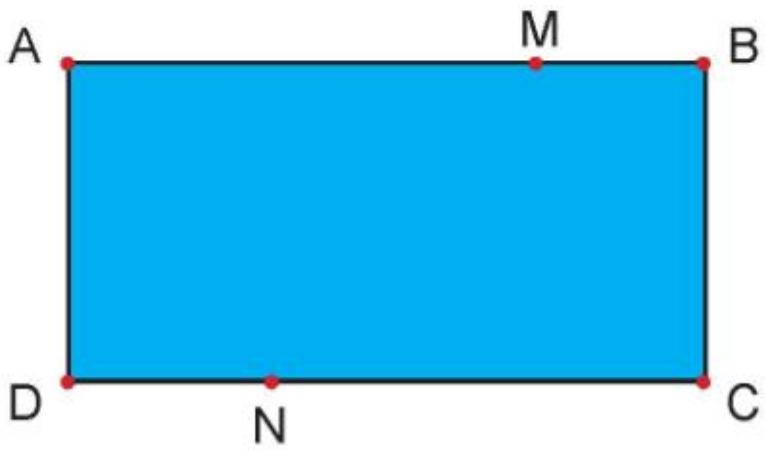

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Khám phá

Hình chữ nhật, hình vuông

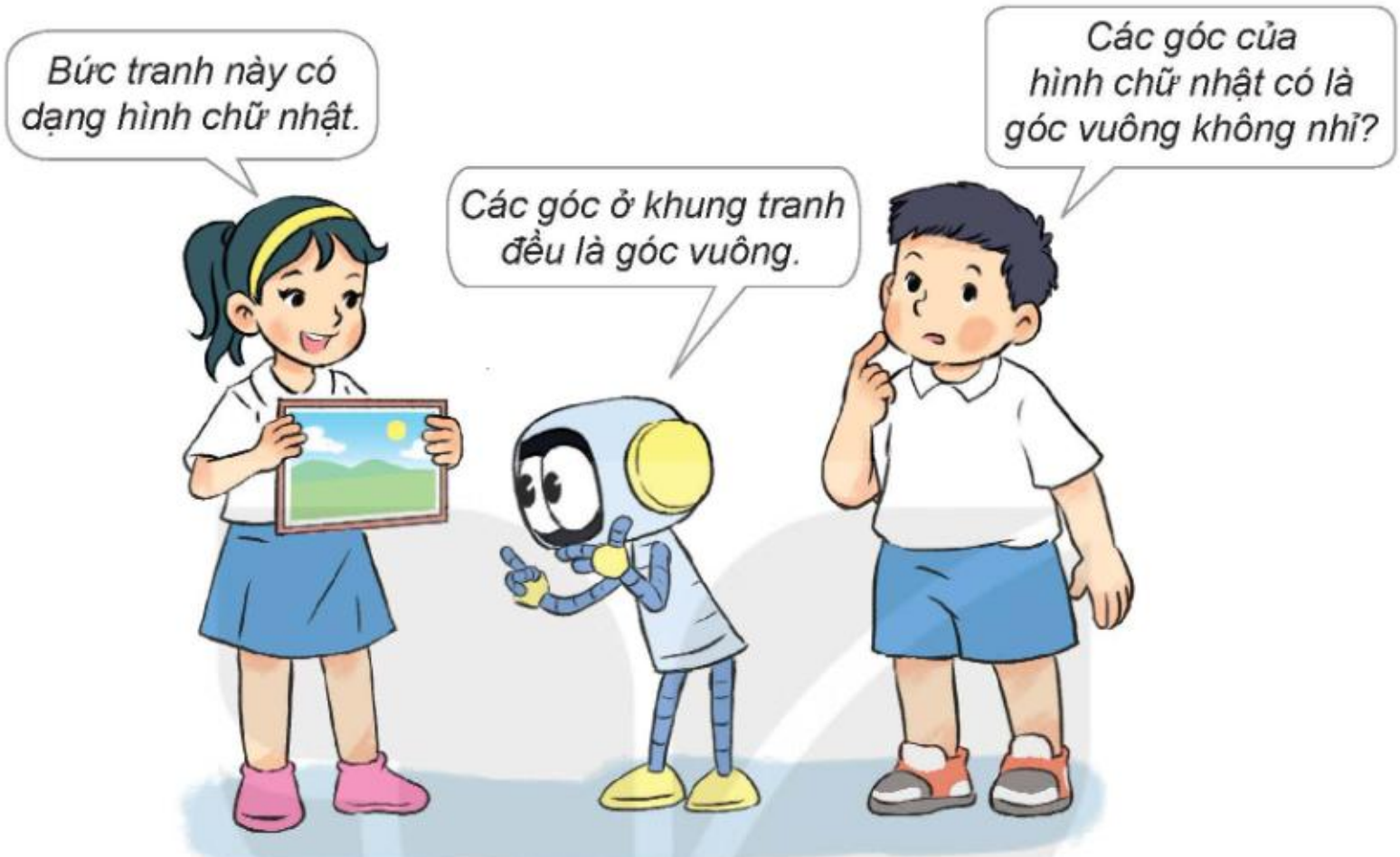

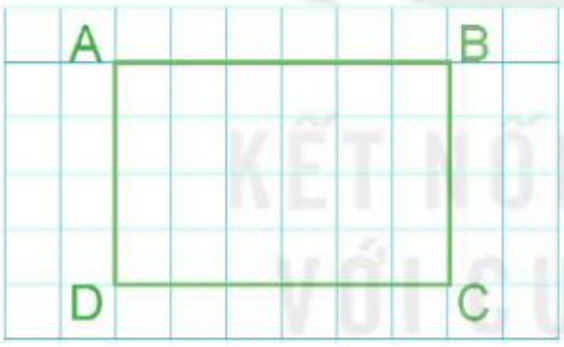

Hình chữ nhật ABCD có:

- 4 đỉnh, 4 cạnh và 4 góc vuông;
- 2 cạnh dài AB và DC có độ dài bằng nhau, viết là AB = DC;

  2 cạnh ngắn AD và BC có độ dài bằng nhau, viết là AD = BC.

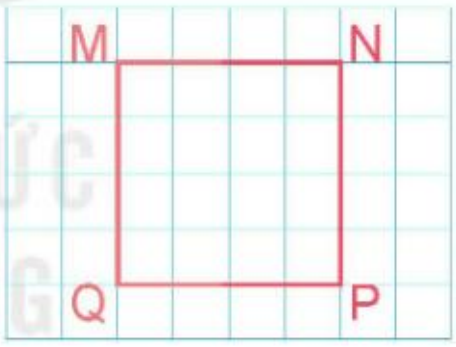

Hình vuông MNPQ có:

- 4 đỉnh;
- 4 góc vuông;
- 4 cạnh bằng nhau.

- Hình chữ nhật có 4 đỉnh, 4 góc vuông, 2 cạnh dài có độ dài bằng nhau và 2 cạnh ngắn có độ dài bằng nhau.
- Độ dài cạnh dài gọi là chiều dài, độ dài cạnh ngắn gọi là chiều rộng.

- Hình vuông có 4 đỉnh, 4 góc vuông và 4 cạnh có độ dài bằng nhau.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 a) Trong các hình dưới đây, hình nào là hình vuông?

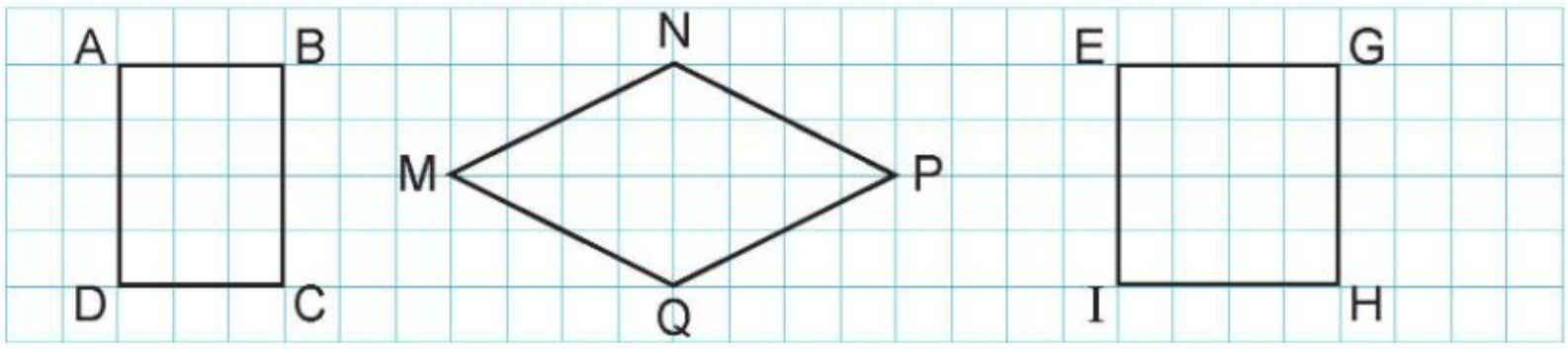

b) Trong các hình dưới đây, những hình nào là hình chữ nhật?

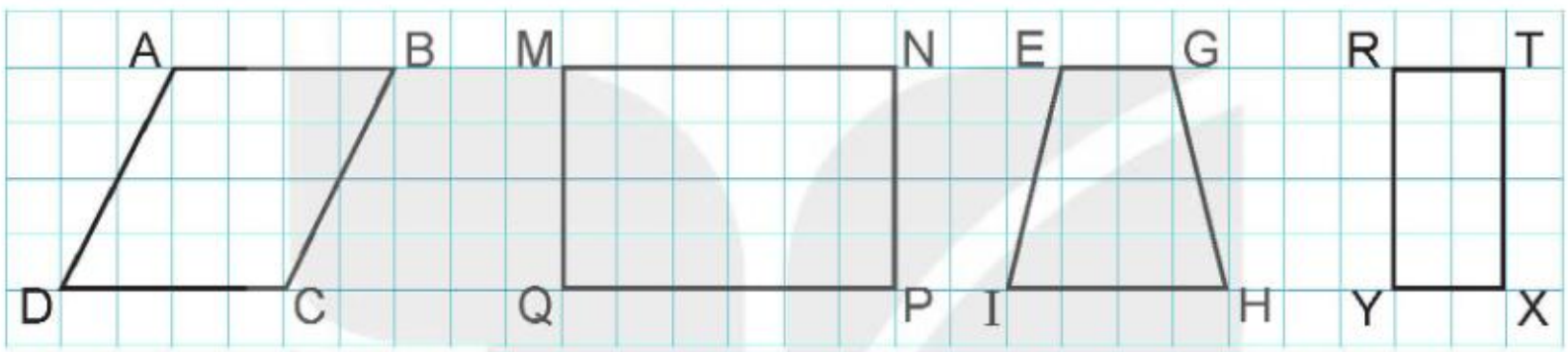

2 Số ?

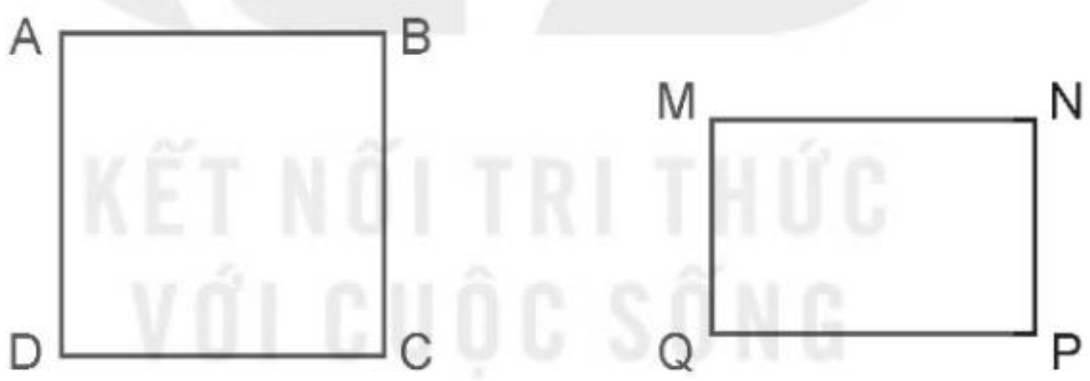

Bằng cách đo trên hình vẽ, hình vuông ABCD có độ dài cạnh là ? cm; hình chữ nhật MNPQ có chiều dài là ? cm và chiều rộng là ? cm.

3 Chọn câu trả lời đúng.

Để cắt tờ giấy như hình bên thành một hình vuông, Rô-bốt cần cắt theo đoạn thẳng nào dưới đây?

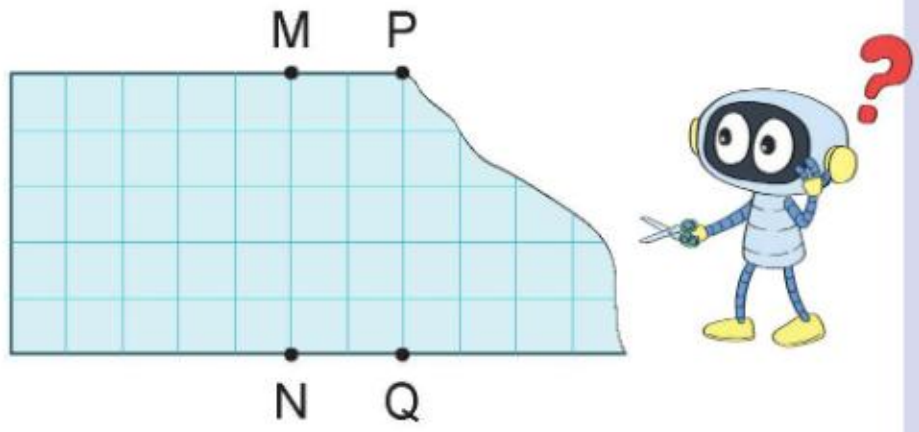

A. Đoạn thẳng MQ.

B. Đoạn thẳng PN.

C. Đoạn thẳng PQ.

D. Đoạn thẳng MN.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Nhà các bạn dế mèn, dế trũi, châu chấu voi và xén tóc ở bốn đỉnh của hình chữ nhật ABCD (như hình vẽ). Biết rằng BC = 13 dm, CD = 20 dm.

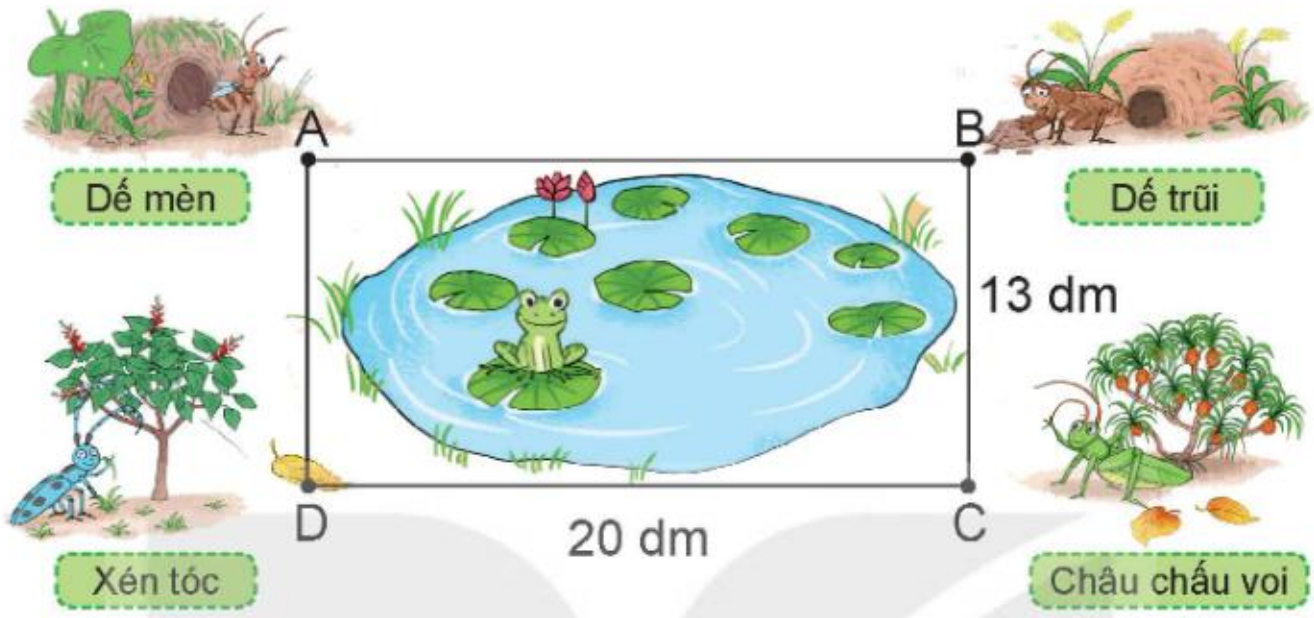

a) Nhà dế mèn cách nhà xén tóc bao nhiêu đề-xi-mét?

b) Nhà dế mèn cách nhà dế trũi bao nhiêu đề-xi-mét?

2 Một con đường thẳng nối từ địa điểm A đến địa điểm B. Do đoạn đường CD bị hỏng nên người ta phải làm một đường tránh CMND có kích thước như hình vẽ. Biết CDNM là hình chữ nhật.

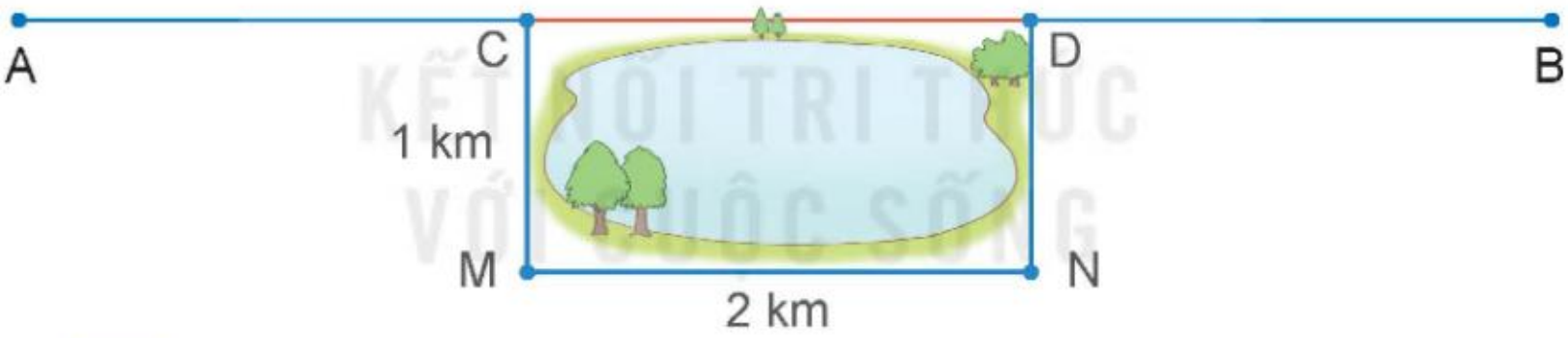

a) Số ?

Độ dài đoạn đường CD là ? km.

b) Chọn câu trả lời đúng.

Đi từ địa điểm A đến địa điểm B theo đường tránh dài hơn đi theo đường thẳng bao nhiêu ki-lô-mét?

A. 1 km B. 3 km C. 2 km

3 Với 6 que tính, Rô-bốt xếp được một hình chữ nhật như hình bên.

Sử dụng 10 que tính, em hãy xếp một hình chữ nhật. Em tìm được mấy cách xếp?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 20

THỰC HÀNH VẼ GÓC VUÔNG, VẼ ĐƯỜNG TRÒN, HÌNH VUÔNG, HÌNH CHỮ NHẬT VÀ VẼ TRANG TRÍ

hoạt động

1 a) Vẽ góc vuông đỉnh A; cạnh AB, AC.

b) Vẽ đường tròn tâm I.

2 Tự làm ê ke giấy: Gấp tờ giấy làm đôi, rồi lại gấp làm đôi tiếp (như hình vẽ).

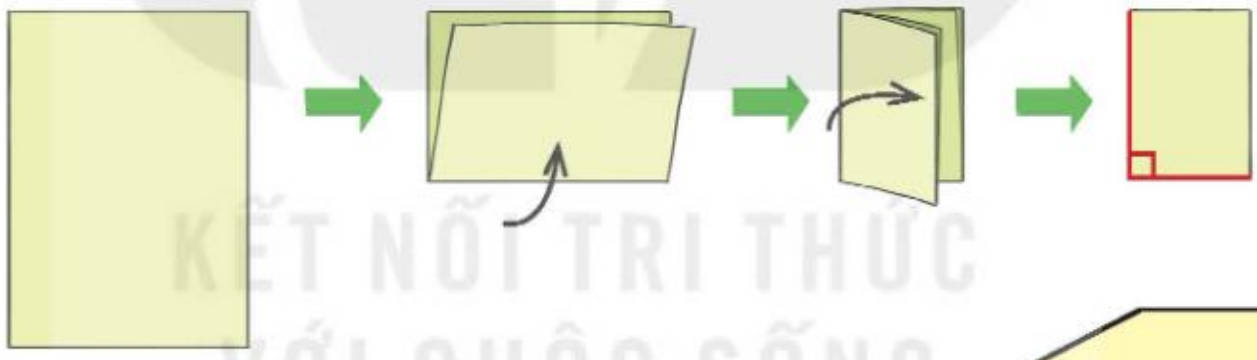

a) Dùng ê ke trong bộ đồ dùng học tập của em, hãy kiểm tra lại góc vuông ở ê ke giấy vừa làm.

b) Dùng ê ke giấy vừa làm, em hãy tìm xem trong hình bên có mấy góc vuông.

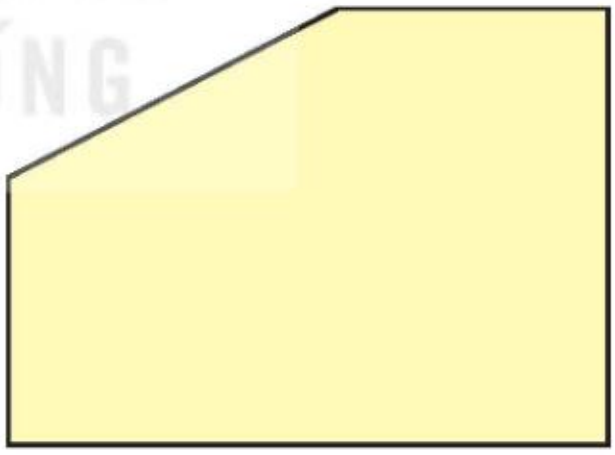

3 Vẽ hình chữ nhật và hình vuông (theo mẫu).

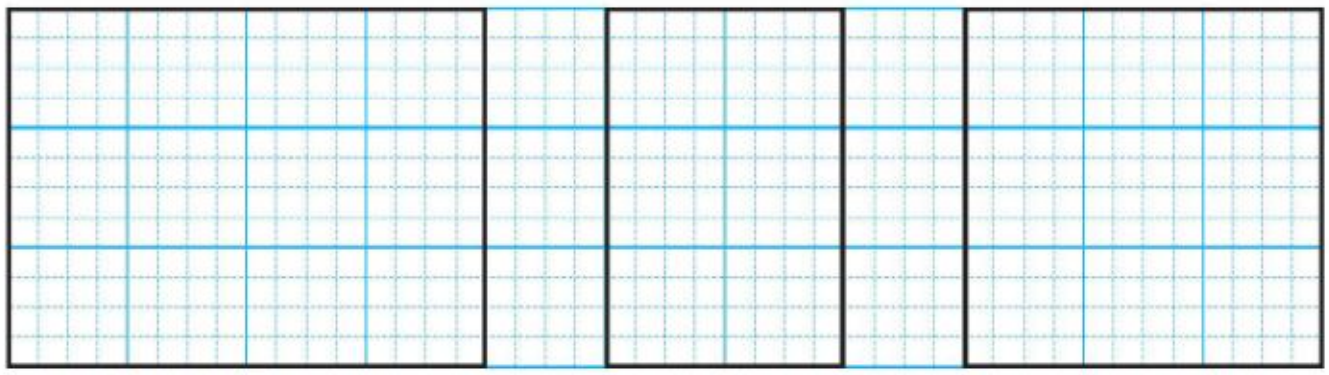

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Vẽ một hình mà em thích từ những hình vuông hoặc hình chữ nhật (theo mẫu).

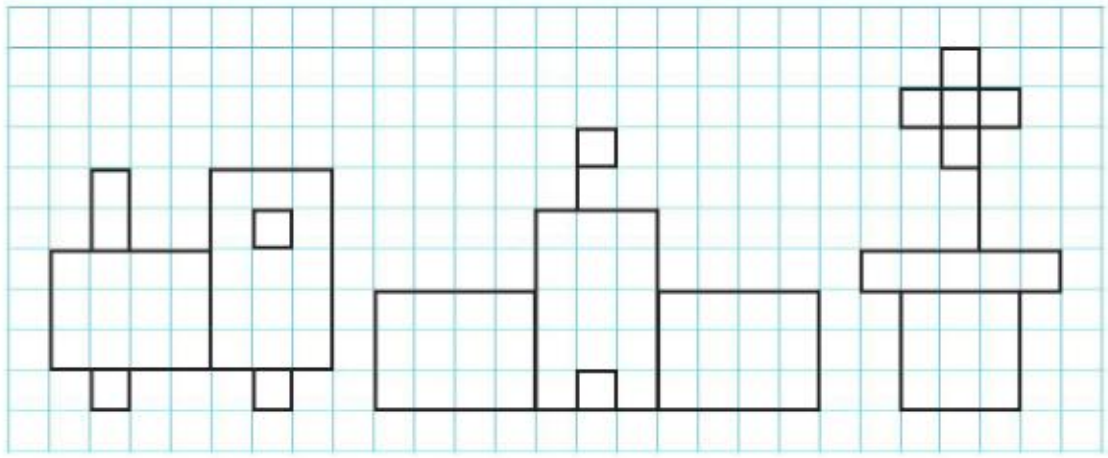

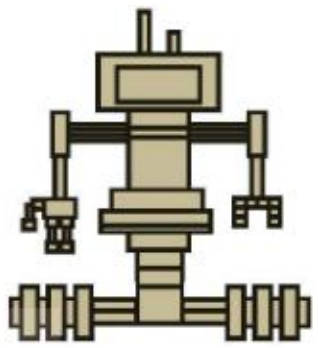

2 a) Quan sát rồi vẽ hình theo mẫu.

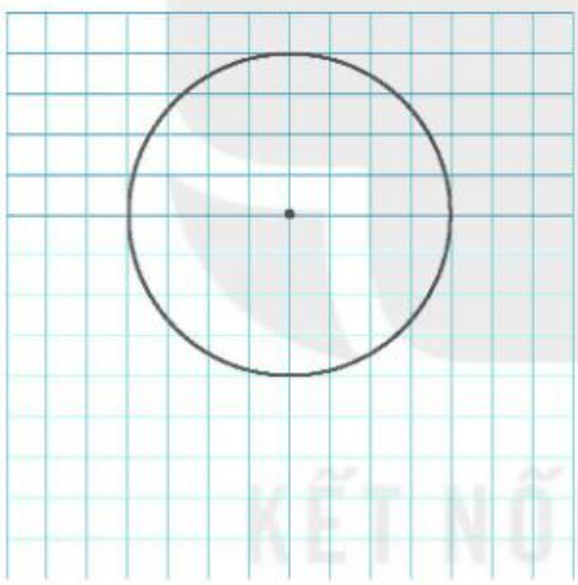

Bước 1

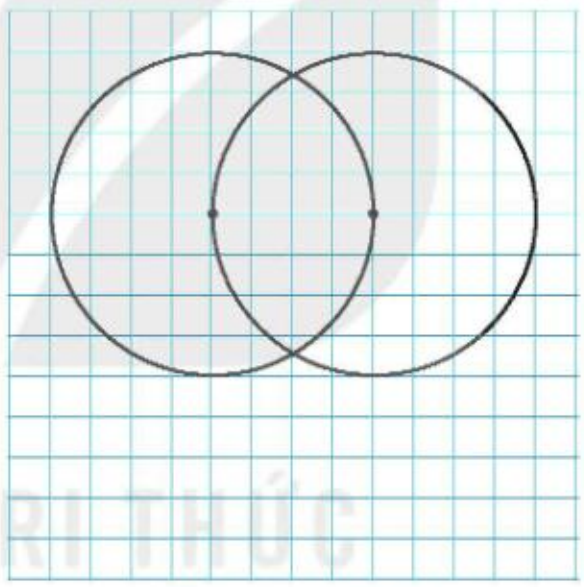

Bước 2

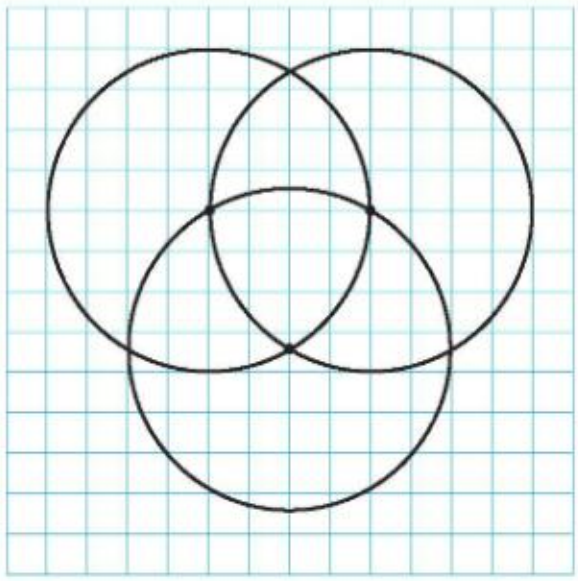

Bước 3

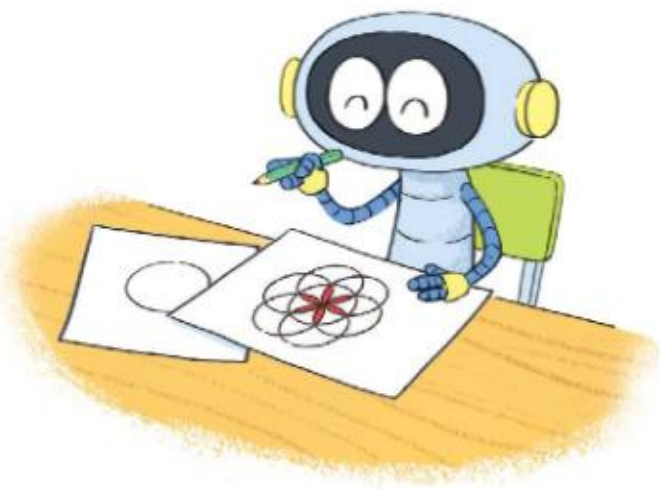

b) Tô màu trang trí hình em vừa vẽ được.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 21

KHỐI LẬP PHƯƠNG, KHỐI HỘP CHỮ NHẬT

Khám phá

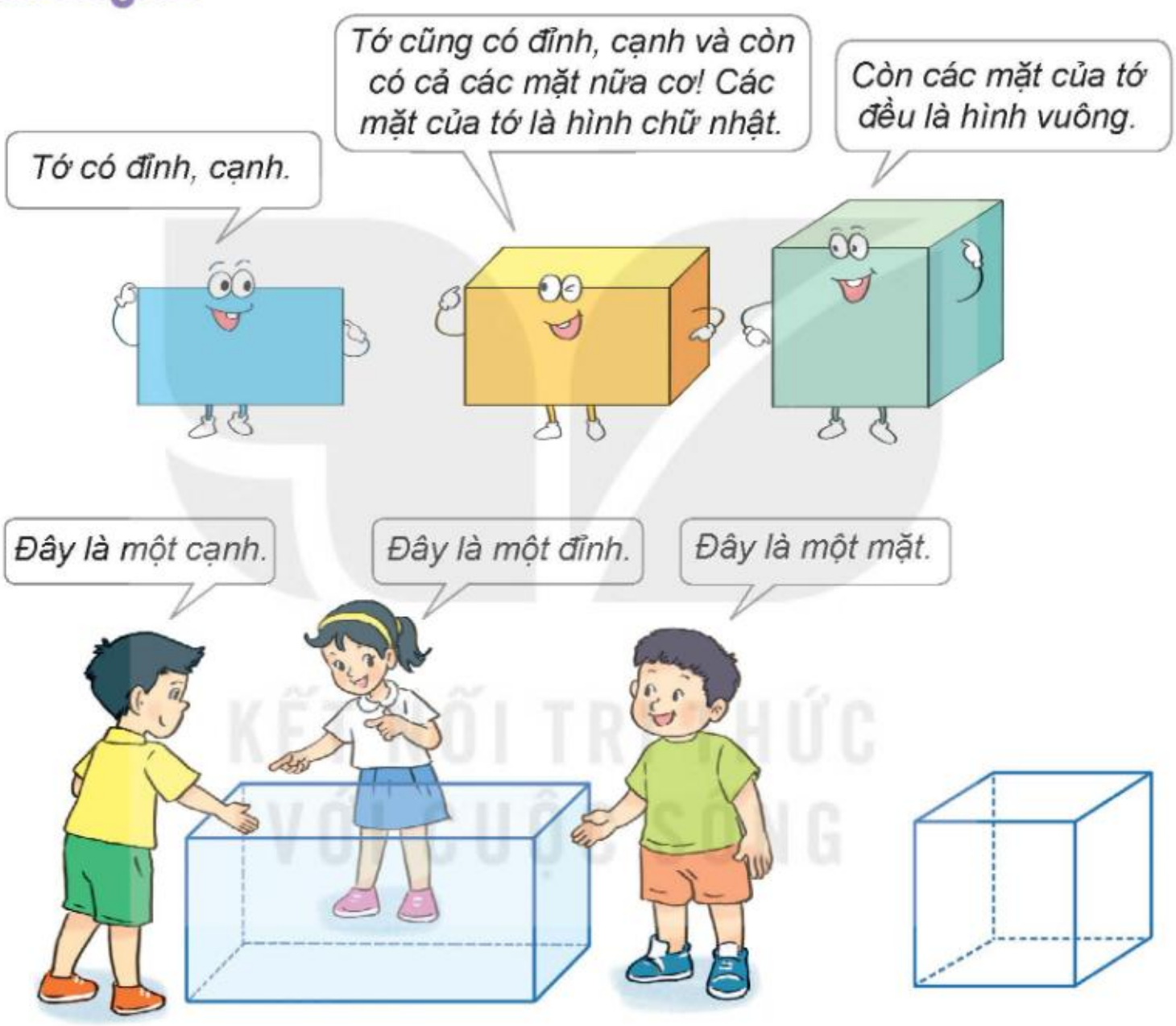

Khối hộp chữ nhật

Khối lập phương

- Khối hộp chữ nhật và khối lập phương đều có 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh.
- Các mặt của khối hộp chữ nhật đều là hình chữ nhật.
- Các mặt của khối lập phương đều là hình vuông.

hoạt động

1 Một chiếc khung sắt dạng khối hộp chữ nhật có các cạnh được sơn màu như hình vẽ.

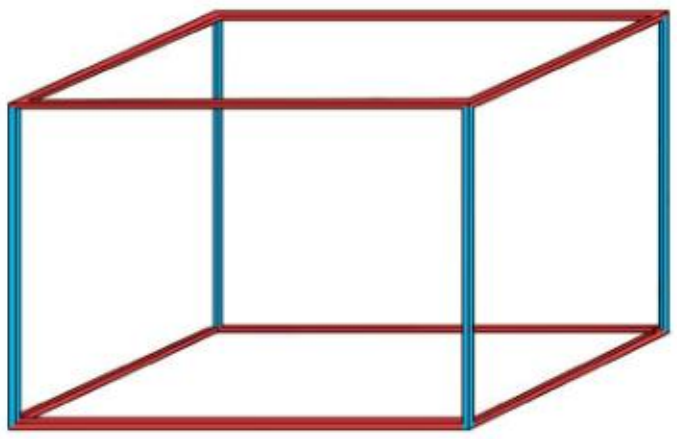

a) Có mấy cạnh được sơn màu xanh, mấy cạnh được sơn màu đỏ?

b) Chọn câu trả lời đúng.

Người ta lắp một tấm gỗ vừa khít vào mặt trước của chiếc khung sắt đó. Miếng gỗ cần lắp có dạng hình gì?

A. Hình tròn B. Hình tam giác C. Hình chữ nhật

2 Số ?

Ở gần mỗi đỉnh của một chiếc hộp gỗ dạng khối lập phương, bác Hà chạm ba bông hoa (như hình vẽ). Bác Hà đã chạm tất cả ? bông hoa.

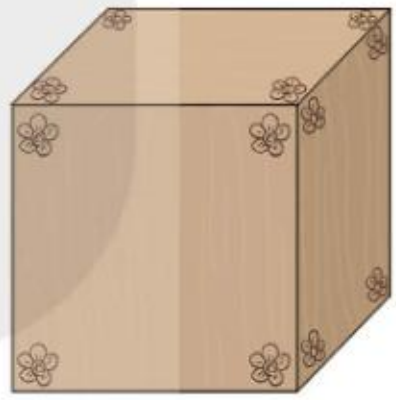

luyện tập

1 Con kiến bò theo đường màu cam trên chiếc khung nhôm dạng khối hộp chữ nhật để đến chỗ hạt gạo (như hình vẽ). Hỏi con kiến cần bò qua mấy cạnh?

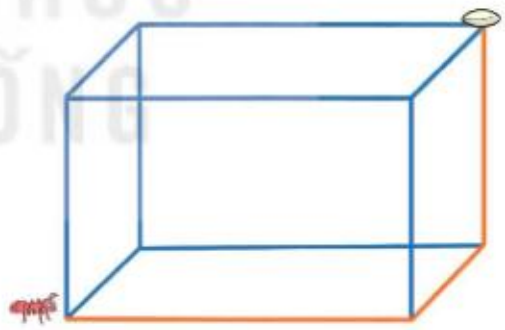

2 Số ?

Chú Ba làm những chiếc đèn lồng có dạng khối lập phương. Mỗi cạnh dùng một nan tre, mỗi mặt dán một tờ giấy màu.

a) Mỗi chiếc đèn lồng cần dùng ? nan tre.

b) 5 chiếc đèn lồng như vậy cần dùng ? tờ giấy màu.

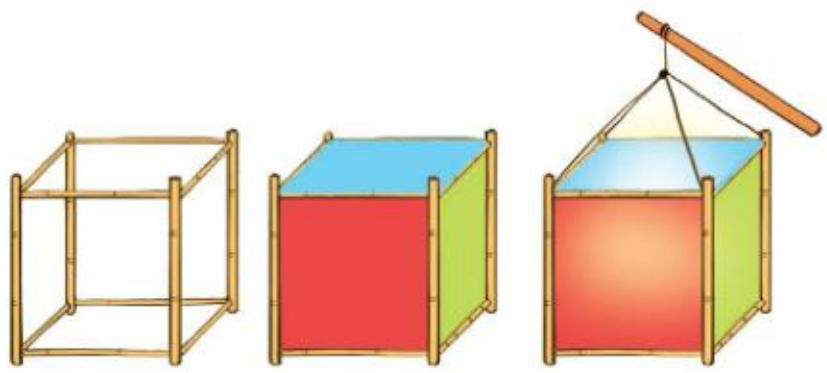

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 22

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Bạn Mai vẽ một hình vuông trên giấy ô vuông rồi vẽ trung điểm mỗi cạnh của hình vuông đó. Hình nào sau đây là hình vẽ đúng của Mai?

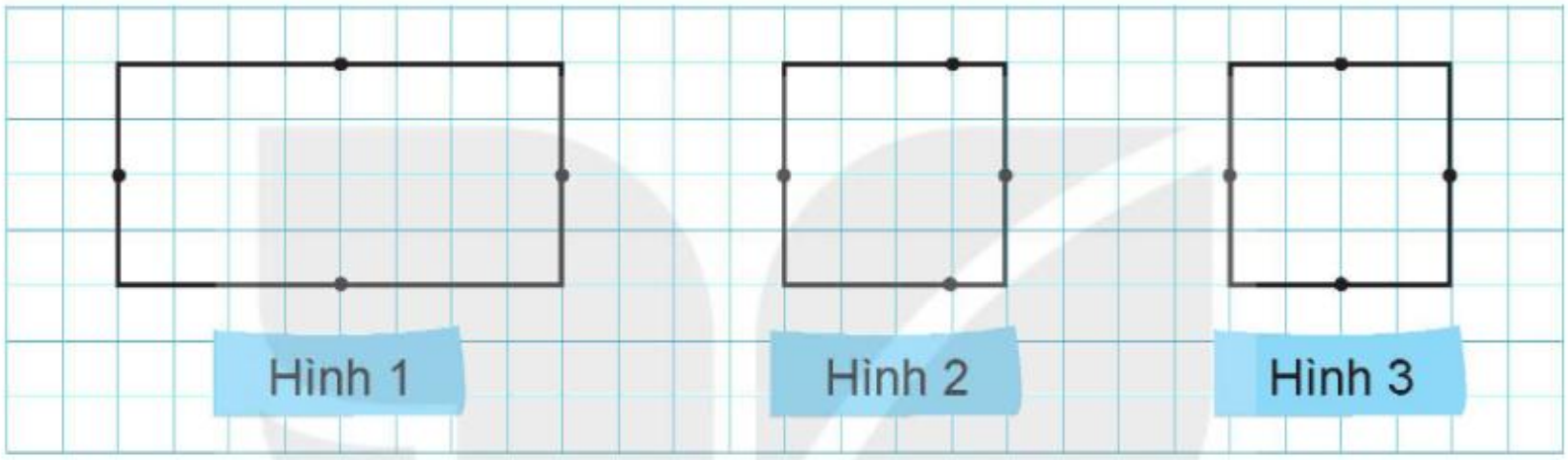

2 Một tờ giấy hình tròn được dán vào tờ giấy hình vuông (như hình vẽ). Biết bán kính của hình tròn là 2 cm. Hỏi cạnh hình vuông dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

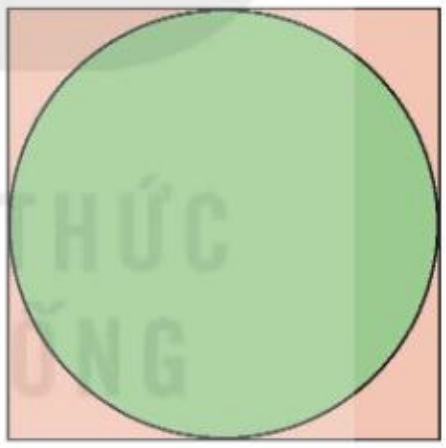

3 Cái ao của chú ếch có dạng hình chữ nhật (như hình vẽ). Mỗi lá súng có dạng hình tròn đường kính 1 dm. Em hãy tìm:

a) Chiều dài của cái ao.

b) Chiều rộng của cái ao.

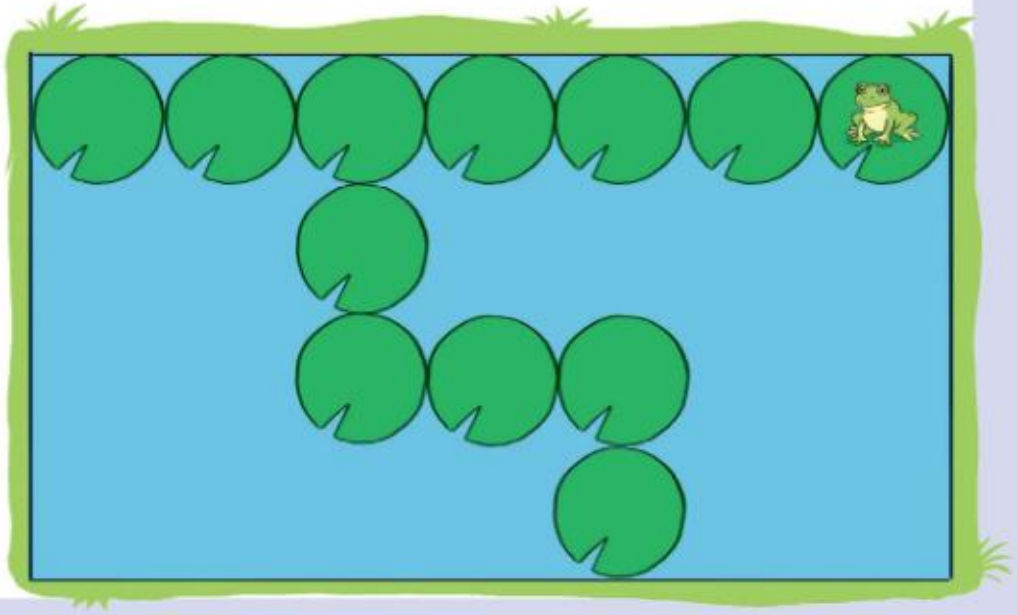

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Tìm các hình tam giác và các hình tứ giác có trong hình sau:

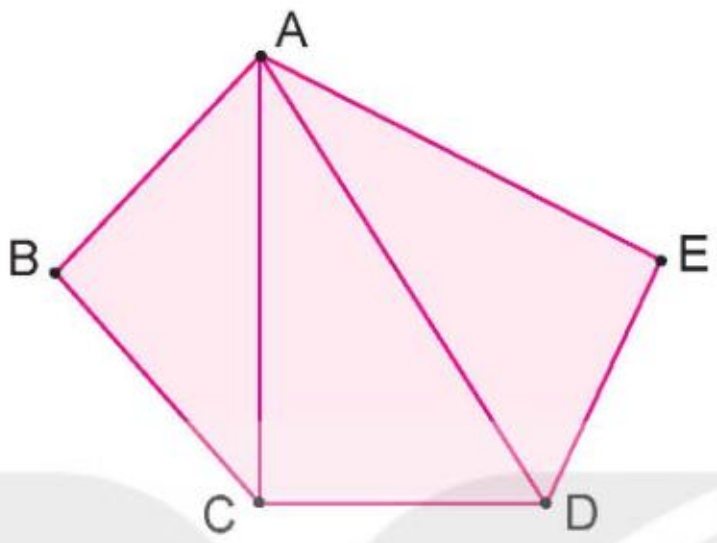

2 Trong hình dưới đây, hãy dùng ê ke kiểm tra xem hai bán kính nào của hình tròn tâm O tạo thành một góc vuông.

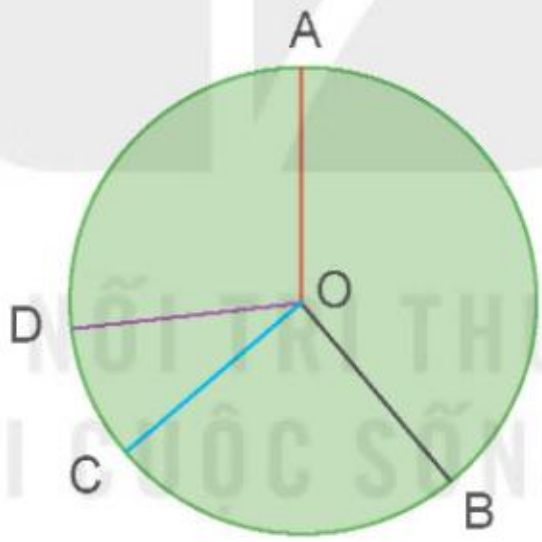

3 Ghép 8 khối lập phương nhỏ được khối lập phương lớn (như hình vẽ). Người ta sơn màu đỏ vào tất cả các mặt của khối lập phương lớn. Hỏi có tất cả bao nhiêu mặt của các khối lập phương nhỏ được sơn màu đỏ?

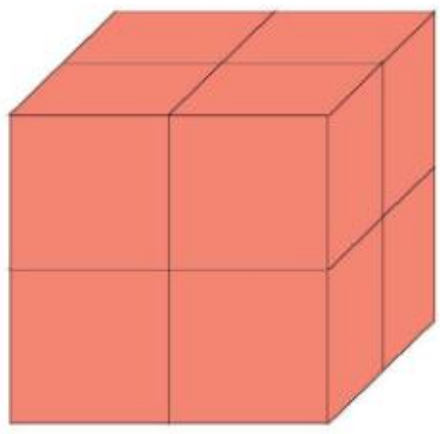

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 4

PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100

Bài 23

NHÂN SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Khám phá

Mỗi hộp có 12 chiếc bút màu. Hỏi 3 hộp có bao nhiêu chiếc bút màu?

$12 \times 3 = ?$

Đặt tính rồi tính thế này nhé!

$12 + 12 + 12 = 36$

$12 \times 3 = 36$

$$\begin{array}{r} 12 \\ \times \quad 3 \\ \hline 36 \end{array}$$

- 3 nhân 2 bằng 6, viết 6.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

$12 \times 3 = 36$

hoạt động

1 Tính.

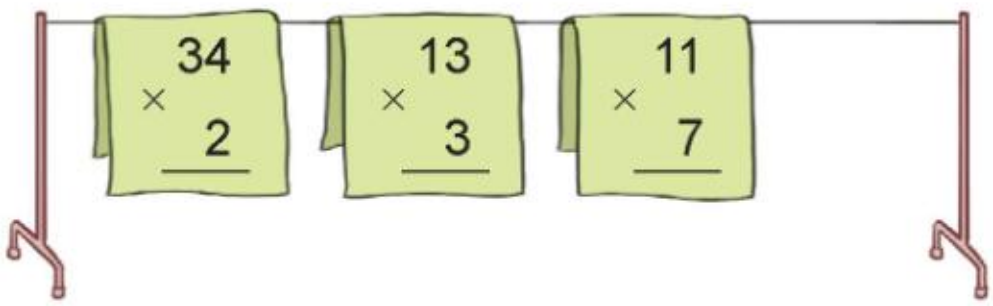

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: $20 \times 3 = ?$

Nhẩm: 2 chục $\times$ 3 = 6 chục

$20 \times 3 = 60$

10×8 $\quad$ 20×4

30×3 $\quad$ 40×2

3 Có 3 bình chứa nước. Quạ phải thả 21 viên sỏi vào mỗi bình để nước dâng lên thì mới có thể uống được nước. Hỏi quạ phải thả bao nhiêu viên sỏi thì mới uống được nước ở cả 3 bình đó?

Khám phá

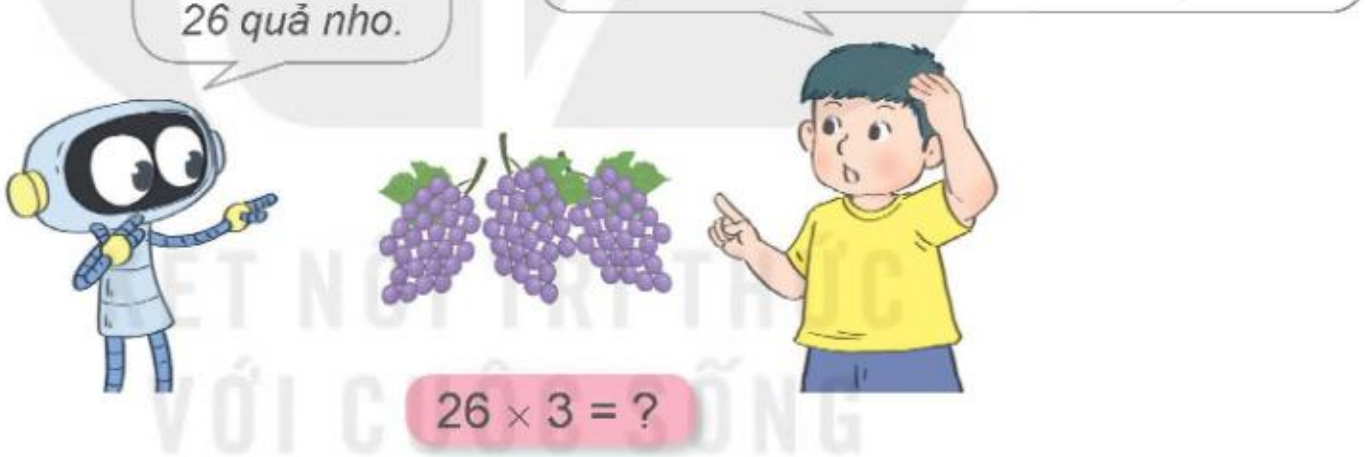

$$\begin{array}{r} 26 \\ \times \quad 3 \\ \hline 78 \end{array}$$

- 3 nhân 6 bằng 18, viết 8 nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.

$26 \times 3 = 78$

Hoạt động

Tính.

$$\begin{array}{r} 37 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 16 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 29 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 18 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Kết quả của mỗi phép tính được gắn với một chữ như sau:

A 15×6	C 11×8	H 21×4	M 17×3
N 16×2	Ọ 33×1	T 13×4	Ù 19×5

Hãy gắn các chữ vào các ô thích hợp để biết tên một di tích nổi tiếng ở nước ta.

88	84	95	90
?	?	?	A

51	33	52
?	?	?

88	33	52
?	?	?

2 Em hãy giúp các bạn ong đổi chỗ hai thẻ số trong hình dưới đây để được phép tính đúng.

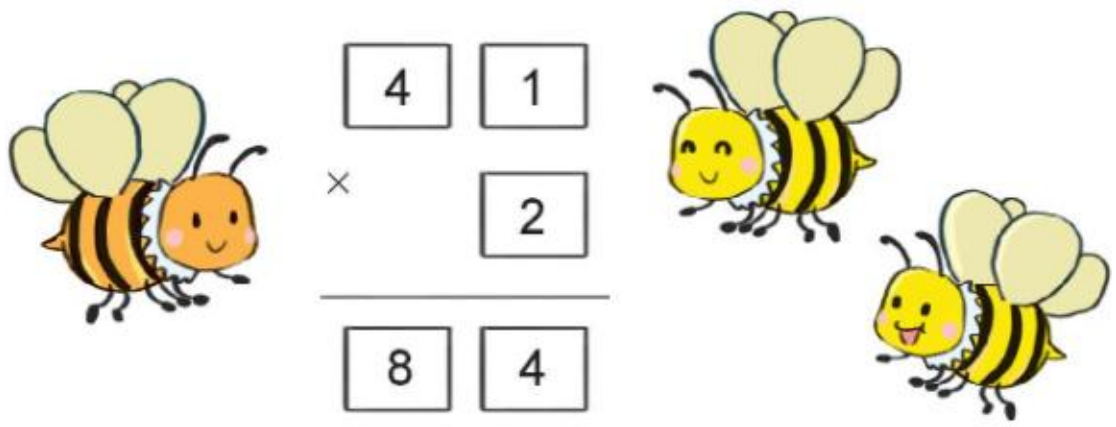

Bài 24

GẤP MỘT SỐ LÊN MỘT SỐ LẦN

Khám phá

Việt có 6 quả táo. Số táo của Mai gấp 4 lần số táo của Việt. Hỏi Mai có bao nhiêu quả táo?

Tóm tắt

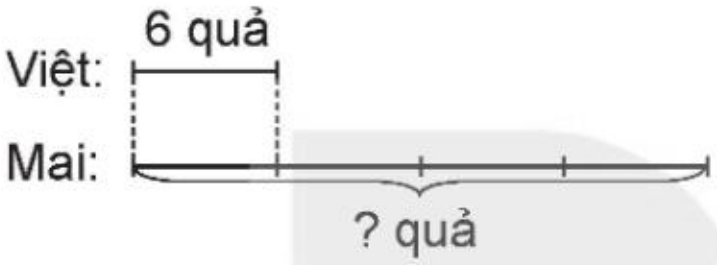

Bài giải

Mai có số quả táo là:

$6 \times 4 = 24$ (quả)

Đáp số: 24 quả táo.

Hoạt động

1 Số ?

Số đã cho	4	7	11	8	9
Thêm vào số đã cho 8 đơn vị	12	?	?	?	?
Gấp 8 lần số đã cho	32	?	?	?	?

2 Số ?

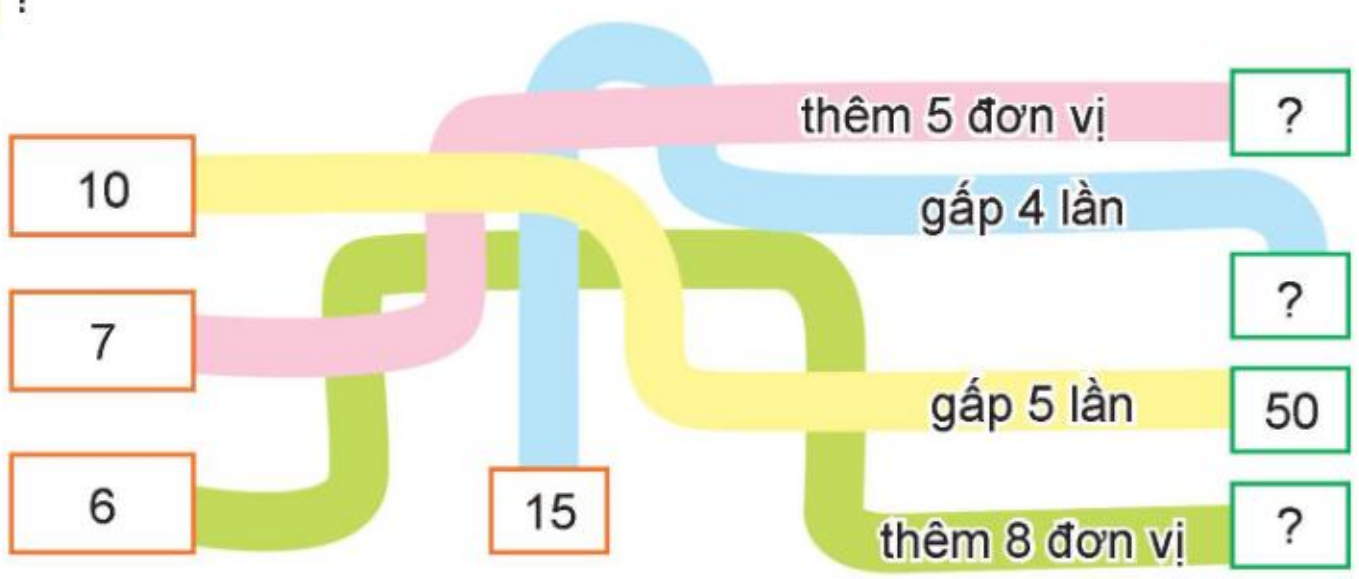

3 Năm nay con 9 tuổi, tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Hỏi năm nay bố bao nhiêu tuổi?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Số ?

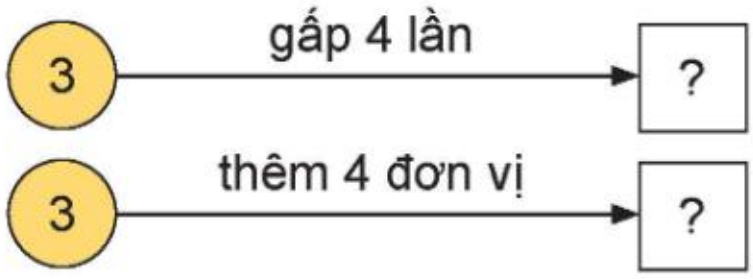

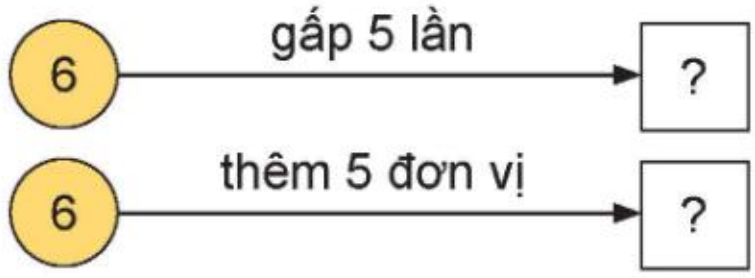

2 Đ, S ?

a)

b)

c)

d)

3 Trong phòng có 9 cái bàn. Nam muốn xếp vào mỗi bàn **2 cái ghế**. Hỏi Nam cần bao nhiêu cái ghế?

4 Tìm đường đi qua mê cung để tới toà thành theo các phép tính có kết quả bằng 45.

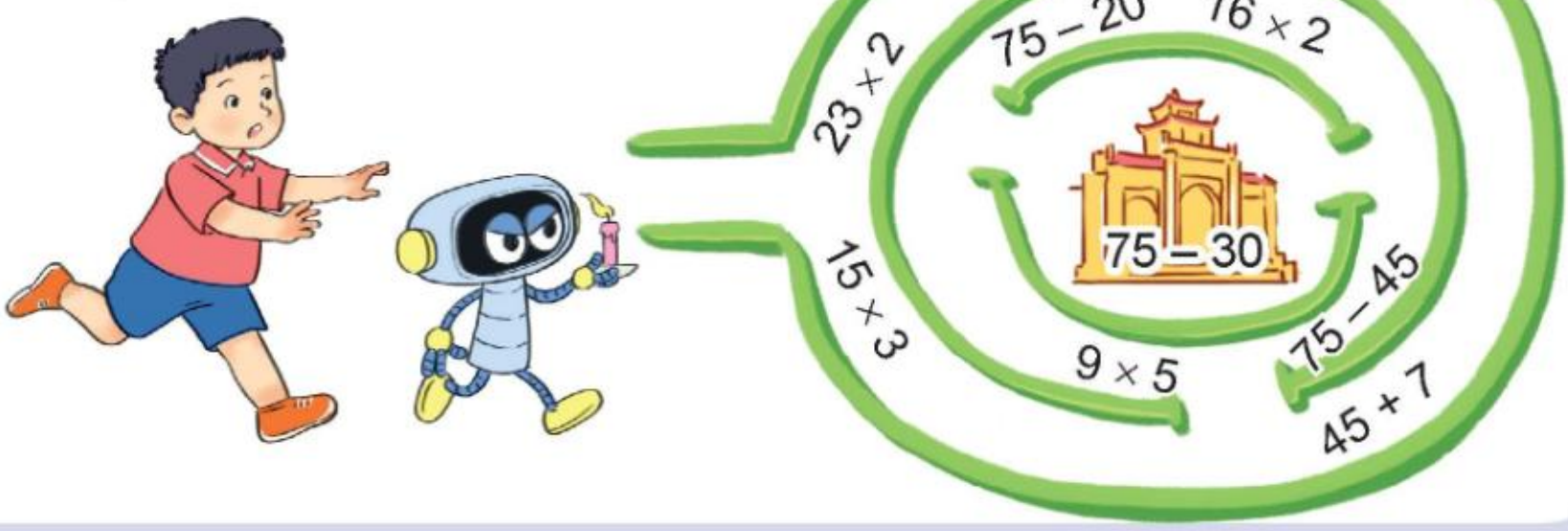

Bài 25

PHÉP CHIA HẾT, PHÉP CHIA CÓ DƯ

Khám phá

a)

6	2
6	3
0	

- 6 chia 2 được 3, viết 3.

  3 nhân 2 bằng 6; 6 trừ 6 bằng 0.

- Ta nói: 6 : 2 là phép chia hết.

  Ta viết: 6 : 2 = 3.

  Đọc là: Sáu chia hai bằng ba.

b)

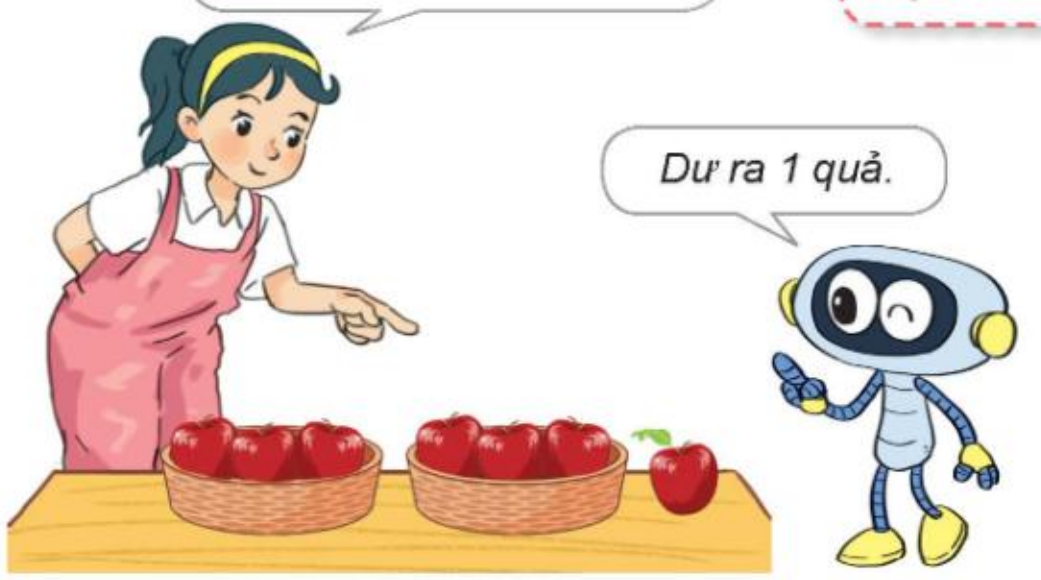

7	2
6	3
1	

- 7 chia 2 được 3, viết 3.

  3 nhân 2 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1.

- Ta nói: 7 : 2 là phép chia có dư, 3 là thương và 1 là số dư.

  Ta viết: 7 : 2 = 3 (dư 1).

  Đọc là: Bảy chia hai bằng ba, dư một.

- Chú ý: Số dư bé hơn số chia.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính.

a)

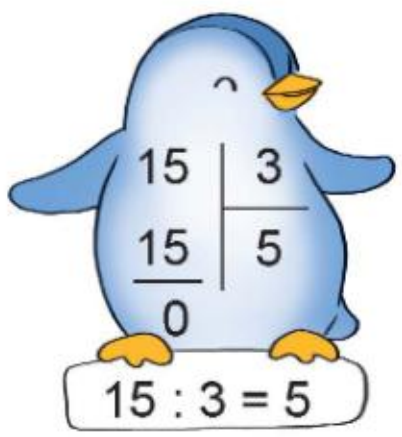

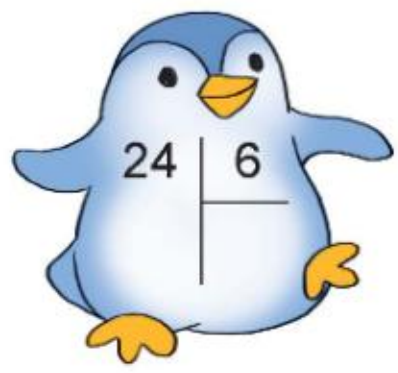

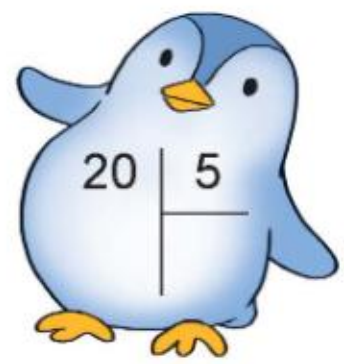

b)

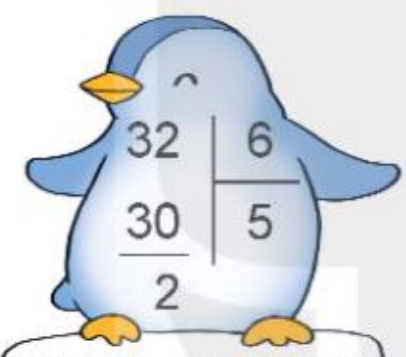

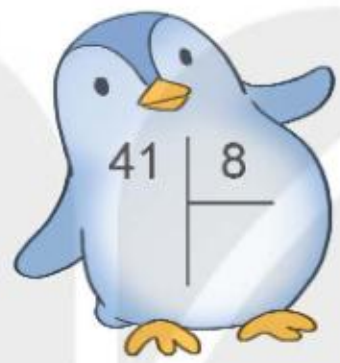

2

Cách chia táo của bạn nào cho ta phép chia hết? Cách chia táo của bạn nào cho ta phép chia có dư?

luyện tập

1 a) Tính.

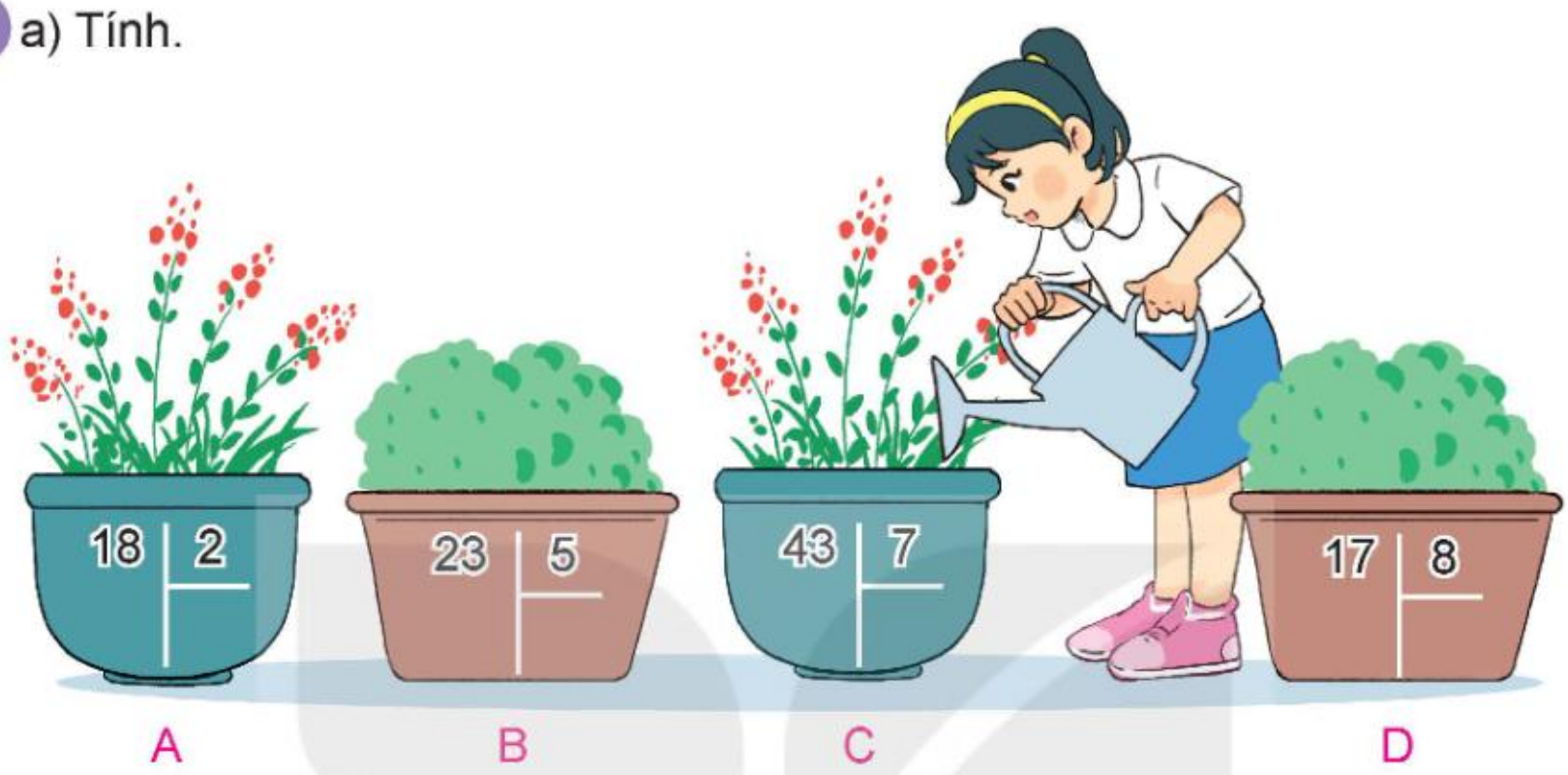

b) Chậu cây nào ở câu a ghi phép chia có số dư là 3?

2 Chọn số dư của mỗi phép chia dưới đây.

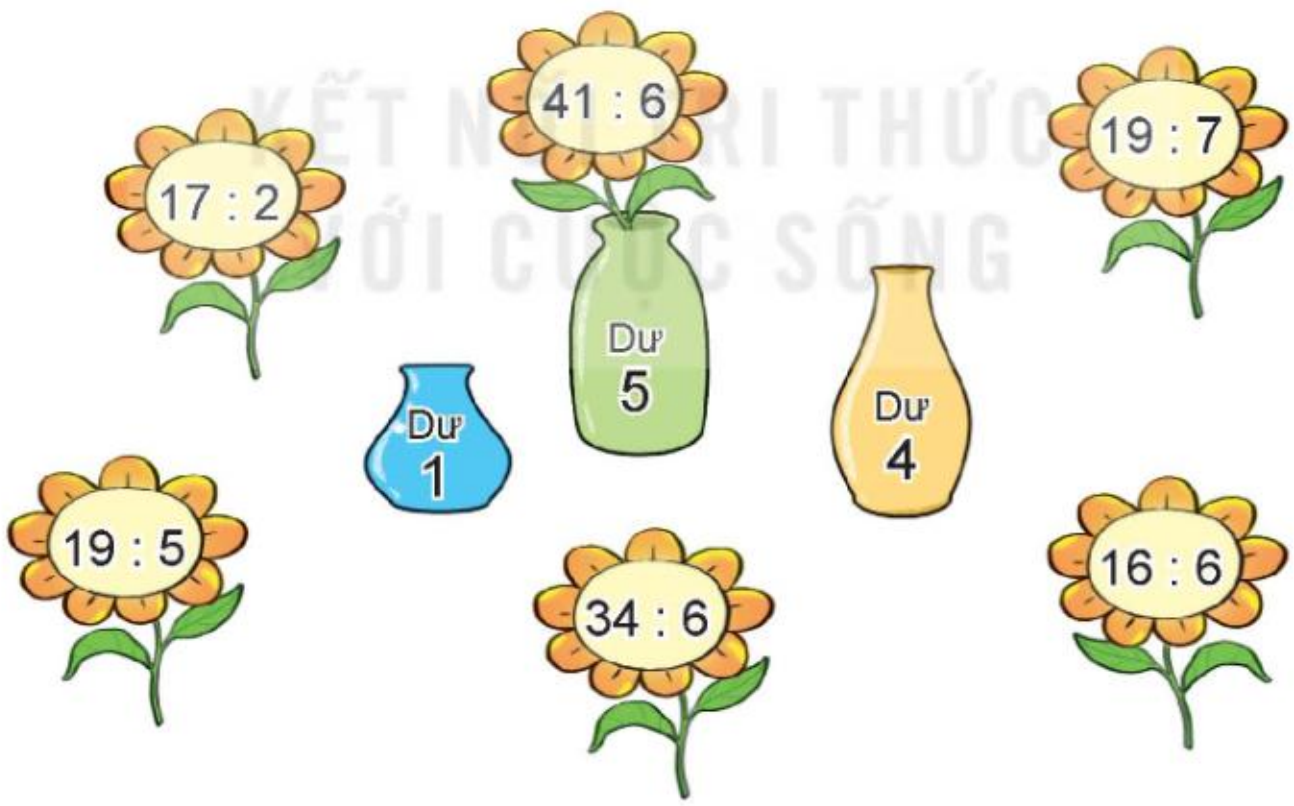

3 Rô-bốt chia 56 con cá vào các rổ, mỗi rổ 8 con cá. Hỏi Rô-bốt chia được bao nhiêu rổ cá như vậy?

Bài 26

CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Khám phá

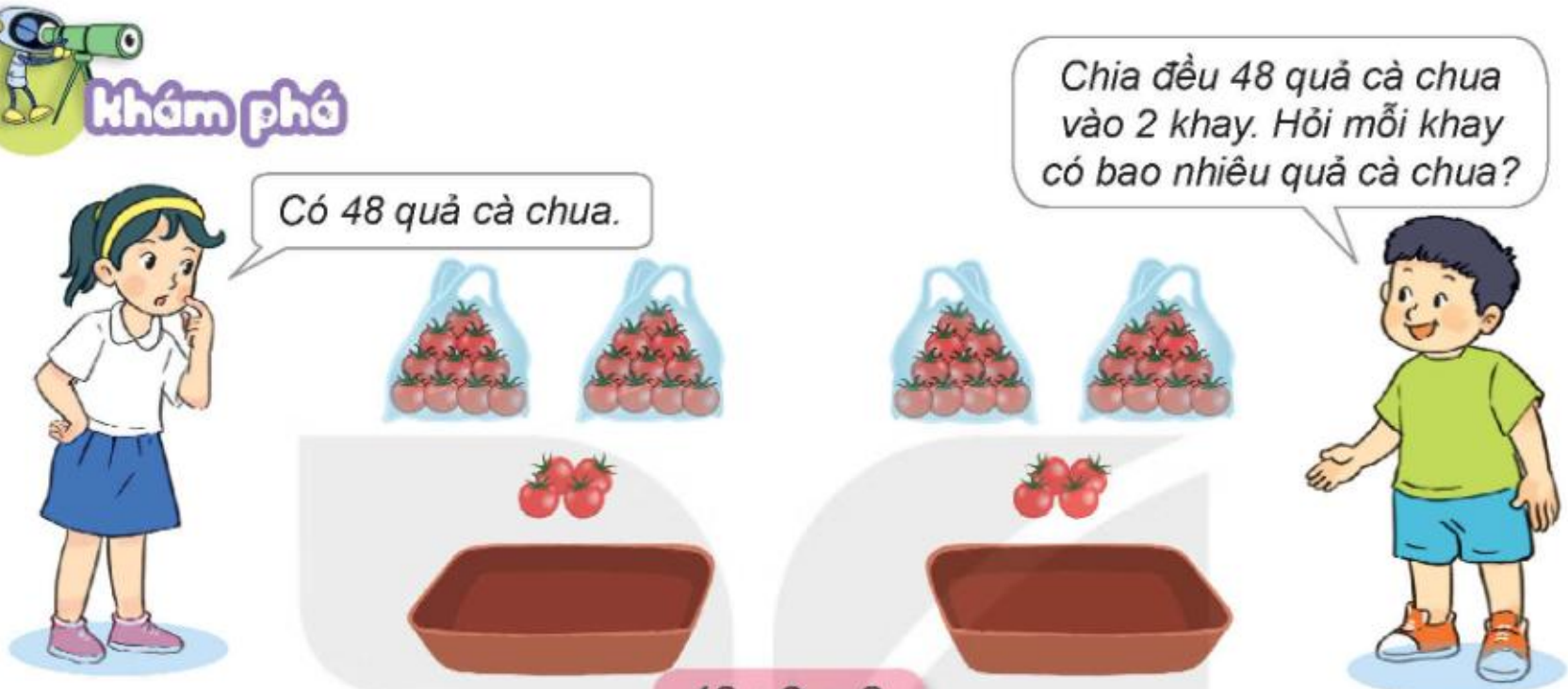

48	2
4	24
08	
8	
0	

- 4 chia 2 được 2, viết 2.
  2 nhân 2 bằng 4; 4 trừ 4 bằng 0.
- Hạ 8; 8 chia 2 được 4, viết 4.
  4 nhân 2 bằng 8; 8 trừ 8 bằng 0.

48 : 2 = 24

Hoạt động

1 Tính.

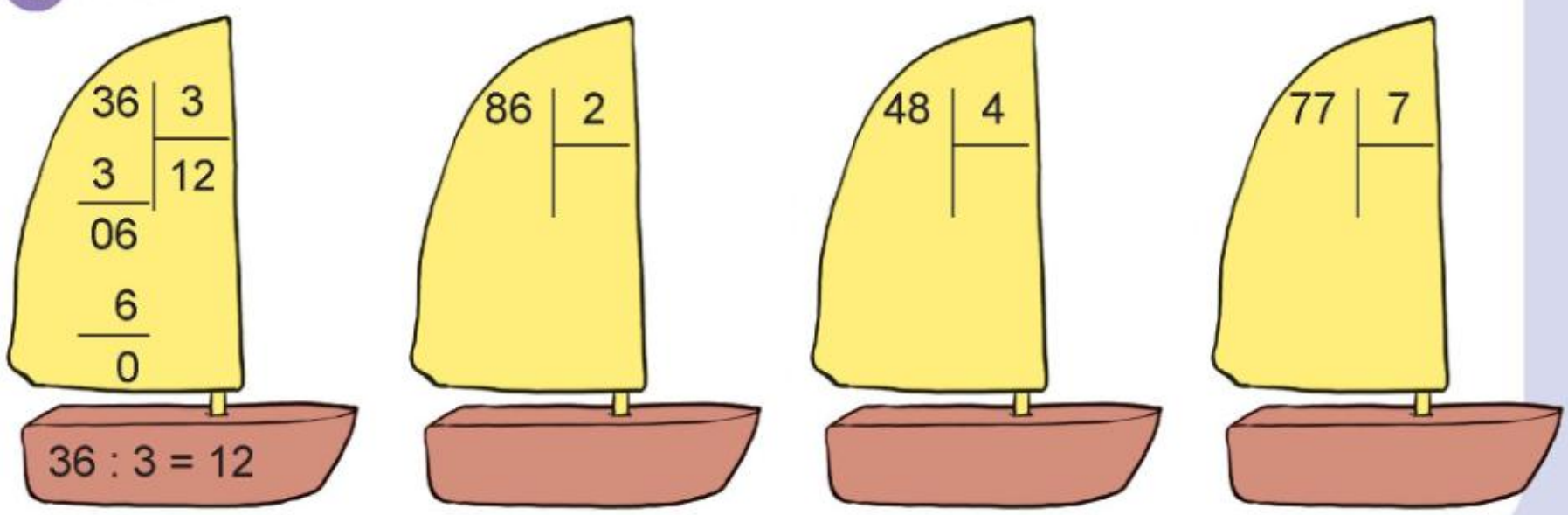

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 90 : 3 = ?

Nhẩm: 9 chục : 3 = 3 chục

90 : 3 = 30

60 : 2 80 : 4

90 : 9 60 : 3

3 Tìm thừa số.

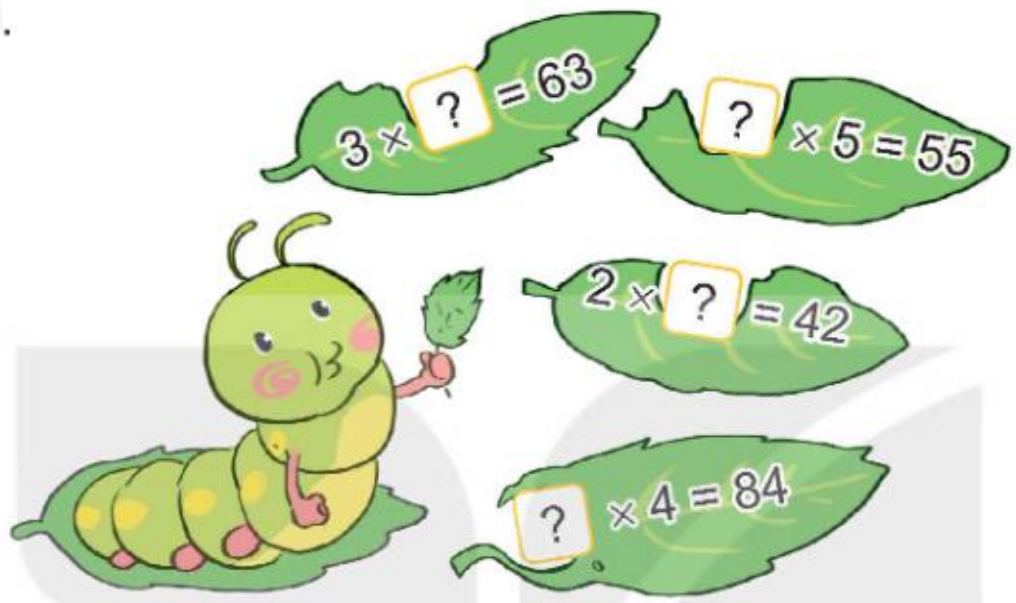

Khám phá

a) 51 : 3 = ?

51	3
3	17
21	
21	
0	

- 5 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3; 5 trừ 3 bằng 2.
- Hạ 1, được 21; 21 chia 3 được 7, viết 7.
  7 nhân 3 bằng 21; 21 trừ 21 bằng 0.

51 : 3 = 17

b) 74 : 3 = ?

74	3
6	24
14	
12	
2	

- 7 chia 3 được 2, viết 2.
  2 nhân 3 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1.
- Hạ 4, được 14; 14 chia 3 được 4, viết 4.
  4 nhân 3 bằng 12; 14 trừ 12 bằng 2.

74 : 3 = 24 (dư 2)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính.

91 | 4 8 | 22 11 8 3	53 | 6	33 | 2	79 | 5
91 : 4 = 22 (dư 3)			

2 Bác Hoa mang 75 quả trứng gà ra chợ bán. Bác chia đều số trứng gà đó vào 3 rổ. Hỏi mỗi rổ có bao nhiêu quả trứng gà?

3 Tìm các phép chia có số dư là 3.

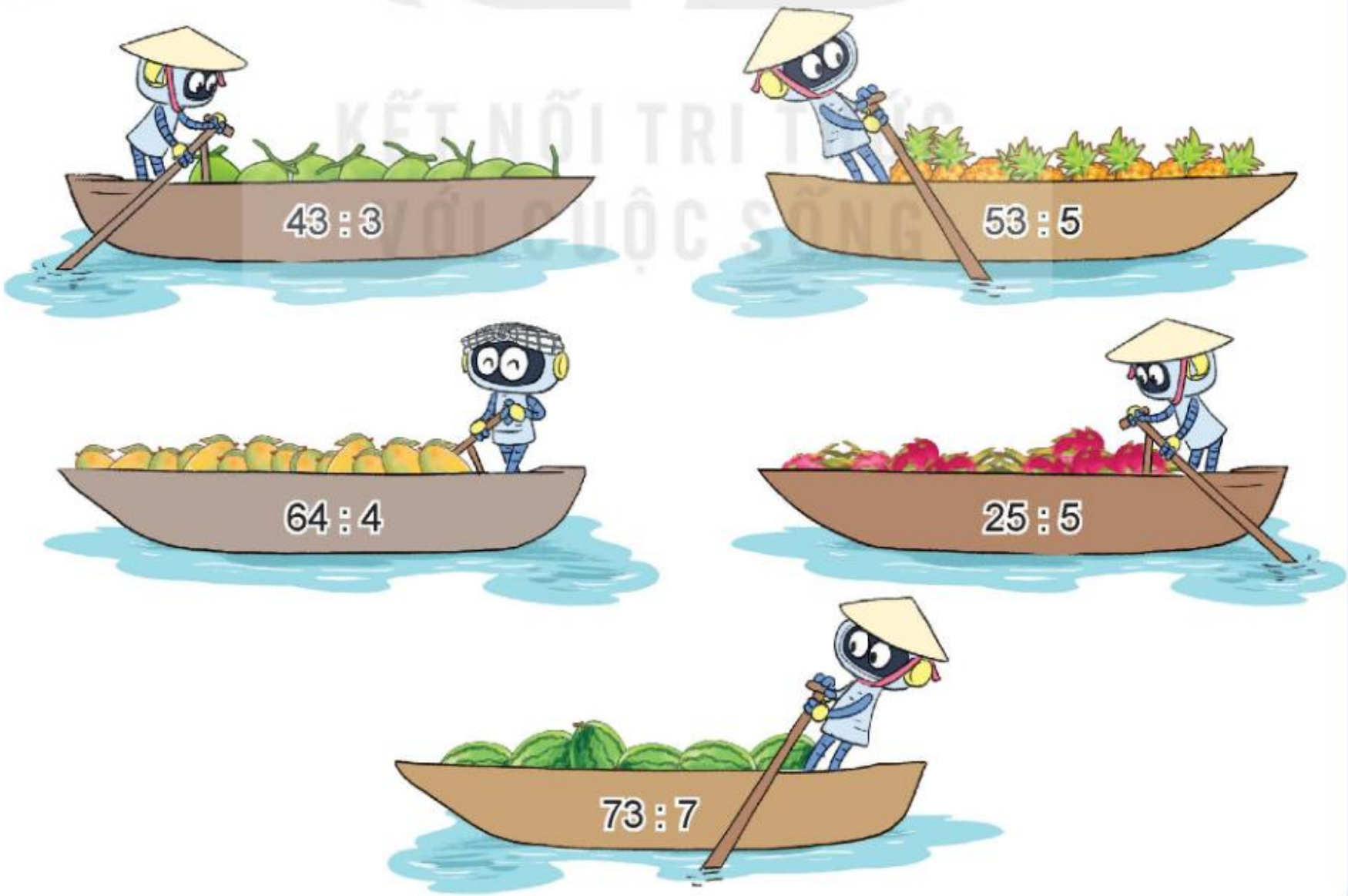

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Tính.

77 | 2	97 | 4	51 | 2	98 | 7

2 Số ?

Trong hình dưới đây, các con mèo có cân nặng bằng nhau, các con chó và rô-bốt cũng vậy.

Mỗi con mèo cân nặng ? kg.

Mỗi con chó cân nặng ? kg.

Mỗi rô-bốt cân nặng ? kg.

3 Một lớp học có 29 học sinh. Mỗi bàn chỉ xếp chỗ ngồi cho 2 học sinh. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu bàn cho lớp học đó?

4 Tìm số bị chia.

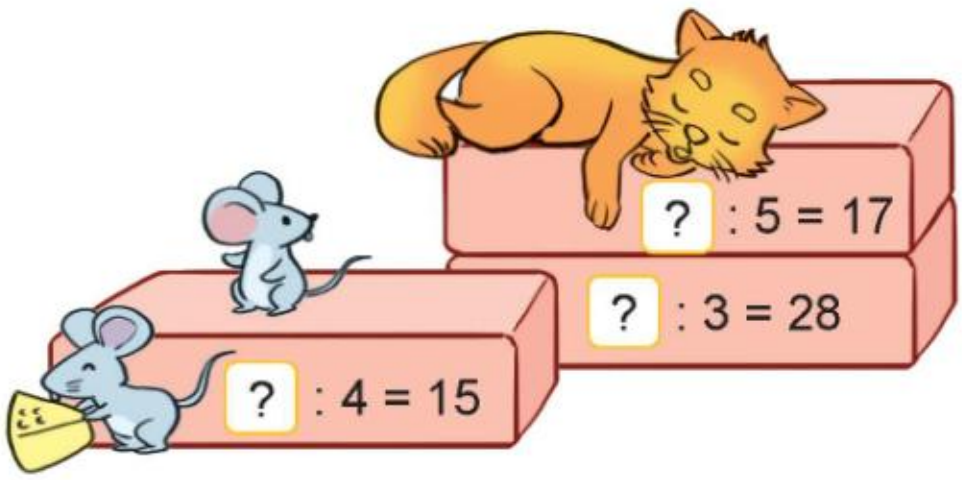

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 27

GIẢM MỘT SỐ ĐI MỘT SỐ LẦN

Khám phá

Lúc đầu:

Lúc sau:

Muốn giảm một số đi một số lần, ta lấy số đó chia cho số lần.

6 : 3 = 2.

6 con thỏ giảm đi 3 lần còn 2 con thỏ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hoạt động

1 Số ?

2 Nam có 42 nhãn vở. Sau khi cho các bạn một số nhãn vở, số nhãn vở còn lại của Nam so với lúc đầu giảm đi 3 lần. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu nhãn vở?

luyện tập

1 Số ?

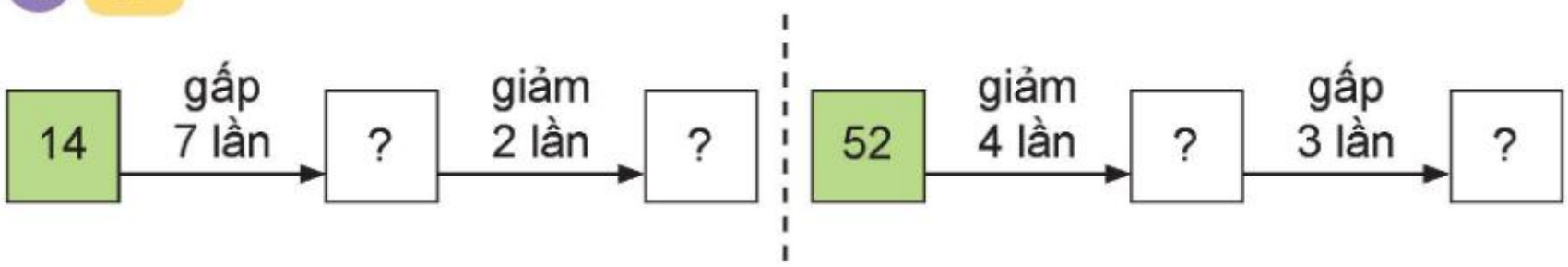

2 Rô-bốt có 30 đồng vàng. Khi đi qua mỗi ngã rẽ (như hình vẽ), số đồng vàng của Rô-bốt sẽ thay đổi theo phép tính ghi ở con đường Rô-bốt sẽ đi qua. Tìm đường đi để Rô-bốt có 40 đồng vàng.

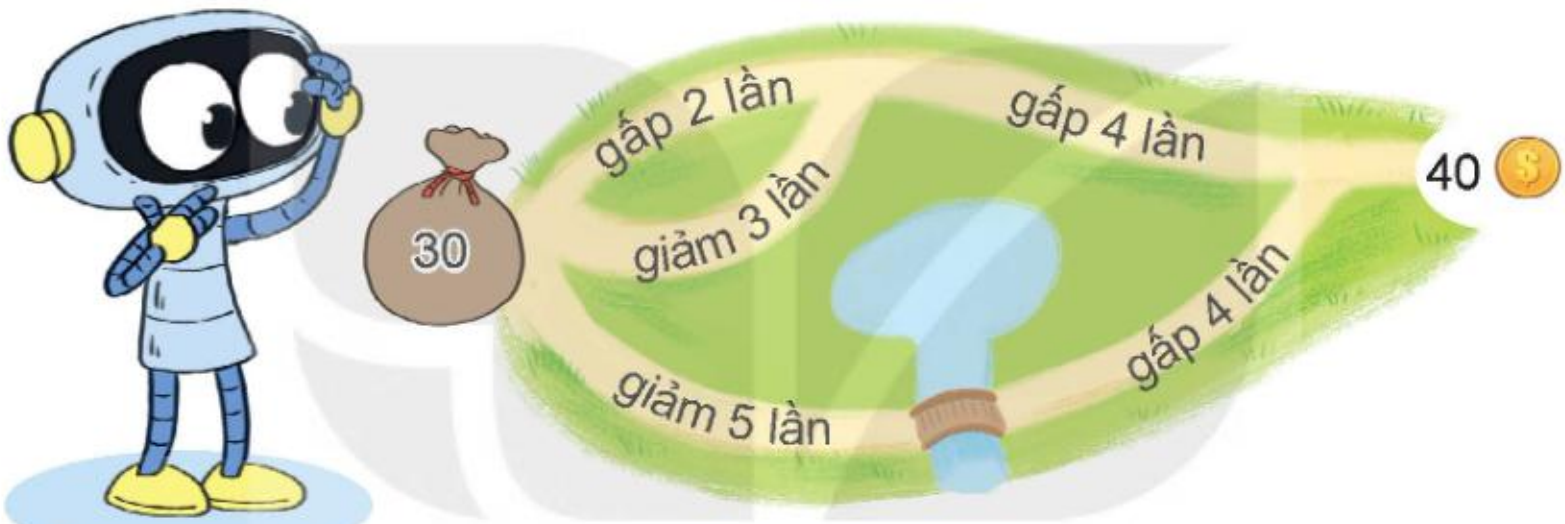

3 Mai có 28 chiếc bút màu. Sau khoá học vẽ, số chiếc bút màu còn lại của Mai so với lúc đầu giảm đi 4 lần. Hỏi Mai còn lại bao nhiêu chiếc bút màu?

4 Tìm số chia.

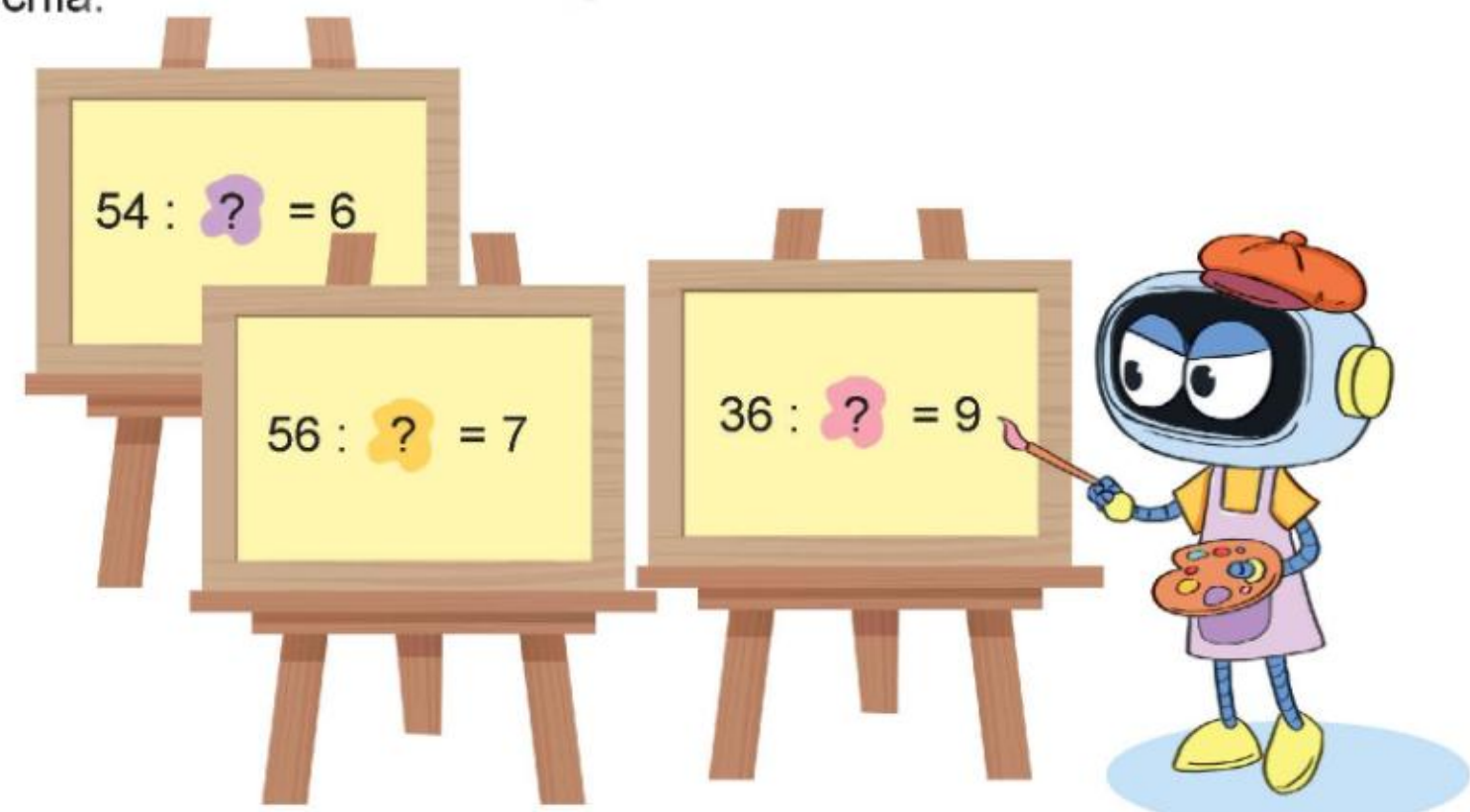

Bài 28

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI BƯỚC TÍNH

Bài toán 1

Có 5 bông hoa cúc. Số hoa hồng có nhiều hơn số hoa cúc là 2 bông. Hỏi:

a) Có bao nhiêu bông hoa hồng?

b) Có bao nhiêu bông hoa hồng và hoa cúc?

Tóm tắt

a)

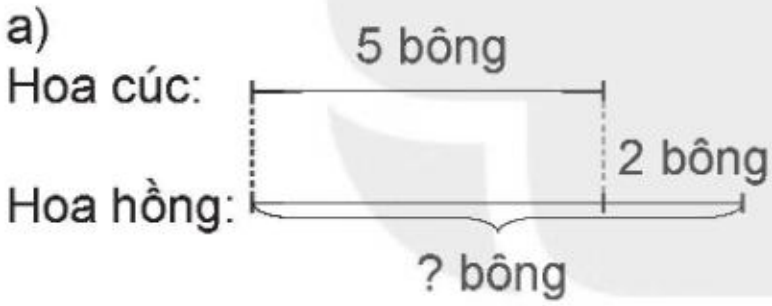

b)

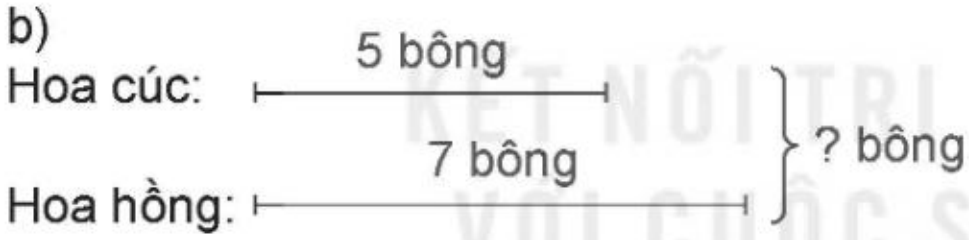

Bài giải

a) Số bông hoa hồng có là:

5 + 2 = 7 (bông)

b) Số bông hoa hồng và hoa cúc có là:

5 + 7 = 12 (bông)

Đáp số: a) 7 bông hoa;
b) 12 bông hoa.

Bài toán 2

Ngăn trên có 10 quyển sách, ngăn dưới có nhiều hơn ngăn trên 3 quyển sách. Hỏi cả hai ngăn có bao nhiêu quyển sách?

• Đây là bài toán giải bằng hai bước tính.
• Trước hết, tìm số quyển sách ở ngăn dưới. Sau đó, tìm số quyển sách ở cả hai ngăn.

Tóm tắt

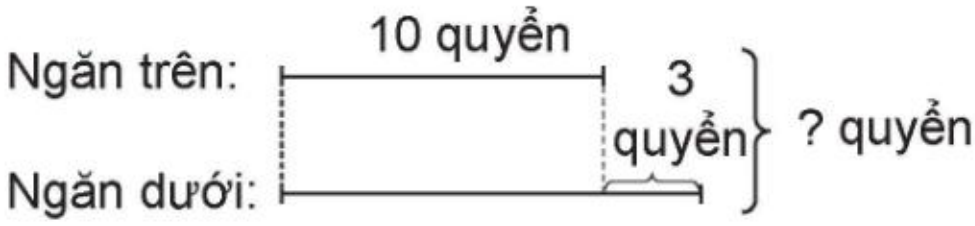

Bài giải

Số sách ở ngăn dưới là:

10 + 3 = 13 (quyển)

Số sách ở cả hai ngăn là:

10 + 13 = 23 (quyển)

Đáp số: 23 quyển sách.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Số ?

Can thứ nhất đựng 5 *l* nước mắm, can thứ hai đựng số lít nước mắm gấp 3 lần can thứ nhất. Hỏi cả hai can đựng bao nhiêu lít nước mắm?

Tóm tắt

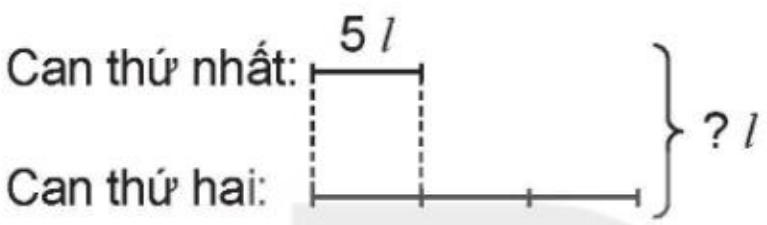

Bài giải

Số lít nước mắm ở can thứ hai là:

5 × ? = ? (*l*)

Số lít nước mắm cả hai can là:

? + ? = ? (*l*)

Đáp số: ? *l* nước mắm.

2 Mai gấp được 10 cái thuyền, Nam gấp được ít hơn Mai 3 cái thuyền. Hỏi cả hai bạn gấp được bao nhiêu cái thuyền?

luyện tập

1 Buổi sáng cửa hàng bán được 10 máy tính, buổi chiều cửa hàng bán được ít hơn buổi sáng 4 máy tính. Hỏi cả hai buổi cửa hàng bán được bao nhiêu máy tính?

2 Đường gấp khúc ABC có AB = 9 cm, đoạn BC dài gấp 2 lần đoạn AB. Hỏi đường gấp khúc ABC dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

3 Nêu bài toán theo tóm tắt sau rồi giải bài toán đó.

Tóm tắt

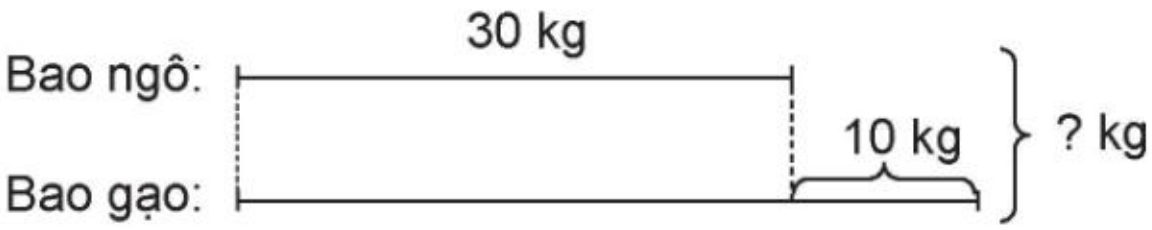

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 29

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm.

a) 10×7	20×4	40×2	30×3
b) $60 : 2$	$90 : 3$	$70 : 7$	$40 : 2$

2 Mỗi bạn cần đi qua cây cầu nào để lấy được giỏ táo thích hợp?

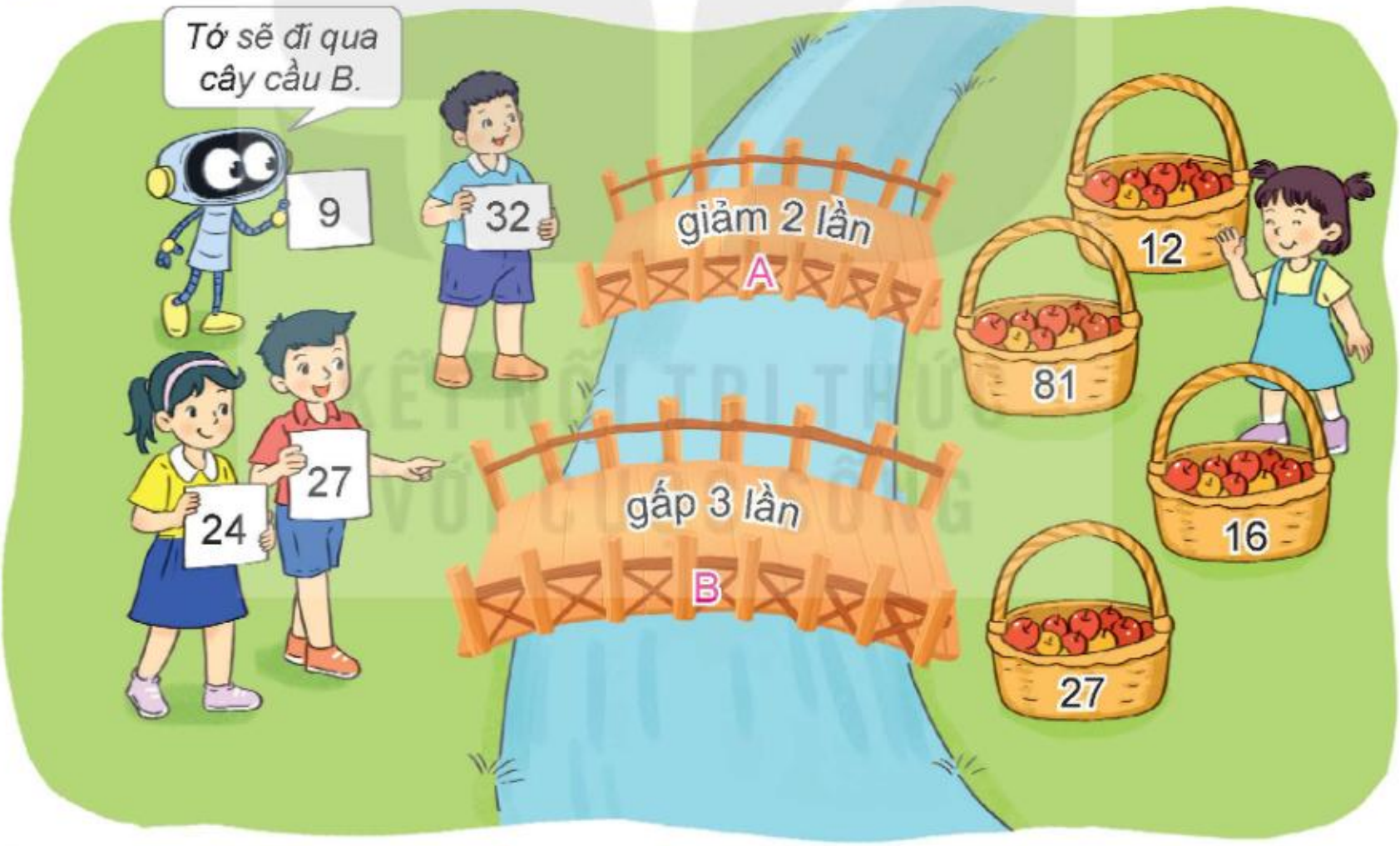

3 Mai làm được 27 tấm thiệp, số tấm thiệp làm được của Rô-bốt gấp 3 lần của Mai. Hỏi Rô-bốt làm được bao nhiêu tấm thiệp?

4 Buổi sáng cửa hàng bán được 30 kg gạo. Số gạo buổi chiều bán được bằng số gạo buổi sáng giảm đi 2 lần. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính (theo mẫu).

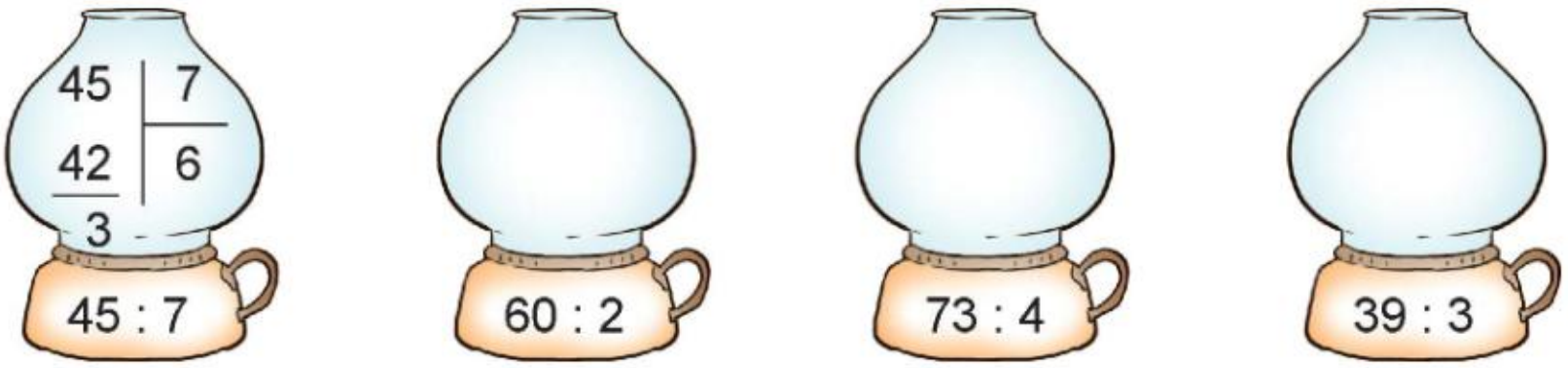

2 Số ?

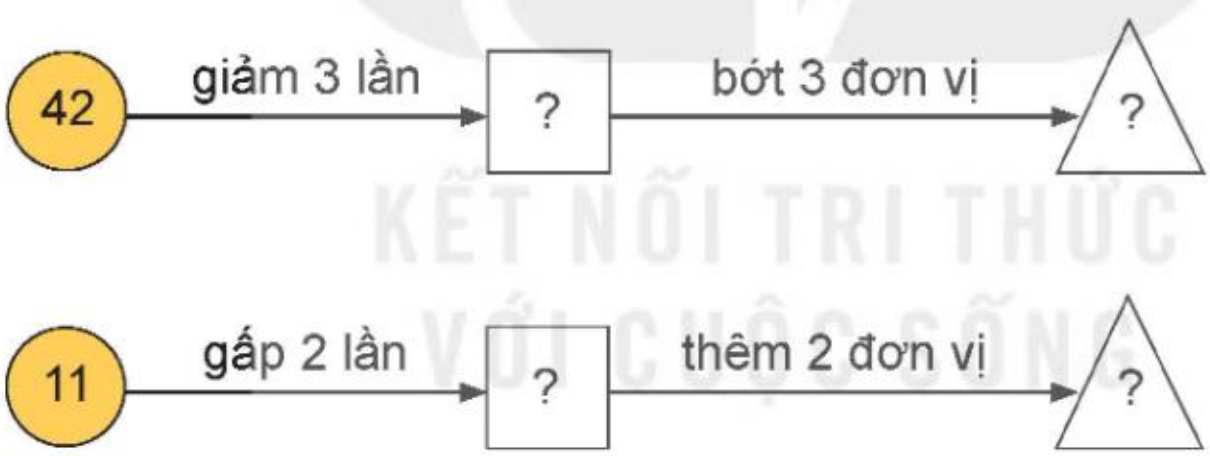

3 Rô-bốt dùng 35 m vải để may quần áo công nhân. Mỗi bộ quần áo công nhân may hết 3 m vải. Hỏi Rô-bốt có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo công nhân và còn thừa mấy mét vải?

4 Trong ngày hội trồng cây, Việt trồng được 5 cây. Số cây Rô-bốt trồng được gấp 3 lần số cây của Việt. Hỏi cả hai bạn trồng được bao nhiêu cây?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 5

MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH, NHIỆT ĐỘ

Bài 30

MI-LI-MÉT

Khám phá

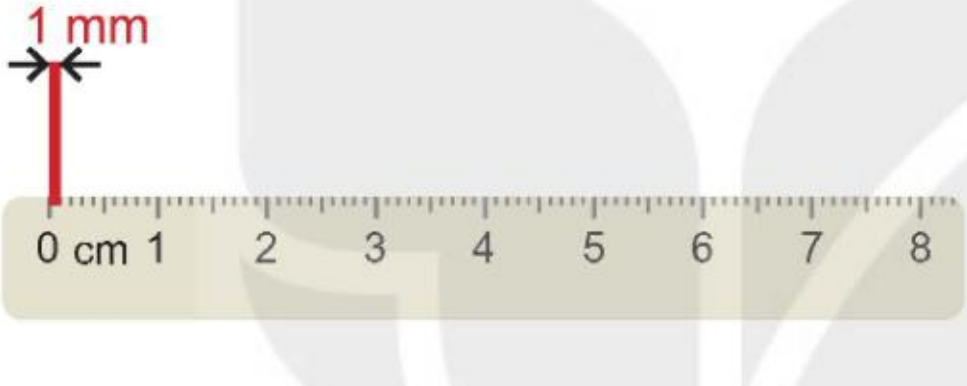

- Mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài.
- Mi-li-mét viết tắt là mm.
- 1 cm = 10 mm; 1 m = 1 000 mm.

Hoạt động

1 Số ?

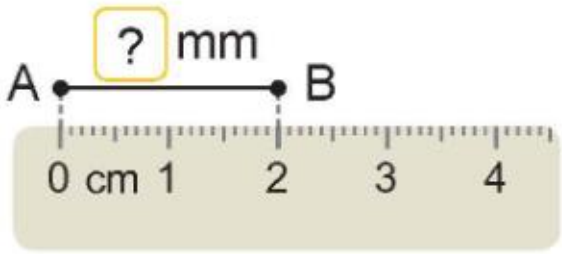

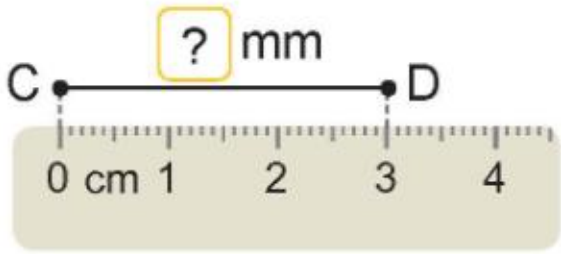

2 Số ?

a) 1 cm = ? mm
1 m = ? mm

b) 10 mm = ? cm
1 000 mm = ? m

c) 6 cm = ? mm
2 cm = ? mm

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Bạn nào dài hơn?

Luyện tập

1 Tính.

250 mm + 100 mm	25 mm + 3 mm	11 mm × 3
420 mm – 150 mm	64 mm – 15 mm	50 mm : 2

2 Số ?

3 Ốc sên đi từ nhà đến trường. Bạn ấy đã đi được 152 mm. Quãng đường còn phải đi dài 264 mm. Hỏi quãng đường ốc sên đi từ nhà đến trường dài bao nhiêu mi-li-mét?

4 Cào cào tập nhảy mỗi ngày. Ngày đầu tiên cào cào nhảy xa được 12 mm. Một tuần sau thì cào cào nhảy xa được gấp 3 lần ngày đầu tiên. Hỏi khi đó cào cào nhảy xa được bao nhiêu mi-li-mét?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 31

GAM

khám phá

a)

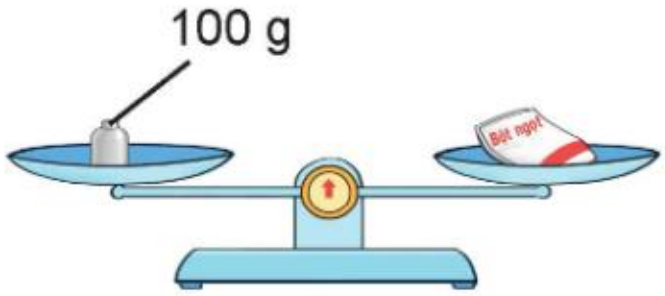

Gói bột ngọt cân nặng 100 gam.

- Gam là một đơn vị đo khối lượng.
- Gam viết tắt là g.

Ngoài các quả cân 1 kg, 2 kg, 5 kg, còn có các quả cân: 1 g, 2 g, 5 g, 10 g, 20 g, 50 g, 100 g, 200 g, 500 g.

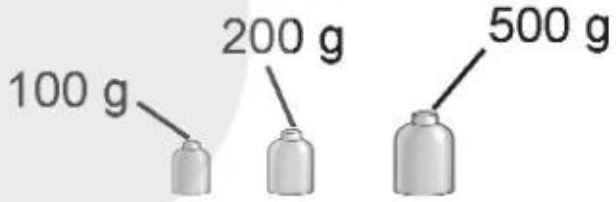

b)

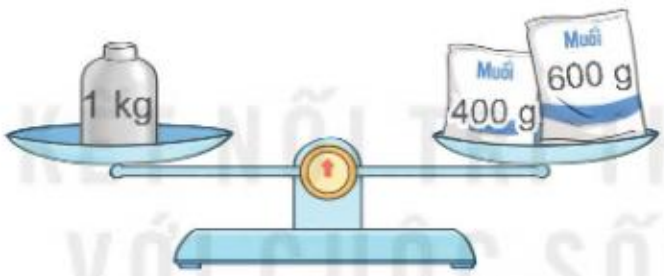

1 kg = 1 000 g; 1 000 g = 1 kg.

hoạt động

1 Số ?

a)

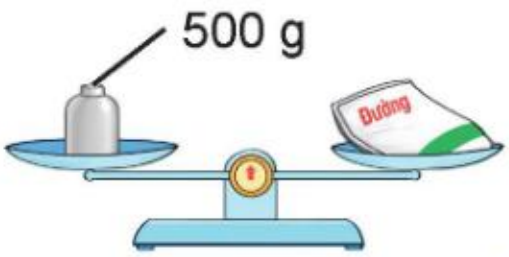

Gói đường cân nặng ? g.

b)

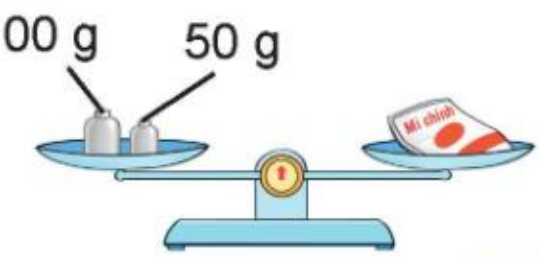

Gói mì chính cân nặng ? g.

c)

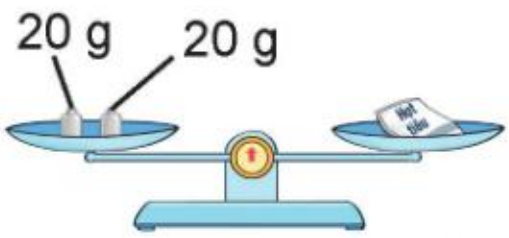

Gói hạt tiêu cân nặng ? g.

d)

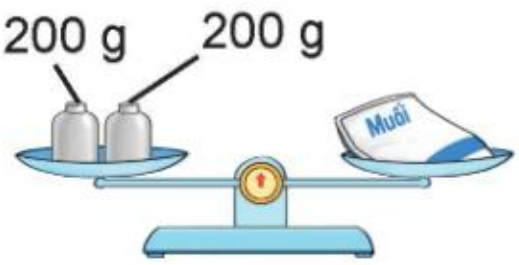

Gói muối cân nặng ? g.

2 Số ?

a)

Túi táo cân nặng ? g.

b)

Gói bột mì cân nặng ? g.

c) • Túi táo cân nặng hơn gói bột mì là ? g.

• Túi táo và gói bột mì cân nặng tất cả là ? g.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 Tính (theo mẫu).

Mẫu: 250 g + 300 g = 550 g

40 g : 5 = 8 g

a) 740 g – 360 g

b) 15 g × 4

2 Chọn số cân nặng thích hợp cho mỗi con vật.

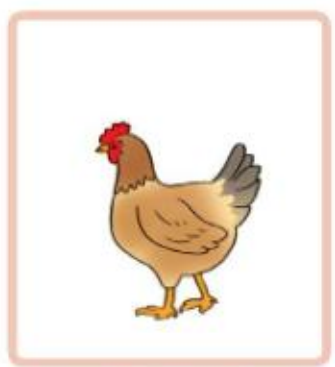

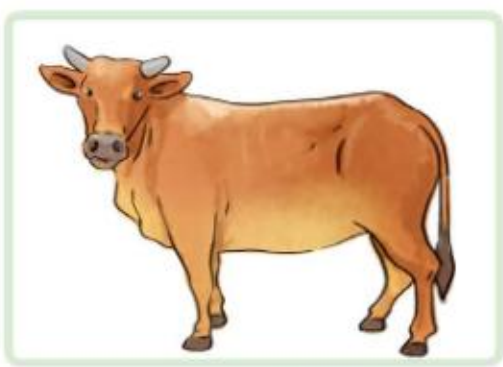

20 kg | 2 kg | 200 kg | 200 g

Bài 32

MI-LI-LÍT

Khám phá

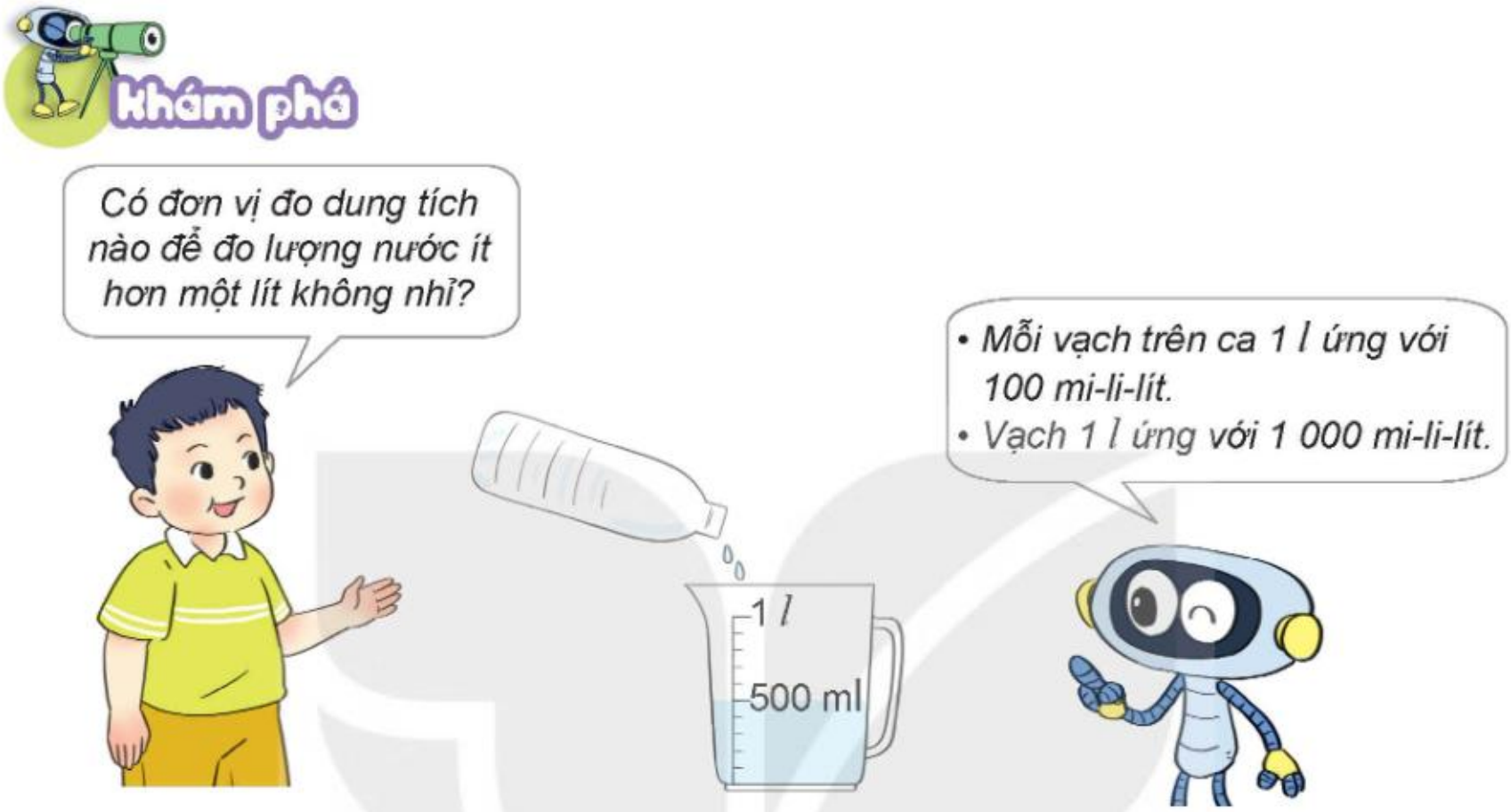

Lượng nước ban đầu trong chai là 500 mi-li-lít.

- Mi-li-lít là một đơn vị đo dung tích.
- Mi-li-lít viết tắt là ml.
- 1 l = 1 000 ml.

hoạt động

1 Số ?

Rót hết nước từ bình sang 3 ca (như hình vẽ).

a) Ca A có 500 ml nước, ca B có ? ml nước, ca C có ? ml nước.

b) Lúc đầu, lượng nước trong bình có là ? ml.

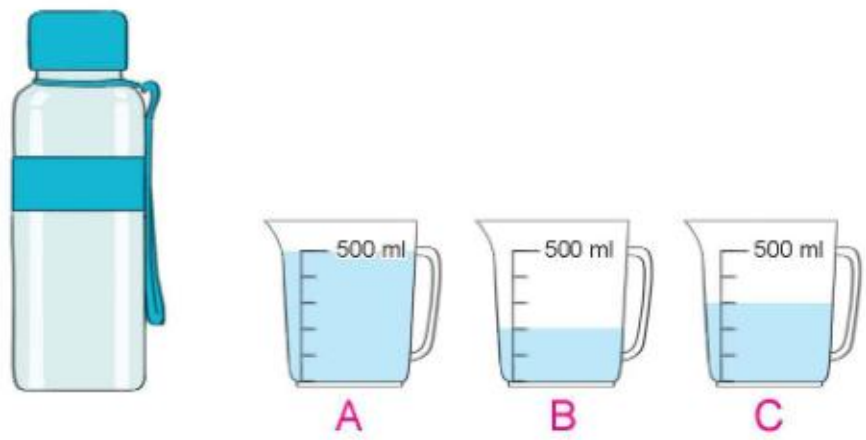

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Số ?

Trong phích có 1 *l* nước. Rót nước ở phích sang 3 ca (như hình vẽ).

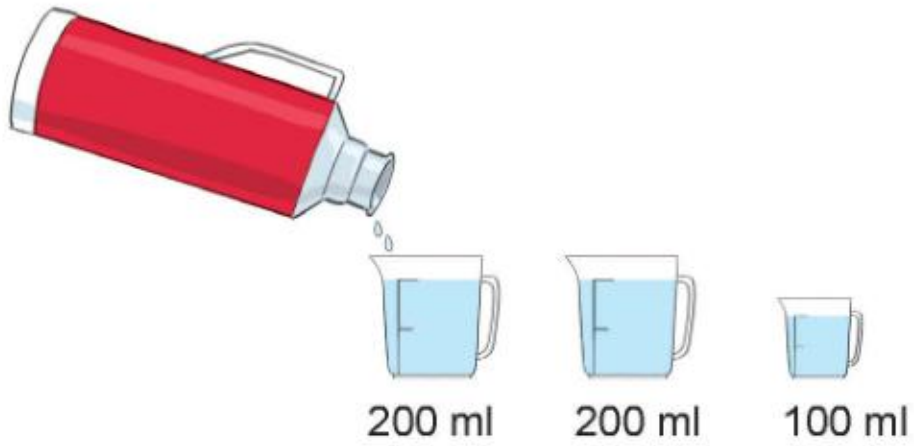

a) 1 *l* = ? ml.

b) Sau khi rót, lượng nước còn lại trong phích là ? ml.

luyện tập

1 Tính (theo mẫu).

Mẫu: 100 ml + 20 ml = 120 ml

8 ml × 4 = 32 ml

a) 120 ml – 20 ml

b) 12 ml × 3

2 Một chai dầu ăn có 750 ml dầu. Sau khi mẹ đã dùng để nấu ăn thì trong chai còn lại 350 ml dầu. Hỏi mẹ đã dùng bao nhiêu mi-li-lít dầu để nấu ăn?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 33

NHIỆT ĐỘ. ĐƠN VỊ ĐO NHIỆT ĐỘ

Khám phá

a)

A
Cốc nước nóng

B
Chai nước nguội

C
Cốc nước đá

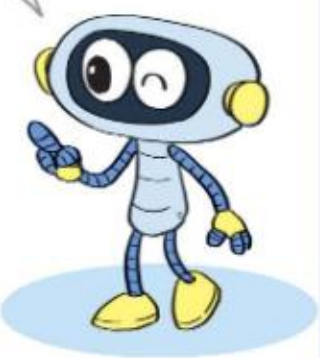

- *Nước ở cốc A nóng hơn nước ở chai B.*
- *Nước ở cốc C lạnh hơn nước ở chai B.*

b) Ví dụ: Theo một bản tin thời tiết, nhiệt độ không khí về đêm ở Hà Nội là 10 độ C.

- 10 độ C viết là: 10 °C; đọc là: Mười độ xê.
- Trong thực tế sử dụng, ta có thể viết 10 °C gọn lại là 10 °.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hoạt động

1 Sử dụng nhiệt kế đo nhiệt độ không khí.

a) Ví dụ: Đọc trên thang đo của nhiệt kế, mức thuỷ ngân ở vạch 30 chỉ nhiệt độ không khí ở Hà Nội là 30 °C.

b) Ví dụ: Bảng sau đây cho biết nhiệt độ không khí vào buổi sáng trong một ngày ở ba địa phương:

Địa phương	Hà Nội	Lào Cai	Sa Pa
Nhiệt độ không khí	30 °C	26 °C	10 °C

Nhìn vào bảng, em cho biết:

- Nhiệt độ không khí ở Hà Nội và ở Lào Cai, nơi nào cao hơn?
- Nhiệt độ không khí ở Sa Pa và ở Lào Cai, nơi nào thấp hơn?

2 Sử dụng nhiệt kế để đo nhiệt độ cơ thể.

a) Ví dụ:

Đọc trên thang đo của nhiệt kế, mức thuỷ ngân ở vạch 37 chỉ nhiệt độ cơ thể là 37 °C.

b) Số ?

Dựa vào kết quả đo nhiệt độ của các bạn mà bác sĩ đã nêu (như hình vẽ):

- Nhiệt độ cơ thể của Việt là ? °C;
- Nhiệt độ cơ thể của Nam là ? °C.

luyện tập

1 Dự báo nhiệt độ không khí vào các buổi trong ngày ở một địa phương được ghi theo bảng sau:

Buổi	Sáng	Trưa	Đêm
Nhiệt độ	27 °C	36 °C	15 °C

Dựa vào bảng trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí:

a) Từng buổi trong ngày là bao nhiêu độ?

b) Thấp nhất là bao nhiêu độ, cao nhất là bao nhiêu độ?

2 Có ba người đo nhiệt độ cơ thể được kết quả lần lượt là: 38 °C; 37 °C; 39 °C. Hỏi trong ba nhiệt độ trên, nhiệt độ nào cao hơn nhiệt độ cơ thể của người bình thường? Biết nhiệt độ cơ thể của người bình thường là 37 °C.

3 Hoạt động ở nhà:

a) Khi thời tiết thay đổi, em xem nhiệt kế đo nhiệt độ không khí để biết trời nóng hay lạnh mà mặc quần áo cho phù hợp.

b) Khi thấy người sốt nóng, khó chịu, em hãy nhờ người lớn dùng nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể để được thăm khám kịp thời.

Bài 34

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ MI-LI-MÉT, GAM, MI-LI-LÍT, ĐỘ C

1 Số ?

Đo độ dài các đồ vật theo đơn vị mi-li-mét.

19 mm

? mm

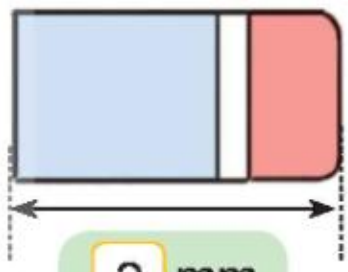

? mm

2 Chọn số đo phù hợp với mỗi đồ vật trong thực tế.

20 kg

20 g

400 g

40 g

Quả bí đao

3 kg

3 g

3 Em hãy giúp Mai chọn các quả cân thích hợp để cân được đúng 1 kg gạo từ một thúng gạo.

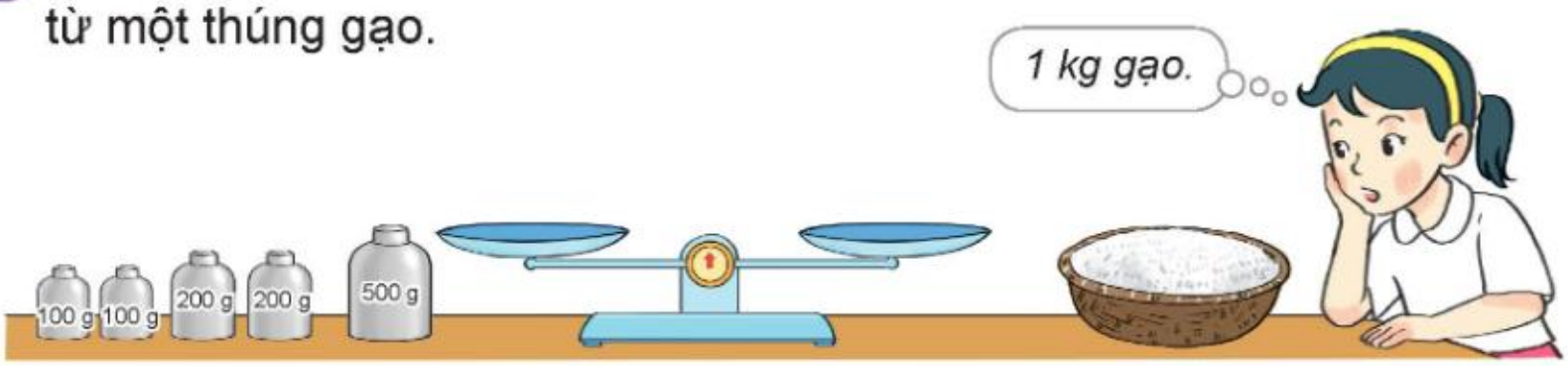

4 Sử dụng nhiệt kế, em hãy đo nhiệt độ không khí vào một số ngày trong tuần rồi ghi lại theo bảng.

Ngày	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư
Nhiệt độ	? °C	? °C	? °C

hoạt động

1 Nhiệt kế nào chỉ nhiệt độ không khí phù hợp với mỗi bức tranh?

A

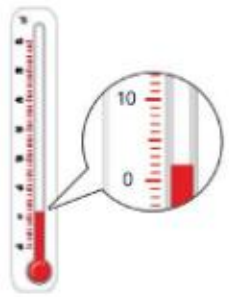

B

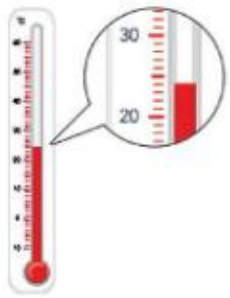

C

2 Chọn số cân nặng thích hợp với mỗi vật.

100 kg | 1 kg | 100 g

3 Cho bốn ca đựng lượng nước như sau:

A B C D

a) Tìm ca ít nước nhất.

b) Tìm hai ca khác nhau để được 350 ml nước.

c) Tìm hai ca khác nhau để được 550 ml nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 35

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính.

a) 329 ml – 135 ml 200 g – 150 g 392 mm + 43 mm

b) 251 ml + 262 ml 37 g + 63 g – 30 g 87 mm – 17 mm + 10 mm

2 Số ?

a)

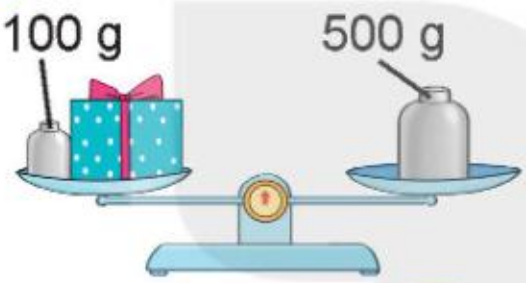

Hộp quà cân nặng ? g.

b)

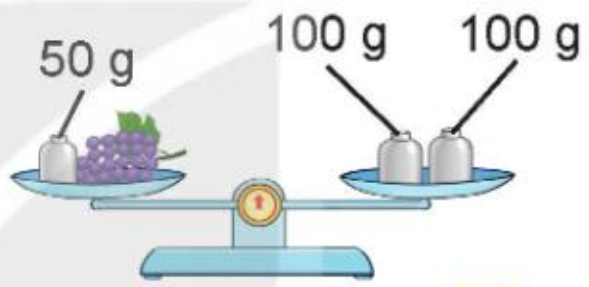

Chùm nho cân nặng ? g.

3 Cô Ba đơm 1 chiếc cúc áo hết 70 mm chỉ. Hỏi để đơm 5 chiếc cúc áo như vậy, cô Ba cần bao nhiêu mi-li-mét chỉ?

4 Rô-bốt có hai cái cốc loại 150 ml và 400 ml. Chỉ dùng hai cái cốc đó, làm thế nào để Rô-bốt lấy được 250 ml nước từ thùng nước?

1 Số ?

a) 8 ml → × 3 → ? ml → : 4 → ? ml

b) 42 g → : 3 → ? g → × 5 → ? g

c) 20 mm → × 2 → ? mm → : 8 → ? mm

2 Túi nào nặng nhất trong ba túi A, B, C như hình dưới đây?

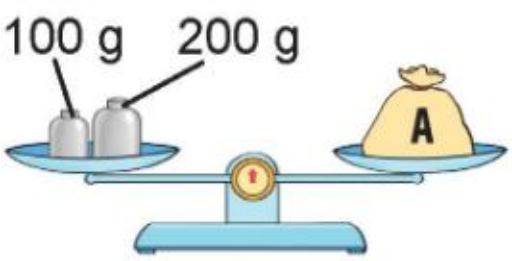

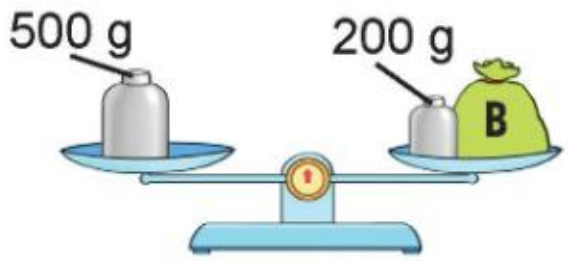

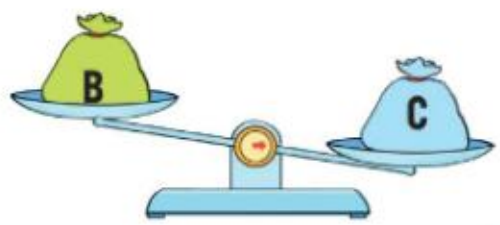

trò chơi

DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÍ

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô **XUẤT PHÁT**. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm đó. Nếu đến ô có hình con vật thì di chuyển theo hướng mũi tên.
- Nêu kết quả của phép tính tại ô đi đến, nếu nêu sai kết quả thì phải quay về ô xuất phát trước đó.
- Trò chơi kết thúc khi đưa dế mèn đi được đúng một vòng, tức là trở lại ô **XUẤT PHÁT**.

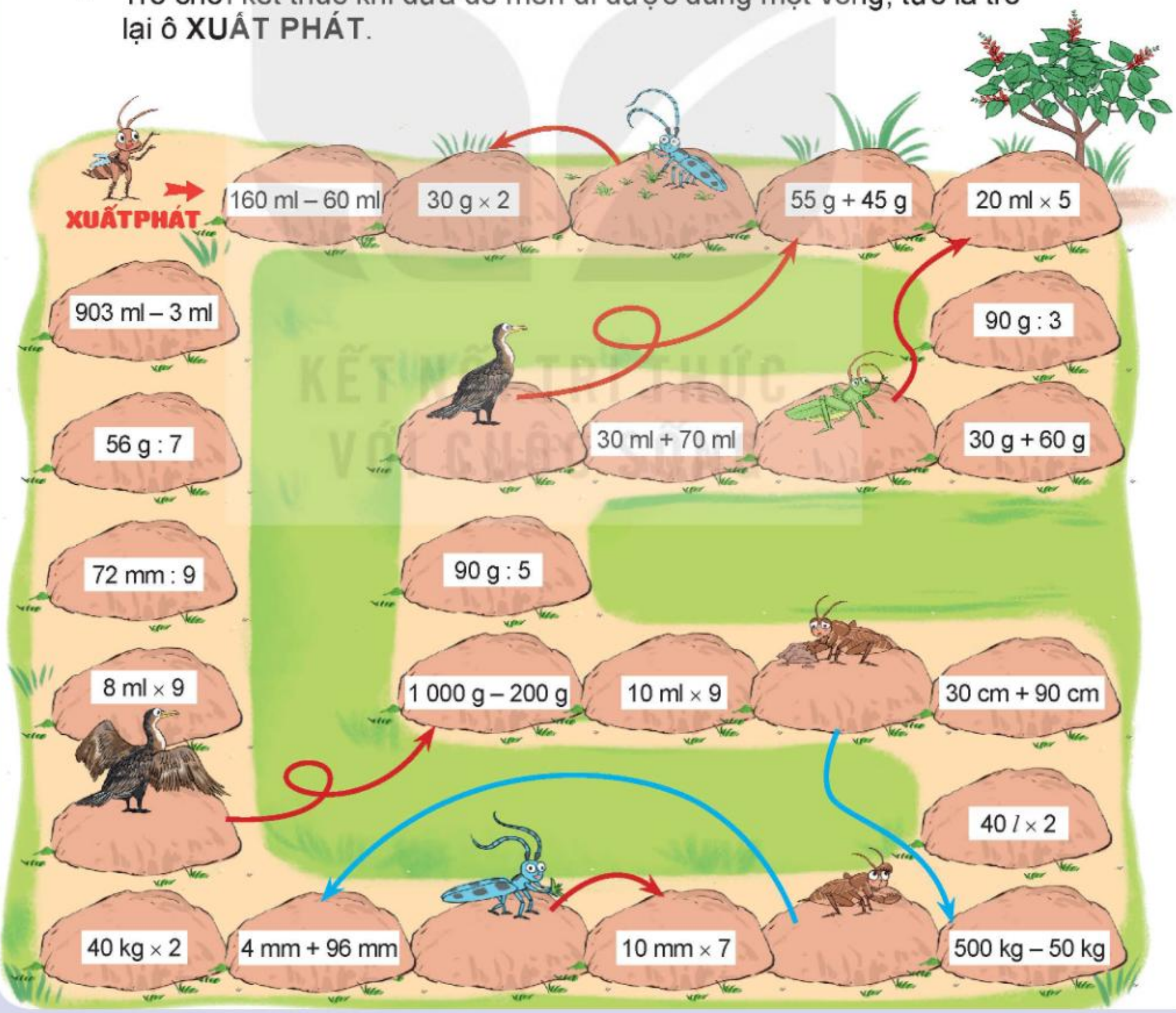

Chủ đề 6

PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000

Bài 36

NHÂN SỐ CÓ BA CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Khám phá

a) $140 \times 2 = ?$

$$\begin{array}{r} 140 \\ \times \quad 2 \\ \hline 280 \end{array}$$

- 2 nhân 0 bằng 0, viết 0.
- 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.
- 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.

$140 \times 2 = 280$

b) $215 \times 4 = ?$

$$\begin{array}{r} 215 \\ \times \quad 4 \\ \hline 860 \end{array}$$

- 4 nhân 5 bằng 20, viết 0 nhớ 2.
- 4 nhân 1 bằng 4, thêm 2 bằng 6, viết 6.
- 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.

$215 \times 4 = 860$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính.

312 × 3	203 × 4	427 × 2	131 × 5

2 Đặt tính rồi tính.

243 × 2	162 × 4	250 × 3	108 × 5

3 Hôm nay, hải âu được 118 ngày tuổi, số ngày tuổi của mèo gấp 3 lần số ngày tuổi của hải âu. Hỏi hôm nay mèo được bao nhiêu ngày tuổi?

luyện tập

1 Số ?

Thừa số	209	253	114	107
Thừa số	4	3	7	9
Tích	?	?	?	?

2 Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 200 × 2 = ?

Nhẩm: 2 trăm × 2 = 4 trăm

200 × 2 = 400

300 × 3

200 × 4

400 × 2

3 Số ?

Trong hình bên, mỗi cái chén cân nặng 128 g. Vậy cái ấm cân nặng ? g.

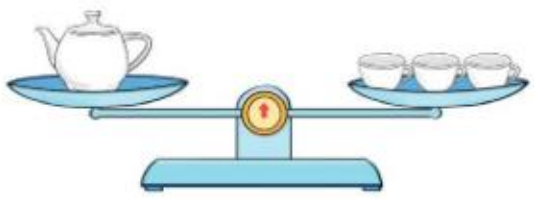

4 Gấu đen có 3 hũ mật ong, mỗi hũ đựng 250 ml mật ong. Gấu đen đã dùng 525 ml để làm bánh. Hỏi gấu đen còn bao nhiêu mi-li-lít mật ong?

Bài 37

CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

a) 312 : 2 = ?

312	2
2	156
11	
10	
12	
12	
0	

- 3 chia 2 được 1, viết 1.
  1 nhân 2 bằng 2; 3 trừ 2 bằng 1.
- Hạ 1, được 11; 11 chia 2 được 5, viết 5.
  5 nhân 2 bằng 10; 11 trừ 10 bằng 1.
- Hạ 2, được 12; 12 chia 2 được 6, viết 6.
  6 nhân 2 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.

312 : 2 = 156

b) 156 : 5 = ?

156	5
15	31
06	
5	
1	

- 15 chia 5 được 3, viết 3.
  3 nhân 5 bằng 15; 15 trừ 15 bằng 0.
- Hạ 6; 6 chia 5 được 1, viết 1.
  1 nhân 5 bằng 5; 6 trừ 5 bằng 1.

156 : 5 = 31 (dư 1)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính.

a)

381	3

554	4

625	5

b)

237	5

428	6

371	7

2 Một cửa hàng có 354 quả táo. Người ta đã đóng số táo đó vào các hộp, mỗi hộp có 6 quả táo. Hỏi cửa hàng đã đóng được bao nhiêu hộp táo như vậy?

3 Số ?

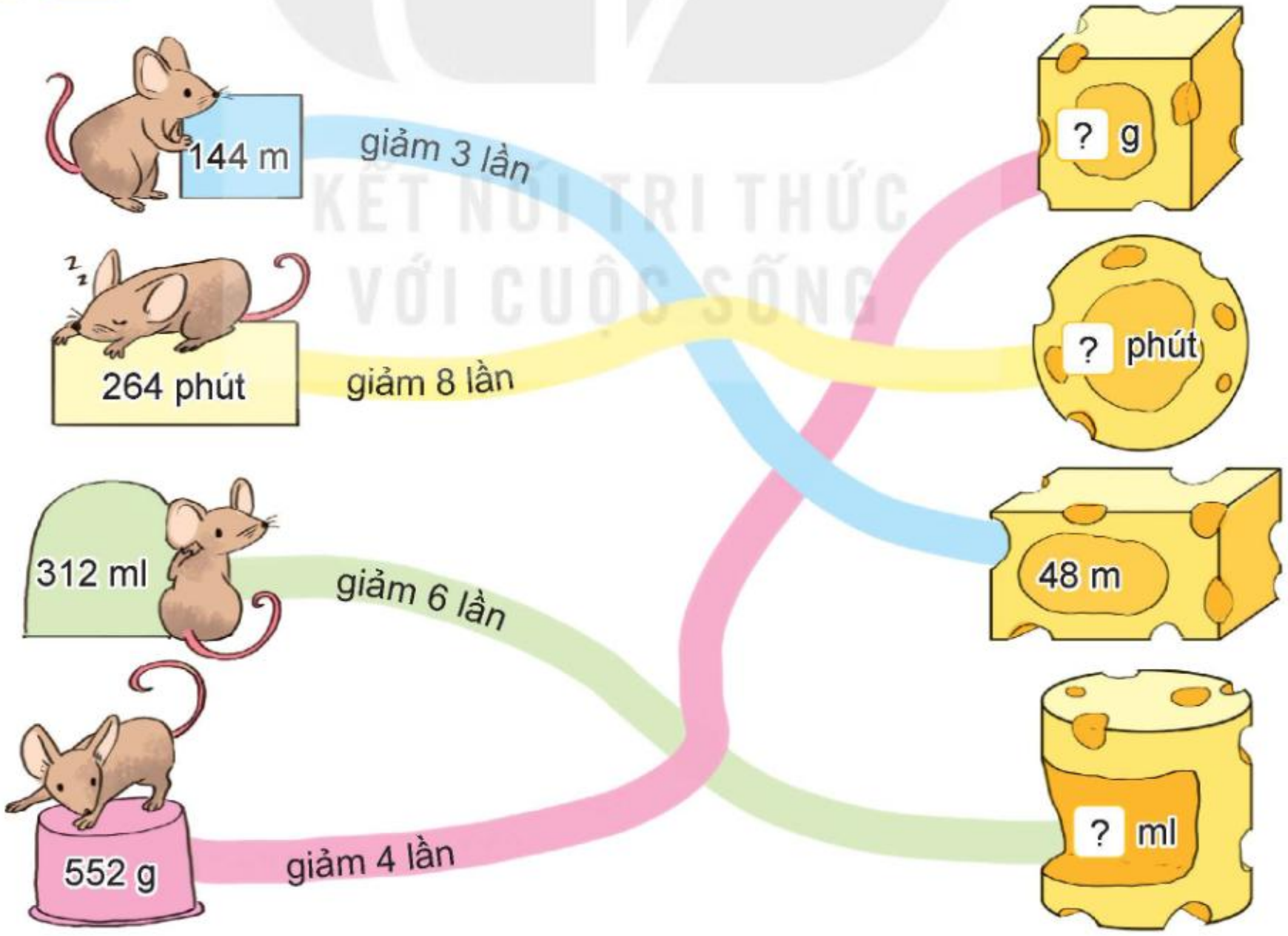

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Khám phá

a) 714 : 7 = ?

714	7
7	102
01	
0	
14	
14	
0	

- 7 chia 7 được 1, viết 1.
  1 nhân 7 bằng 7; 7 trừ 7 bằng 0.
- Hạ 1; 1 chia 7 được 0, viết 0.
  0 nhân 7 bằng 0; 1 trừ 0 bằng 1.
- Hạ 4, được 14; 14 chia 7 được 2, viết 2.
  2 nhân 7 bằng 14; 14 trừ 14 bằng 0.

714 : 7 = 102

b) 102 : 5 = ?

102	5
10	20
02	
0	
2	

- 10 chia 5 được 2, viết 2.
  2 nhân 5 bằng 10; 10 trừ 10 bằng 0.
- Hạ 2; 2 chia 5 được 0, viết 0.
  0 nhân 5 bằng 0; 2 trừ 0 bằng 2.

102 : 5 = 20 (dư 2)

hoạt động

1 Tính.

a)

270	3

560	4

450	9

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) 251 | 5 — 638 | 6 — 764 | 7

2 Cửa hàng nướng được 460 cái bánh. Người ta muốn xếp toàn bộ số bánh đó vào hộp, mỗi hộp đựng 4 cái bánh. Hỏi cửa hàng xếp được bao nhiêu hộp bánh như vậy?

3 Đ, S ?

a)
```
216 | 7
21  | 30
06
 0
 6
```
Vậy 216 : 7 = 30 (dư 6). ?

b)
```
808 | 8
8   | 11
008
  8
  0
```
Vậy 808 : 8 = 11. ?

c)
```
423 | 6
42  | 7
03
```
Vậy 423 : 6 = 7 (dư 3). ?

1 Đặt tính rồi tính (theo mẫu).

Mẫu: 462 : 3 = ?

```
462 | 3
16  | 154
 12
  0
```

- 4 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3; 4 trừ 3 bằng 1.
- Hạ 6, được 16; 16 chia 3 được 5, viết 5.
  5 nhân 3 bằng 15; 16 trừ 15 bằng 1.
- Hạ 2, được 12; 12 chia 3 được 4, viết 4.
  4 nhân 3 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.

462 : 3 = 154

a) 403 : 3 b) 518 : 5 c) 844 : 8 d) 810 : 9

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 600 : 2 = ?

Nhẩm: 6 trăm : 2 = 3 trăm

600 : 2 = 300

400 : 4

600 : 3

800 : 2

3 Số ?

Biết con rô-bốt cân nặng 600 g và các khối ru-bích giống nhau. Vậy mỗi khối ru-bích cân nặng ? g.

4 Chọn câu trả lời đúng.

Rô-bốt, Mai và Việt lần lượt tung 3 quân cờ của mình vào một tấm bảng. Kết quả tung và số điểm của mỗi bạn nhận được như sau:

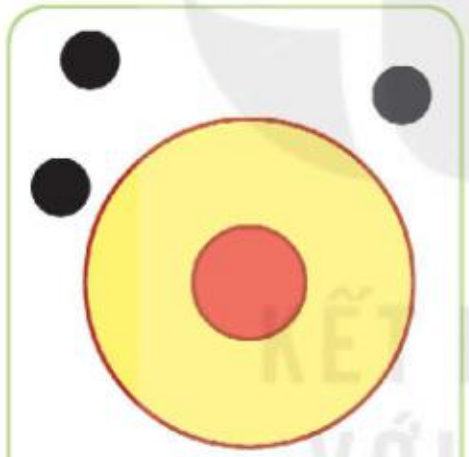

Rô-bốt: 0 điểm

Mai: 375 điểm

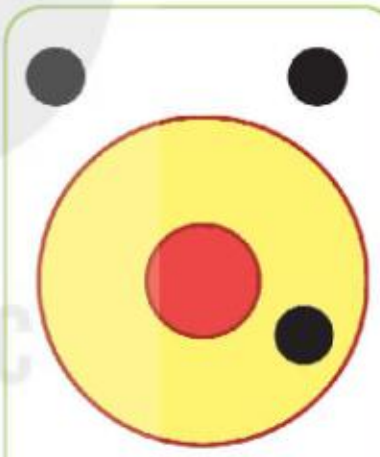

Việt: ... điểm?

Số điểm Việt nhận được là:

A. 115 điểm B. 125 điểm C. 135 điểm

5 Một trang trại có 15 con lạc đà có 1 bướu, còn lại là lạc đà có 2 bướu. Biết rằng chúng có tất cả 225 cái bướu. Hỏi trang trại đó có bao nhiêu con lạc đà có 2 bướu?

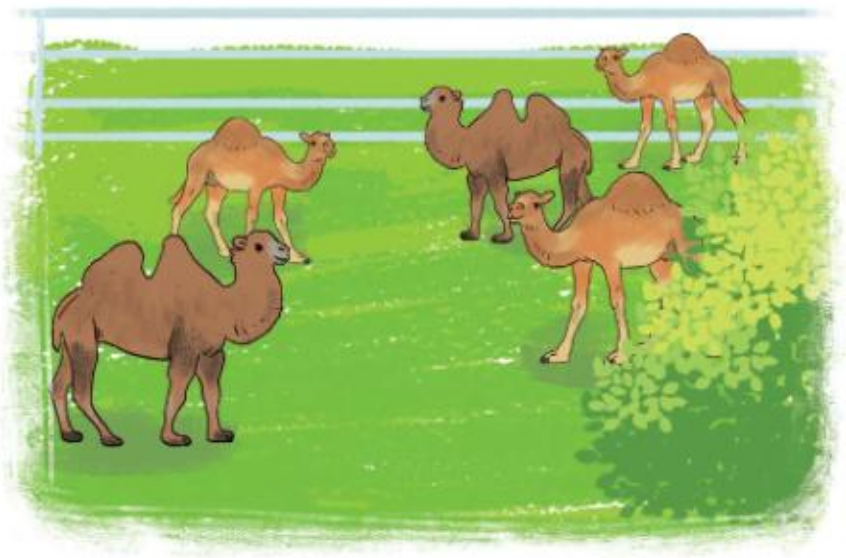

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 38

BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ

Khám phá

Làm quen với biểu thức

a) Ví dụ về biểu thức

Tính độ dài các đường gấp khúc ABC và ABCD (như hình vẽ).

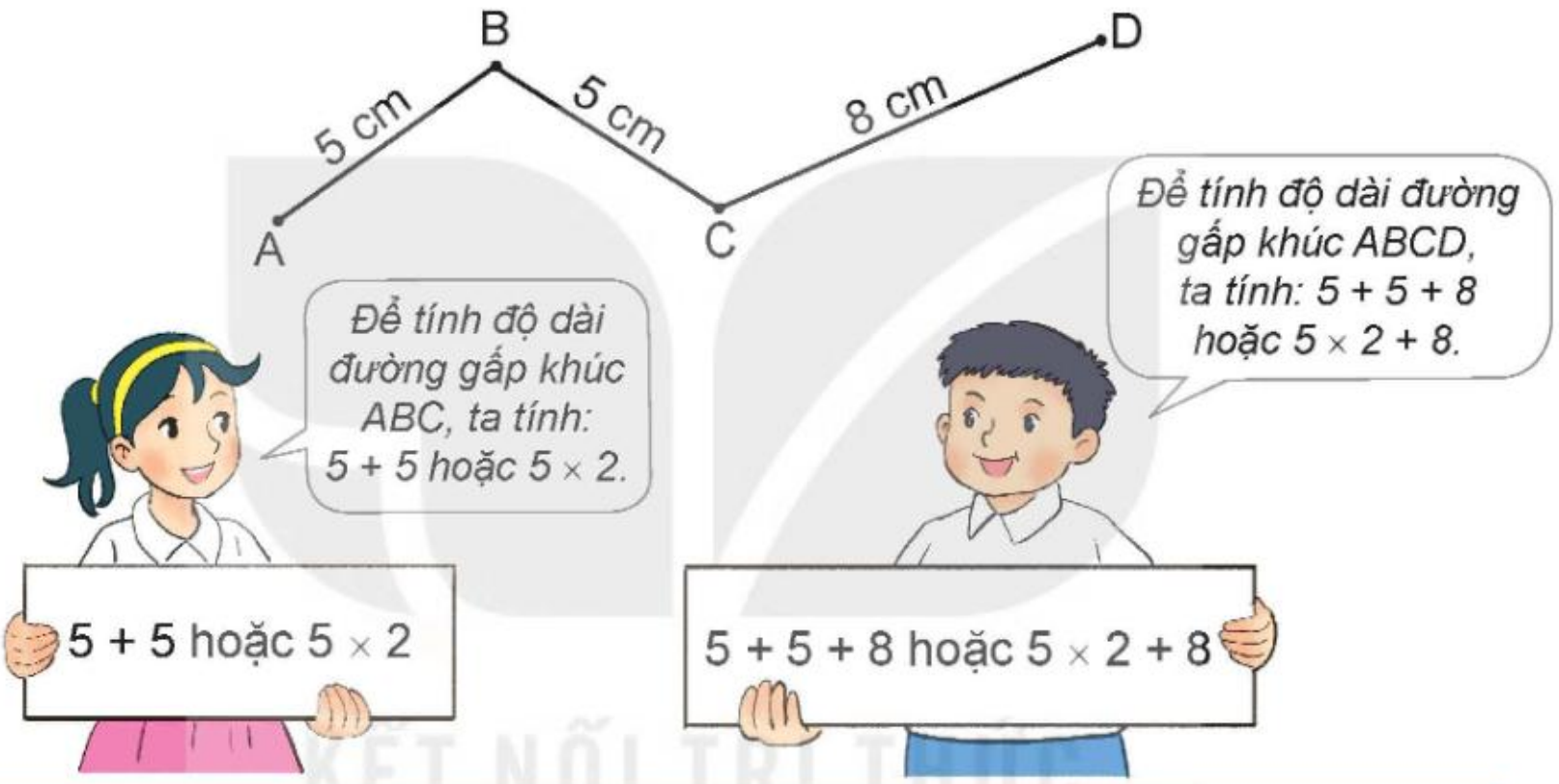

5 + 5; 24 – 7; 5 × 2; 8 : 2; 5 + 5 + 8; 5 × 2 + 8; 18 : 3 – 2;... là các biểu thức.

b) Giá trị của biểu thức

Cho biểu thức: 35 + 8 – 10.

- Tính: 35 + 8 – 10 = 43 – 10
  = 33.
- Giá trị của biểu thức 35 + 8 – 10 là 33.

Hoạt động

1 Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu).

Mẫu: 45 – 15 + 10 = 30 + 10
= 40.

a) 27 – 7 + 30

b) 60 + 50 – 20

c) 9 × 4

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức.

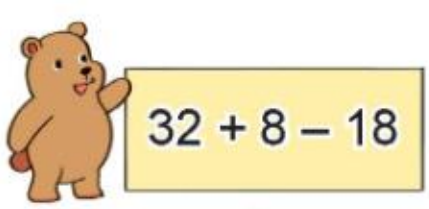

A

B

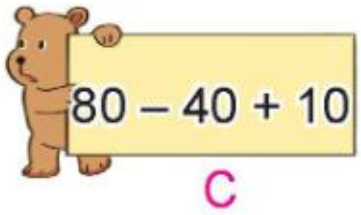

C

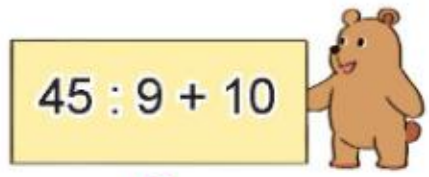

D

Tính giá trị của biểu thức

a) Một can nước có 10 *l*. Rót nước từ can đó sang 3 ca, mỗi ca 2 *l*. Hỏi trong can còn lại bao nhiêu lít nước?

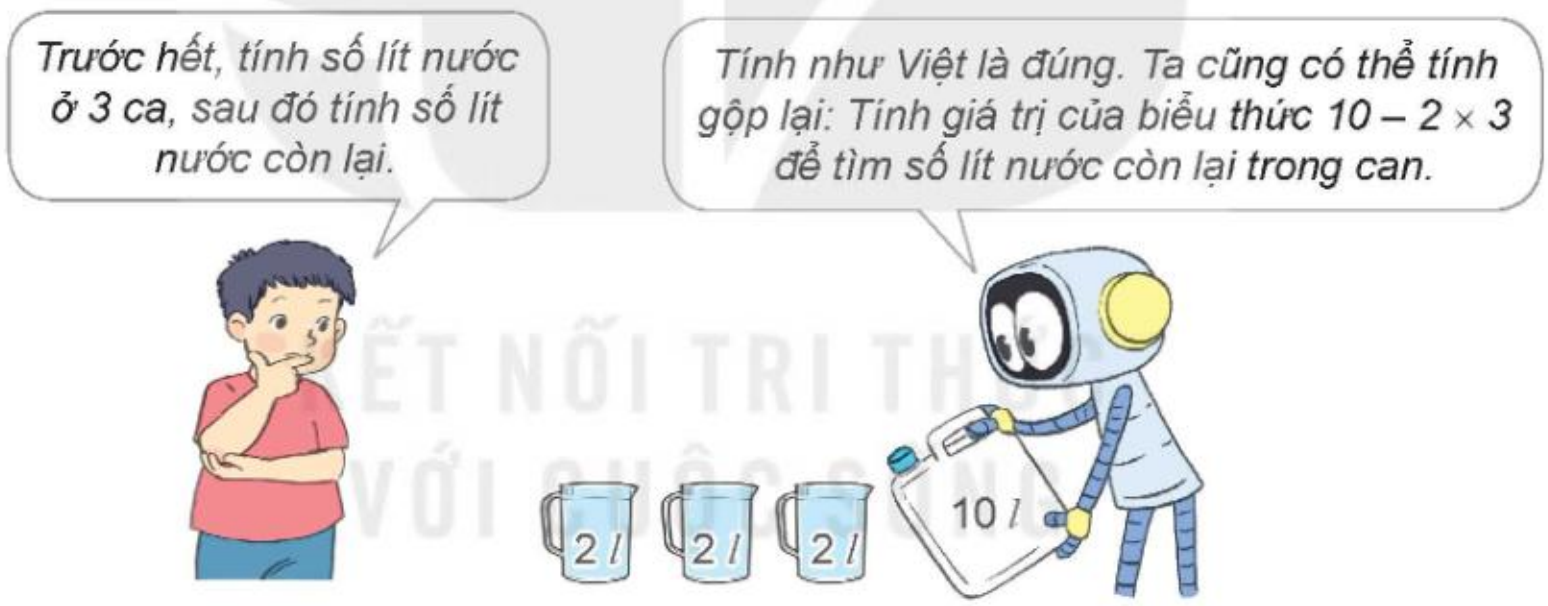

b) Tính giá trị của biểu thức 10 – 2 × 3 như sau:

$$10 - 2 \times 3 = 10 - 6$$
$$= 4.$$

- Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước; rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.
- Nếu trong biểu thức chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc chỉ có phép tính nhân, chia, ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu).

Mẫu:

$24 + 8 : 2 = 24 + 4$

$= 28.$

a) $30 : 5 \times 2$

b) $24 + 5 \times 6$

c) $30 - 18 : 3$

2 Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức.

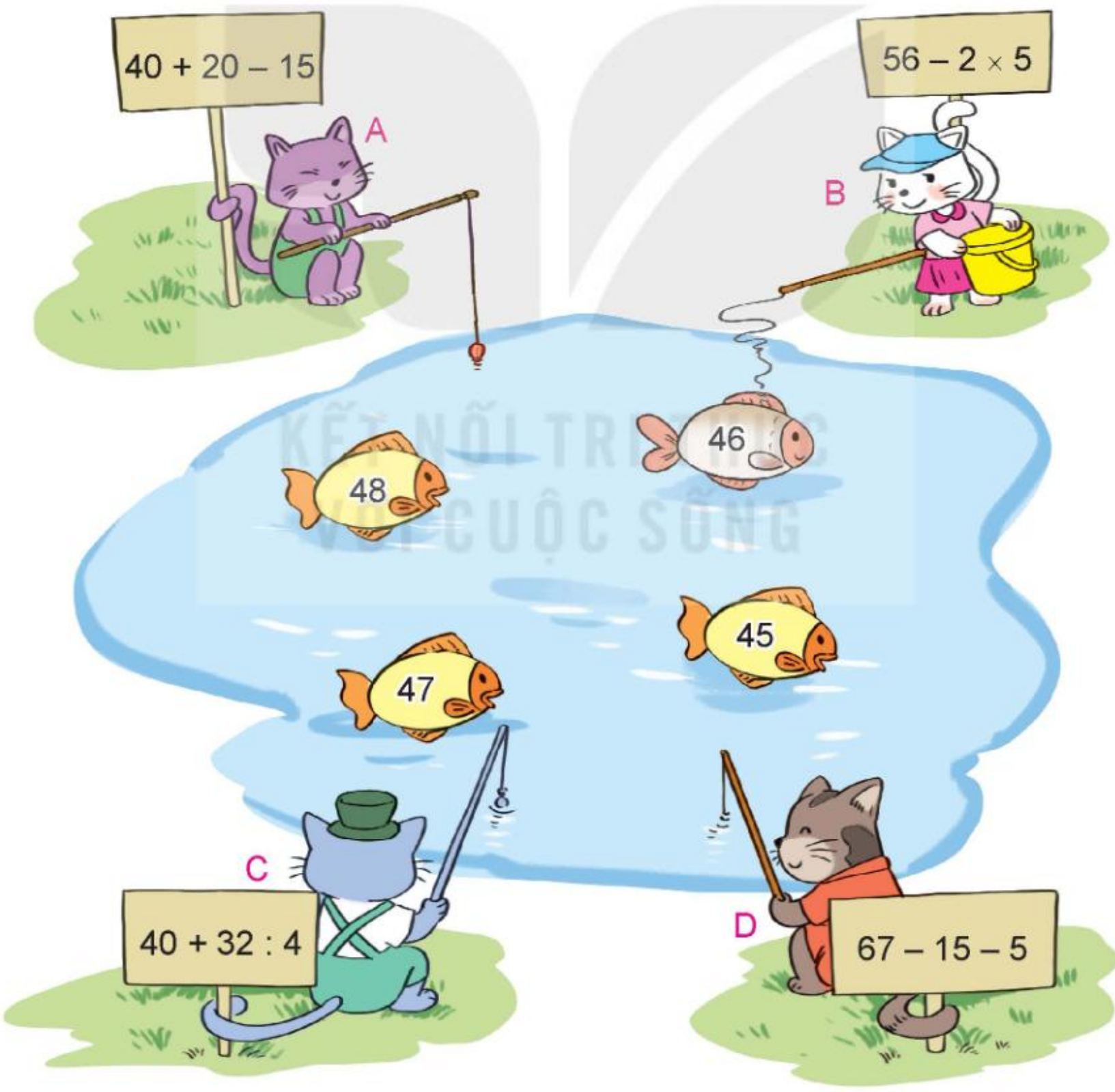

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Khám phá

Tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc

a) Mỗi con thỏ có 2 cái tai. Hỏi 3 con thỏ trắng và 4 con thỏ nâu có tất cả bao nhiêu cái tai?

b) Tính giá trị của biểu thức $2 \times (3 + 4)$ như sau:

$$2 \times (3 + 4) = 2 \times 7$$
$$= 14.$$

Nếu trong biểu thức có dấu ngoặc thì ta thực hiện các phép tính ở trong ngoặc trước.

Hoạt động

1 Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu).

Mẫu: $30 : (20 - 14) = 30 : 6$
$= 5.$

a) $45 : (5 + 4)$

b) $8 \times (11 - 6)$

c) $42 - (42 - 5)$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức.

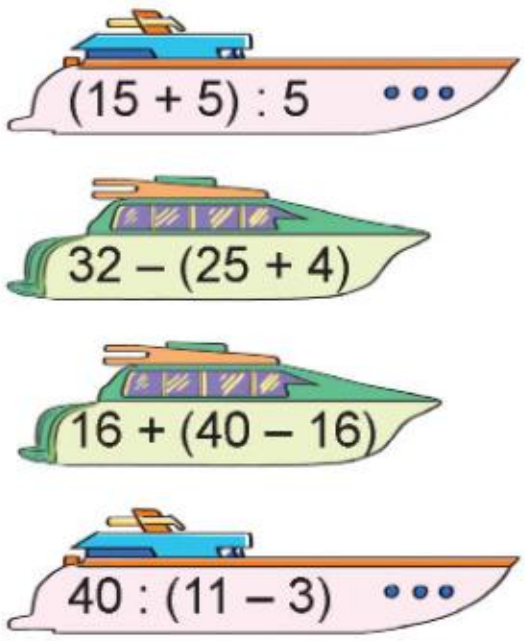

luyện tập

1 Biểu thức nào có giá trị lớn nhất? Biểu thức nào có giá trị bé nhất?

$5 \times (6 - 2)$	$5 \times 6 - 2$	$(16 + 24) : 4$	$16 + 24 : 4$
A	B	C	D

2 Mai có 4 hộp bút màu, Mai cho Mi 2 hộp. Hỏi Mai còn lại bao nhiêu chiếc bút màu? Biết rằng mỗi hộp có 10 chiếc bút màu.

3 a) Cả ba thùng có bao nhiêu lít nước mắm?

$64 + 55 + 45 = ?$

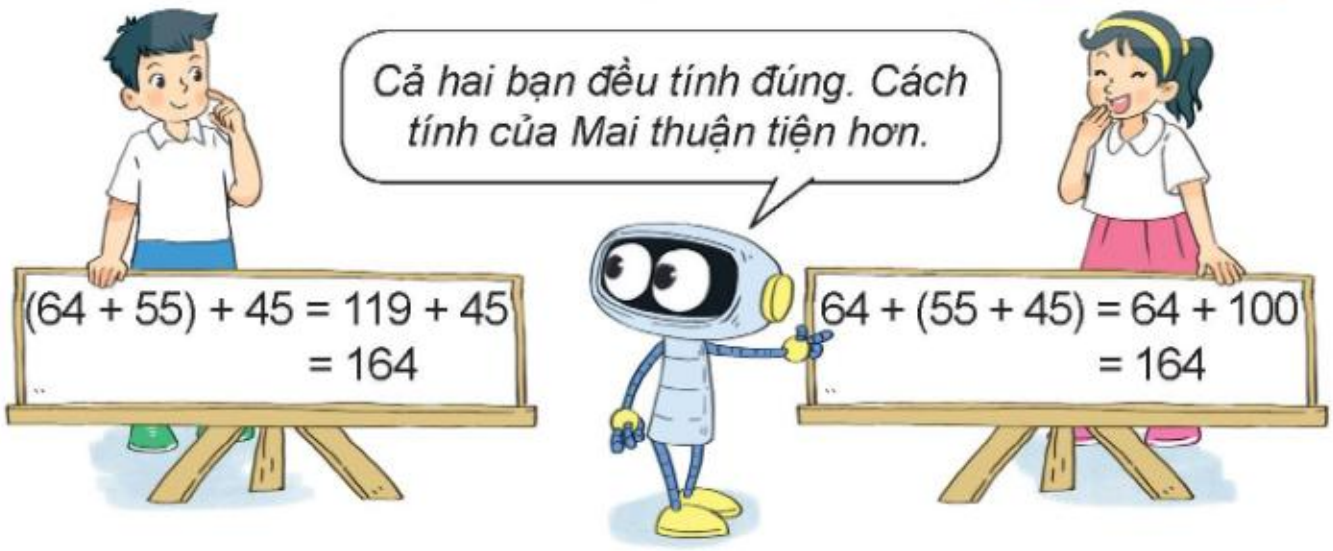

Nhận xét: $(64 + 55) + 45 = 64 + (55 + 45)$.

b) Tính giá trị của biểu thức.

$123 + 80 + 20$	$207 + 64 + 36$

Bài 39

SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ

Khám phá

a)

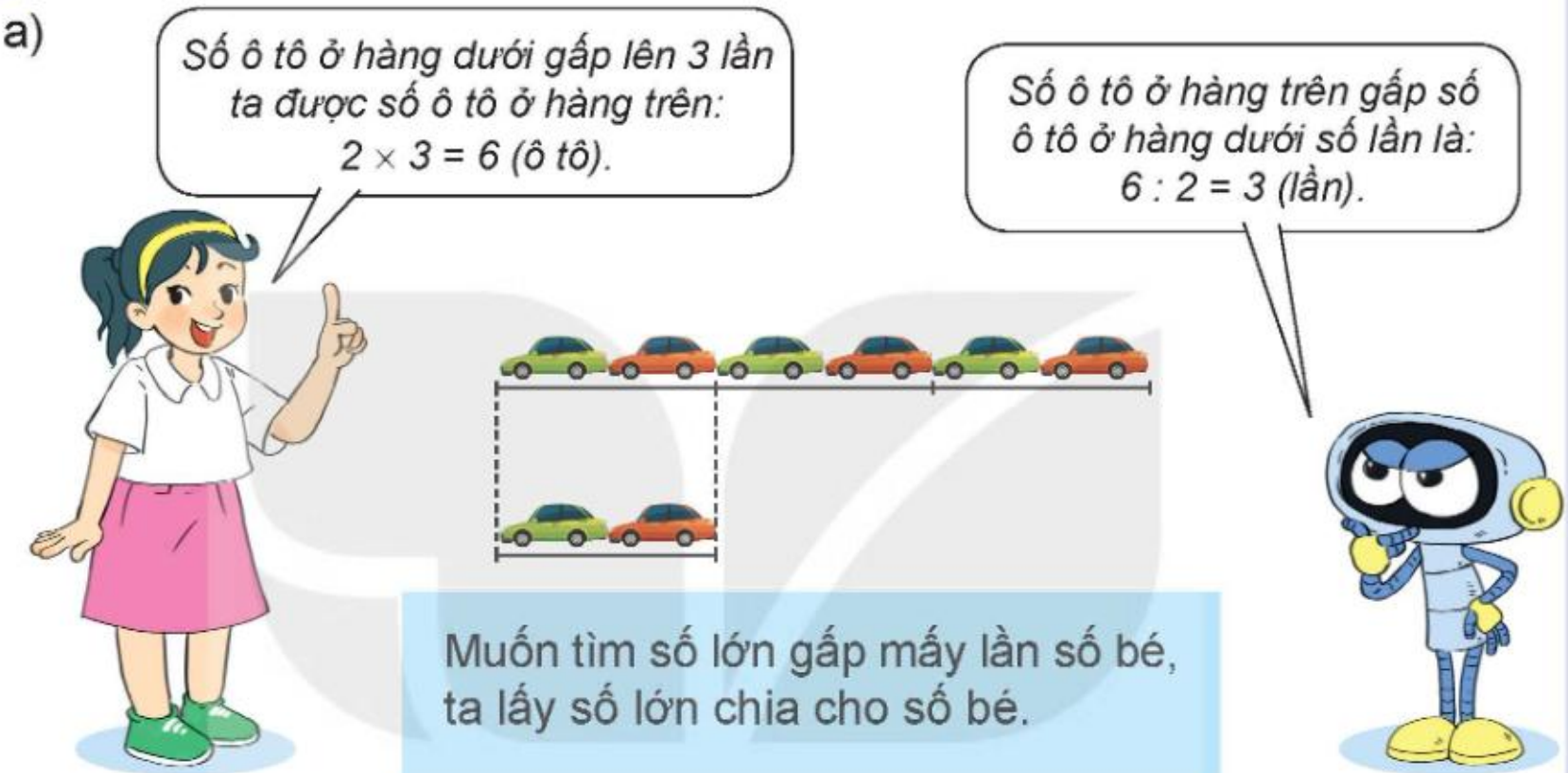

Muốn tìm số lớn gấp mấy lần số bé, ta lấy số lớn chia cho số bé.

b) Đoạn thẳng AB dài 8 cm, đoạn thẳng CD dài 2 cm. Hỏi **đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD?**

Tóm tắt

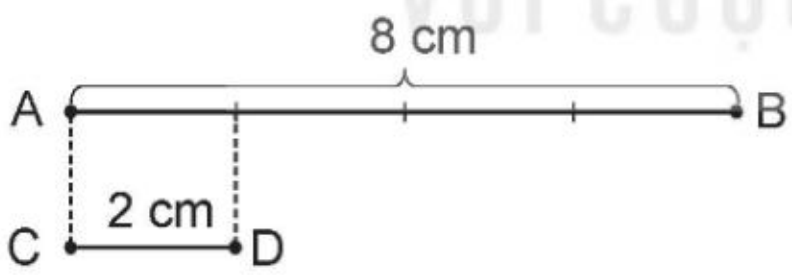

Bài giải

Đoạn thẳng AB dài gấp đoạn thẳng CD số lần là:

8 : 2 = 4 (lần)

Đáp số: 4 lần.

Hoạt động

1 Số ?

Số lớn	6	10	20
Số bé	2	5	4
Số lớn gấp mấy lần số bé?	3	?	?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Số ?

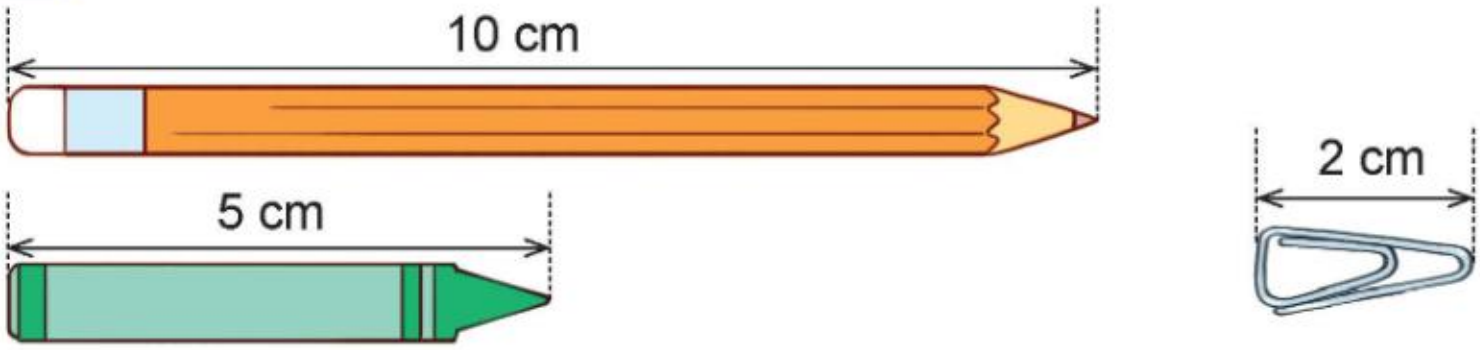

a) Bút chì dài gấp ? lần bút sáp.

b) Bút chì dài gấp ? lần cái ghim.

luyện tập

1 Số ?

Số lớn	8	12	15	24	30
Số bé	2	4	5	6	3
Số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị?	6	?	?	?	?
Số lớn gấp mấy lần số bé?	4	?	?	?	?

2 Có 32 quả bóng xếp thành các hàng, các cột như sau:

a) Số ?

- Mỗi hàng có ? quả bóng.
- Mỗi cột có ? quả bóng.

b) Số quả bóng trong một hàng gấp mấy lần số quả bóng trong một cột?

3 Thuyền lớn chở 24 khách du lịch, thuyền nhỏ chở 6 khách du lịch. Hỏi:

a) Thuyền lớn chở nhiều hơn thuyền nhỏ bao nhiêu khách du lịch?

b) Số khách ở thuyền lớn gấp mấy lần số khách ở thuyền nhỏ?

Bài 40

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đặt tính rồi tính.

122 × 4 | 327 × 3 | 715 : 5 | 645 : 3

2 Số ?

a)

Số đã cho	12	15	18
Giảm 3 lần	4	?	?
Gấp 4 lần	48	?	?

b)

Số lớn	36	40	45
Số bé	9	8	5
Số lớn gấp mấy lần số bé?	4	?	?

3 Con bê cân nặng 120 kg, con bò nặng gấp 3 lần con bê. Hỏi cả hai con cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

1 Mỗi số ghi ở cánh hoa là giá trị của biểu thức nào?

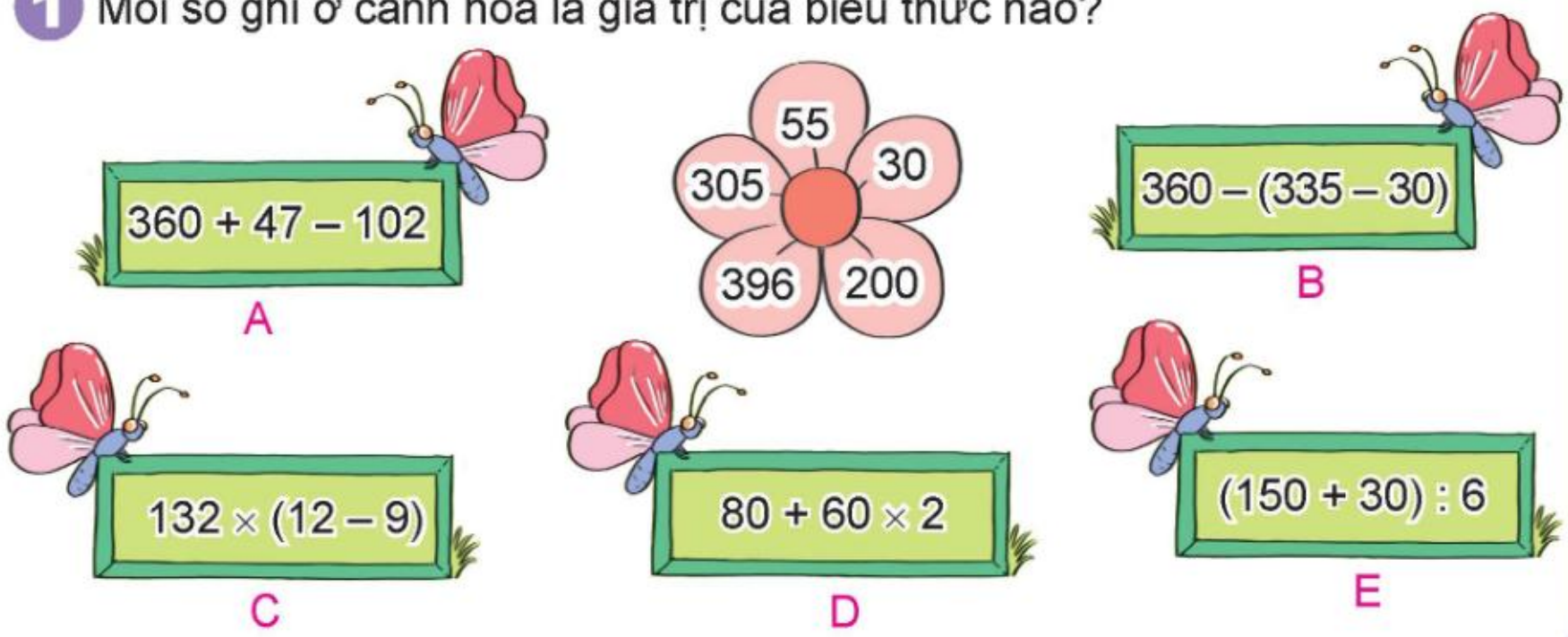

2 Cây cau nhà em lúc mới trồng cao 2 m. Hiện nay, cây cau đã cao 6 m. Hỏi hiện nay cây cau cao gấp mấy lần lúc mới trồng?

3 a)

Con ngỗng cân nặng 6 kg.

Con chó nặng gấp 2 lần con ngỗng.

Con lợn nặng gấp 5 lần con chó.

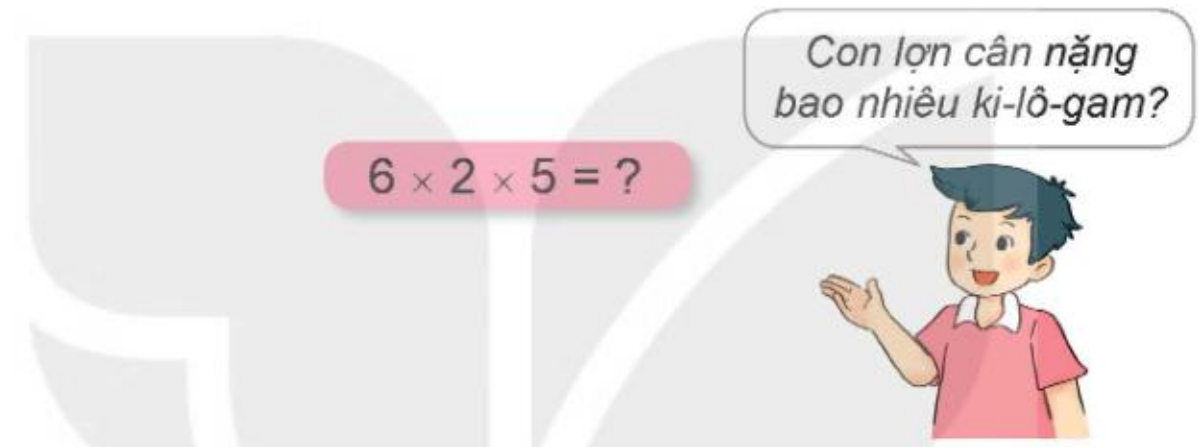

Nhận xét: (6 × 2) × 5 = 6 × (2 × 5).

b) Tính giá trị của biểu thức.

8 × 5 × 2

9 × 2 × 5

Chủ đề 7

ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Bài 41

ÔN TẬP PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100, 1 000

1 Tính nhẩm.

a) 20×3	40×2	50×2	30×3
b) $60 : 2$	$80 : 4$	$90 : 3$	$100 : 5$

2 Đặt tính rồi tính.

a) 34×2	15×6	23×4
b) $69 : 3$	$84 : 7$	$95 : 8$

3 Đ, S ?

a)
$$\begin{array}{r} 17 \\ \times \quad 5 \\ \hline 55 \end{array}$$

?

b)
$$\begin{array}{r|l} 86 & 6 \\ \hline 6 & 14 \\ \hline 26 & \\ 24 & \\ \hline 2 & \end{array}$$

?

4 Hai xe ô tô chở học sinh đi thăm Lăng Bác Hồ, mỗi xe chở 45 học sinh. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh đi thăm Lăng Bác Hồ?

5 Trong thùng có 28 *l* nước mắm. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu cái can loại 5 *l* để chứa hết lượng nước mắm đó?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 Tính nhẩm.

a) 300×3	400×2	200×4	500×2
b) $800 : 4$	$700 : 7$	$600 : 3$	$400 : 2$

2 Đặt tính rồi tính.

a) 423×2	107×9	91×8
b) $848 : 4$	$740 : 5$	$569 : 9$

3 Đ, S ?

a)
$$\begin{array}{r} 114 \\ \times \quad 6 \\ \hline 684 \end{array}$$
?

b)
$$\begin{array}{r|l} 510 & 5 \\ \hline 010 & 12 \\ 0 & \end{array}$$
?

4 Các bạn xếp 256 cái bánh vào các hộp, mỗi hộp 8 cái bánh. Hỏi các bạn xếp được bao nhiêu hộp bánh như vậy?

5 Tìm chữ số thích hợp.

a)
$$\begin{array}{r} 1\,?\,2 \\ \times \quad 4 \\ \hline 6\,0\,? \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 3\,? \\ \times \quad 7 \\ \hline ?\,?\,6 \end{array}$$

luyện tập

1 Chọn câu trả lời đúng.

a) Kết quả của phép nhân 192 × 4 là:

A. 468 B. 768 C. 786 D. 867

b) Kết quả của phép chia 906 : 3 là:

A. 320 B. 32 C. 203 D. 302

c) Số dư của phép chia 628 : 8 là:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

2 Tìm thành phần chưa biết trong phép tính.

a) ? × 6 = 186 b) ? : 7 = 105 c) 72 : ? = 8

3 Mi hái được 25 bông hoa, Mai hái được số bông hoa gấp 3 lần của Mi. Hỏi cả hai chị em hái được bao nhiêu bông hoa?

4 Số ?

a) $\frac{1}{3}$ số ngôi sao là ? ngôi sao.

b) $\frac{1}{5}$ số ngôi sao là ? ngôi sao.

5 Đố em!

Chọn chữ số 1, 2, 3 thích hợp thay cho dấu "?".

$$\begin{array}{r} ?\ ? \\ \times\quad ? \\ \hline 6\ \ 3 \end{array}$$

Bài 42

ÔN TẬP BIỂU THỨC SỐ

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) 731 – 680 + 19

b) 63 × 2 : 7

c) 14 × 6 – 29

d) 348 + 84 : 6

2 Mỗi bao gạo cân nặng 30 kg, mỗi bao ngô cân nặng 45 kg. Hỏi 3 bao gạo và 1 bao ngô cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

3 Những biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn hơn 80?

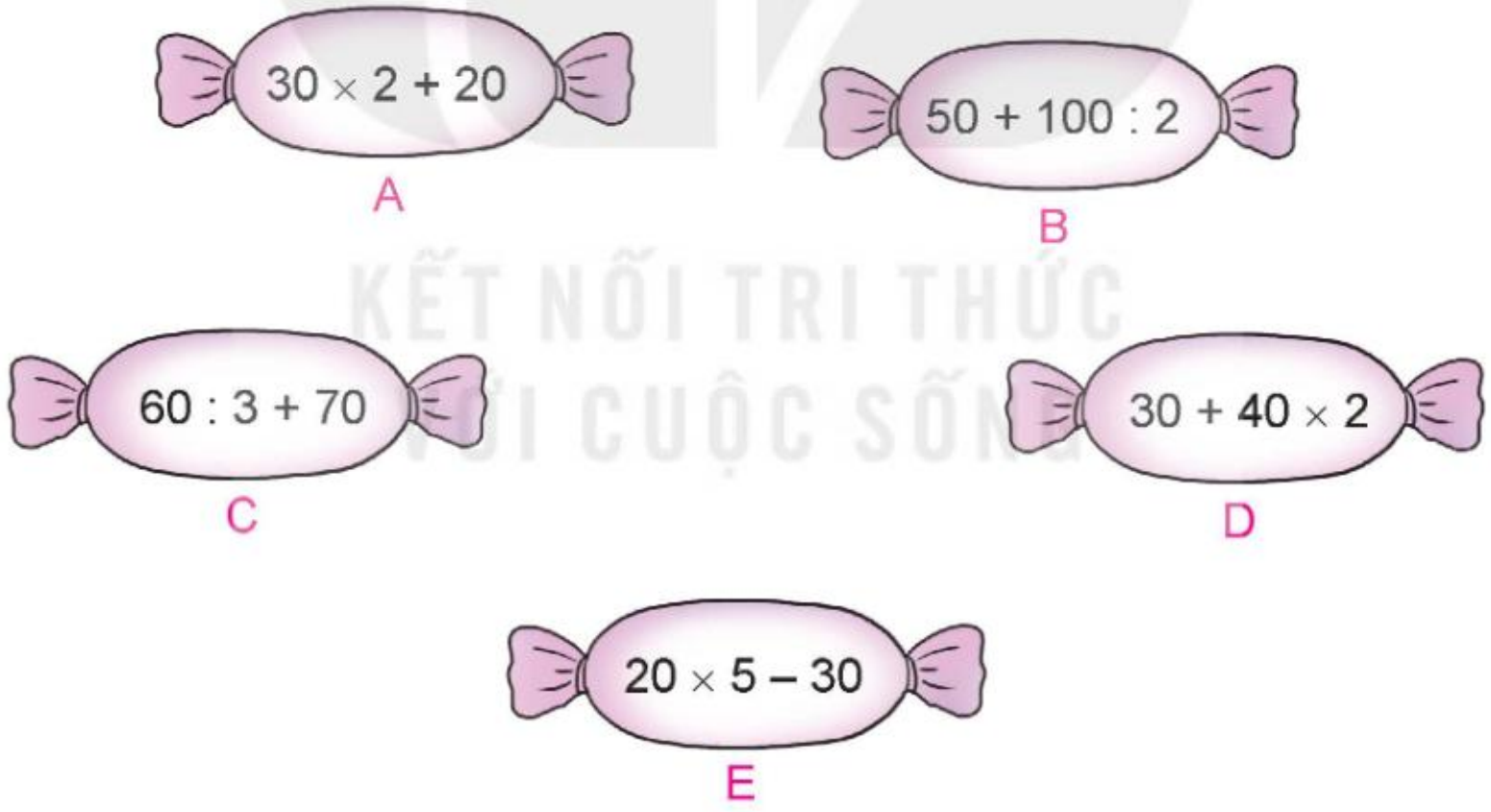

4 Đố em!

Chọn dấu phép tính "+; –" thích hợp thay cho dấu "?".

5 ? 5 ? 5 = 5

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) 182 – (96 – 54)

b) 7 × (48 : 6)

2 Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức dưới đây.

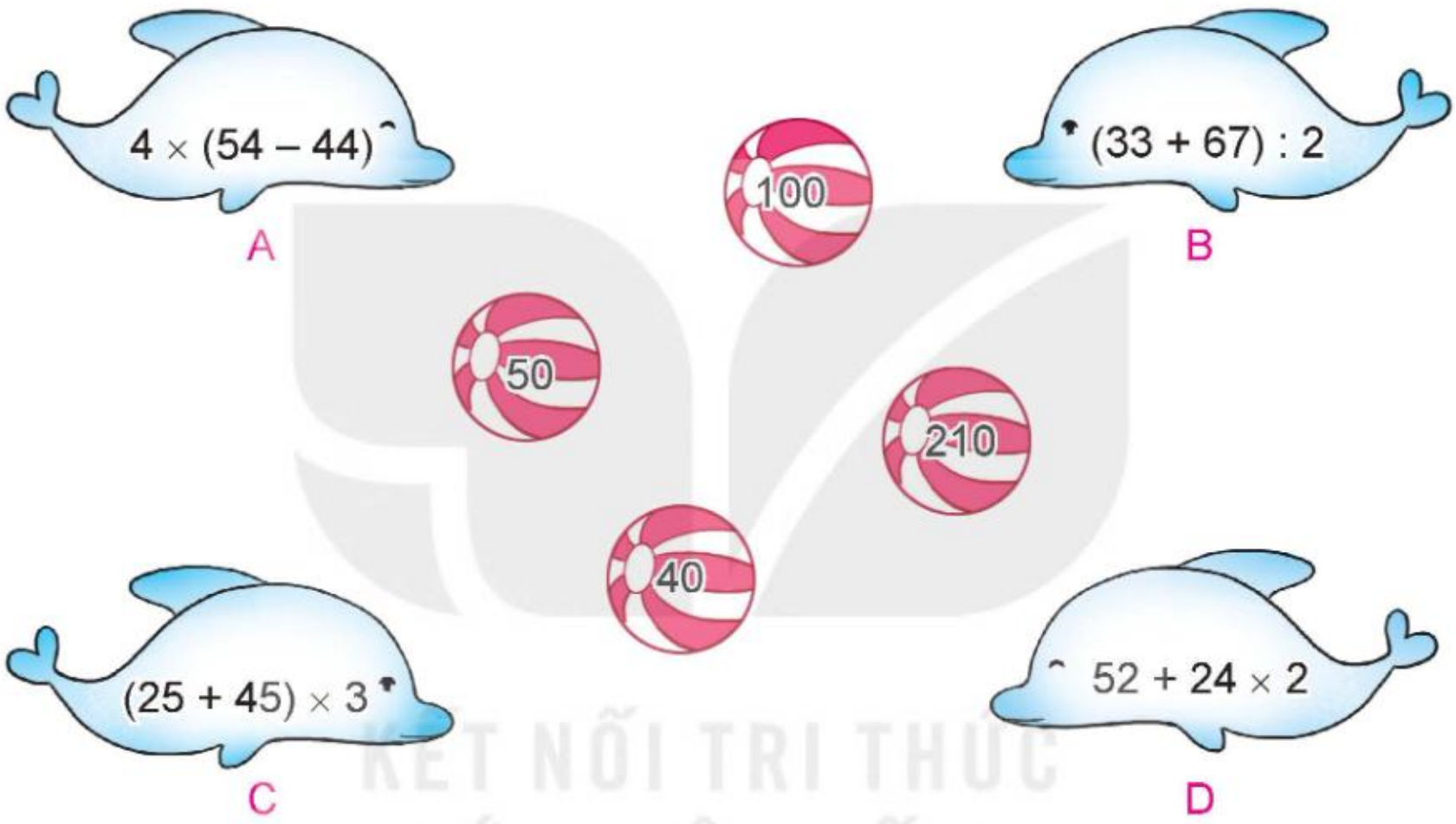

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) 27 + 34 + 66

b) 7 × 5 × 2

4 Người ta đóng 288 bánh xe ô tô vào các hộp, mỗi hộp 4 bánh xe. Sau đó đóng các hộp vào các thùng, mỗi thùng 8 hộp. Hỏi người ta đóng được bao nhiêu thùng bánh xe ô tô như vậy?

5 Đố em!

Chọn dấu phép tính "+; –; ×; :" thích hợp thay cho dấu "?" để được biểu thức có giá trị bé nhất.

6 × (6 ? 6)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 43

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1 Trong hình bên:

a) Có mấy góc vuông?

b) Có mấy góc không vuông đỉnh A?

c) Tìm trung điểm của đoạn thẳng AC và đoạn thẳng ED.

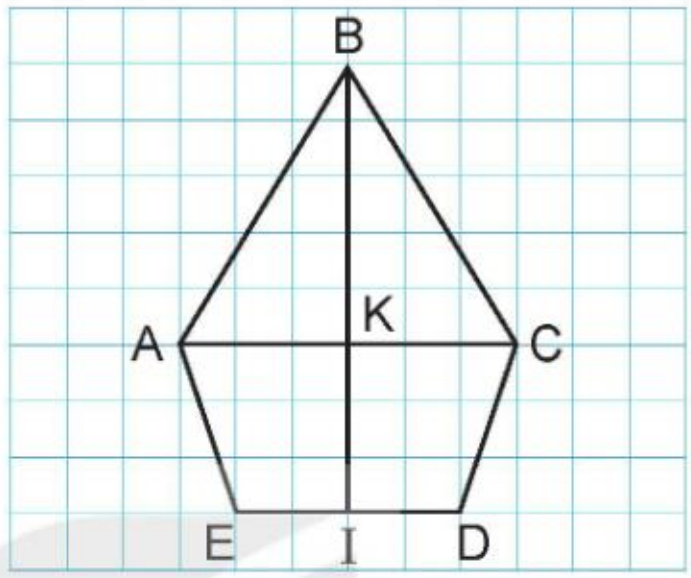

2 Vẽ hình (theo mẫu).

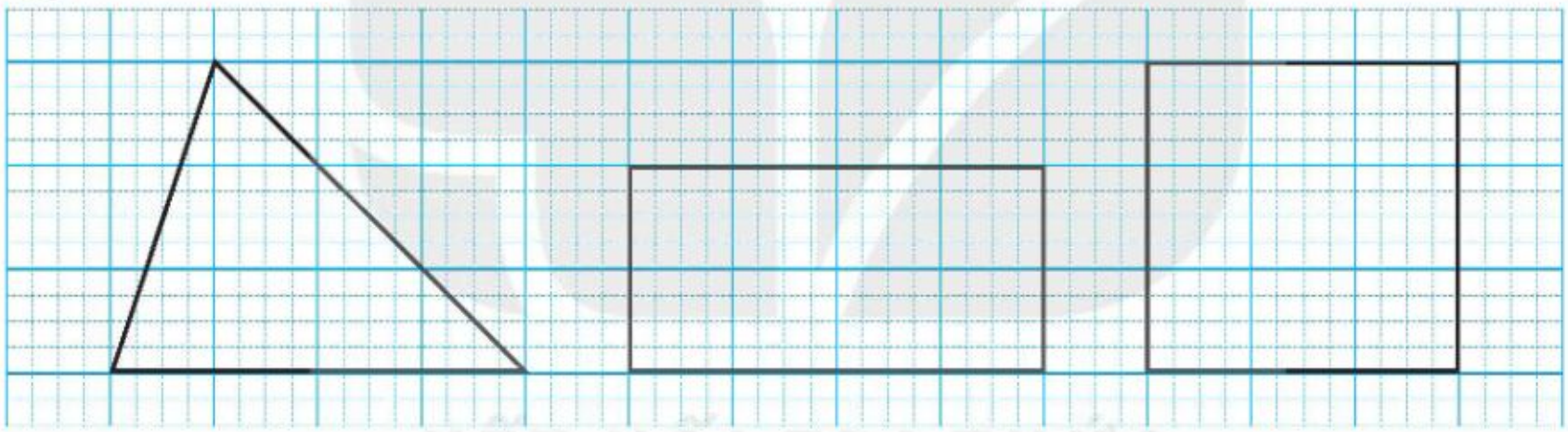

3 a) Nêu tên các đường kính, bán kính của hình tròn dưới đây.

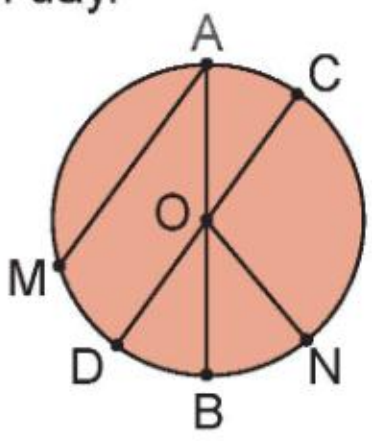

b) Hình dưới đây được xếp bởi bao nhiêu khối lập phương, bao nhiêu khối trụ?

4 Người ta xếp các khối lập phương nhỏ màu trắng thành khối hộp chữ nhật, rồi sơn tất cả các mặt của khối hộp chữ nhật đó (như hình vẽ). Hỏi có tất cả bao nhiêu khối lập phương nhỏ được sơn 3 mặt?

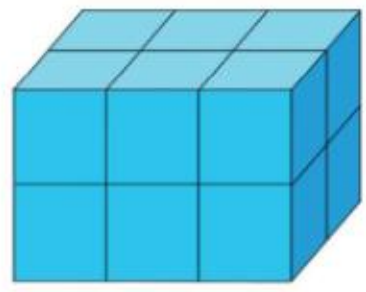

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.

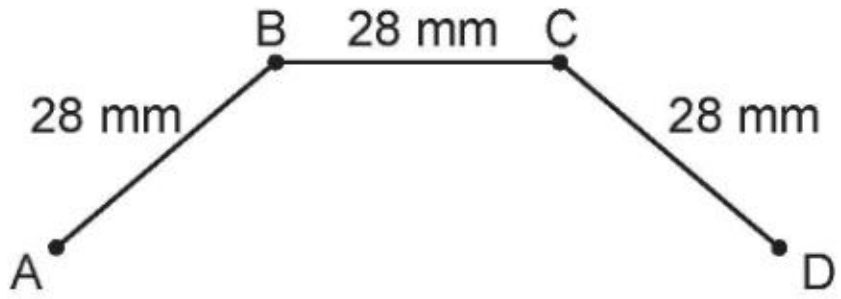

b) Quả bưởi cân nặng bao nhiêu gam?

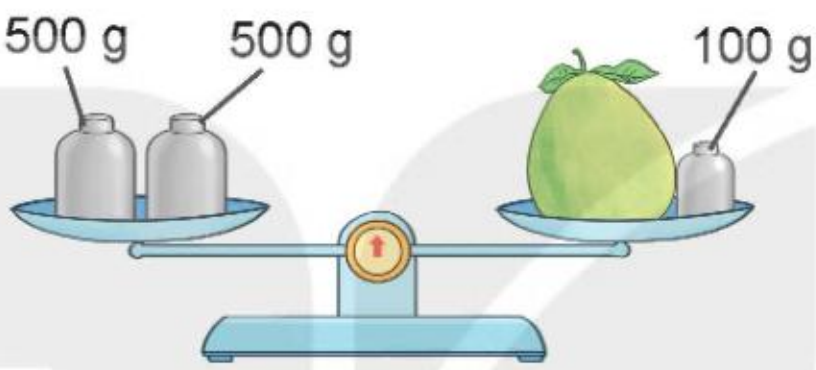

2 Chọn số đo thích hợp.

a) Quyển sách Toán 3 tập một dày khoảng:

A. 5 mm B. 5 cm C. 5 dm

b) Chiếc bút mực cân nặng khoảng:

A. 2 g B. 2 kg C. 20 g

c) Lượng thuốc nước trong một lọ thuốc nhỏ mắt có khoảng:

A. 15 ml B. 15 l C. 150 ml

d) Nhiệt độ cơ thể người bình thường khoảng:

A. 35 °C B. 37 °C C. 38 °C

3 Tính.

a) 480 mm + 120 mm	b) 465 g + 340 g	c) 500 ml + 156 ml
545 mm – 45 mm	200 g × 5	1 000 ml – 500 ml
840 mm : 3	900 g : 6	250 ml × 3

4 Một gói mì tôm cân nặng 80 g, một hộp sữa cân nặng 455 g. Hỏi 3 gói mì tôm và 1 hộp sữa cân nặng bao nhiêu gam?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 44

ÔN TẬP CHUNG

1 Đặt tính rồi tính.

213 × 3 | 217 × 4 | 161 × 5

2 Tính.

69 | 3 | 68 | 4 | 80 | 5

3 Trong hình bên:

a) Nêu tên trung điểm của các đoạn thẳng BC, ED, BM, ND.

b) Có mấy góc vuông? Nêu tên đỉnh và cạnh của mỗi góc vuông đó.

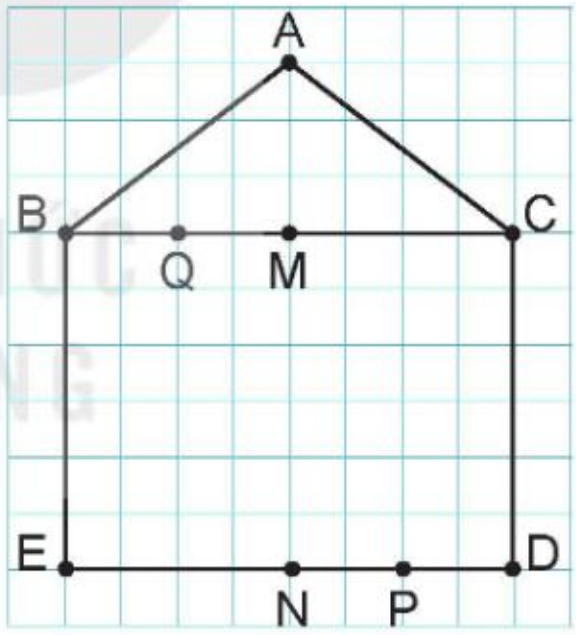

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) 175 + 42 – 75

b) 12 × (12 – 9)

5 Cửa hàng nhà bà Năm có 1 thùng đựng 100 *l* nước mắm và 5 can, mỗi can đựng 10 *l* nước mắm. Hỏi cửa hàng nhà bà Năm có tất cả bao nhiêu lít nước mắm?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

72×3	116×6	106×8

2 Tính.

963 | 3	265 | 5	720 | 4

3 a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.

b) Túi muối cân nặng bao nhiêu gam?

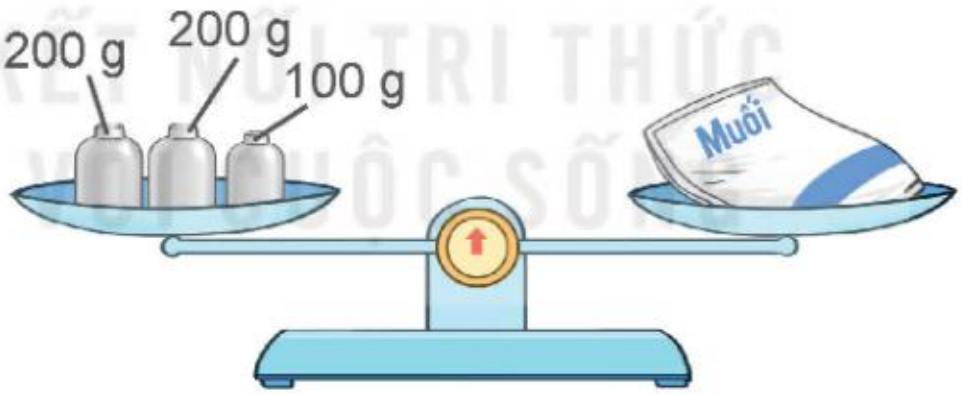

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) $96 : 3 \times 5$	b) $60 : (2 \times 3)$

5 Để giúp đỡ các bạn học sinh bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, tuần đầu trường em góp được 20 thùng sách vở và đồ dùng học tập. Tuần sau trường em góp được số thùng gấp 3 lần số thùng ở tuần đầu. Hỏi sau hai tuần trường em góp được tất cả bao nhiêu thùng sách vở và đồ dùng học tập?

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Trang
B	
ba số liên tiếp	7
bán kính	52
biểu thức	104
biểu thức có dấu ngoặc	107
C	
cạnh	56
Đ	
điểm ở giữa	49
đỉnh	56
đường kính	52

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thuật ngữ	Trang
G	
gam	87
giá trị của biểu thức	104
góc	54
góc không vuông	54
góc vuông	54
M	
mặt	63
mi-li-lít	89
mi-li-mét	85
một phần mấy	42
T	
tâm	52
trung điểm	49

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: LƯU THẾ SƠN – VŨ MINH HẢI
Biên tập tái bản: BÙI THU TRANG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: TRẦN LINH CHI
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN HỒNG QUÂN
Sửa bản in: PHẠM THỊ TÌNH
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TOÁN 3 - TẬP MỘT
Mã số: G1HH3T001h26

In ..... bản, (QĐ.....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/24-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-30706-4
Tập hai: 978-604-0-30707-1

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 3, tập một
2. Tiếng Việt 3, tập hai
3. Toán 3, tập một
4. Toán 3, tập hai
5. Tự nhiên và Xã hội 3
6. Đạo đức 3
7. Âm nhạc 3
8. Mĩ thuật 3
9. Công nghệ 3
10. Tin học 3
11. Hoạt động trải nghiệm 3
12. Giáo dục thể chất 3
13. Tiếng Anh 3 – Global Success – SHS, tập một
14. Tiếng Anh 3 – Global Success – SHS, tập hai

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-30706-4

9 786040 307064

Giá: 15.500 đ